



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Nguyễn Hữu Anh Tuấn**

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**
 (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
 11502 Daniel Ave.
 Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **NGHỆ THUẬT SỐNG CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ** (Nguyên Siêu), trang 8
- ◆ **ĐÓN GIAO THỪA GIÁP NGỌ** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ◆ **VAI TRÒ CỦA NGƯỜI THẦY VÀ TRÒ TRONG PHẬT GIÁO** (Hoang Phong dịch và giới thiệu), trang 10
- ◆ **HÁI MÙA XUÂN** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 11
- ◆ **HÒI SINH, TÌM** (thơ Diêu Linh), trang 15
- ◆ **TỰ THIẾU VÀ GIỚI SÁT** (Nguyên Giác), trang 16
- ◆ **LÊN THĂM CHÙA NÚI, NÉT XUÂN PHAI...** (thơ Phù Du), trang 17
- ◆ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC** (Thích Trí Chơn dịch), trang 18
- ◆ **TRONG KHUNG CỬA NHỎ** (thơ Nguyễn Thị Minh Thủy), trang 19
- ◆ **PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC** (Bs. Trần Xuân Ninh), trang 22
- ◆ **TỪ "ĐỘNG HOA VÀNG" ĐẾN NHỮNG TRANG "KINH NGỌC"** (Huệ Trân), trang 24
- ◆ **QUÁN NIỆM THÂN TÂM** (thơ Chân Minh Trí) trang 26
- ◆ **NGƯỜI GÌN GIỮ QUÁ KHỨ** (Nguyễn Văn Sâm), trang 27
- ◆ **BÓN MÙA HOA THƠ, CÓ MỘT MÙA XUÂN** (thơ Mặc Phương Tử), trang 29
- ◆ **THÔNG BẠCH KHỞI CÔNG XÂY DỰNG CHÙA PHÁP VŨ**, trang 30
- ◆ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ** (Huỳnh Tấn Lê), trang 31
- ◆ **VÔ TÌNH KHÁCH** (thơ Đồng Thiện), trang 31
- ◆ **TẮM RỬA CHO TÂM – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **HẠNH BỒ THÍ – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ **BỒ THÍ VÀ BỒ THÍ BA LA MẬT – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ◆ **ĐẠO PHẬT HẤP DẪN TRONG THẾ GIỚI NGÀY NAY** (Tuệ Uyển dịch), trang 37
- ◆ **TA VỀ THĂM NÀNG** (thơ Hồ Hương Lộc), trang 39
- ◆ **SONG HỒ HƯ ẢNH TRẮNG CÀI SẮC -KHÔNG** (Tâm Nguyên), trang 40
- ◆ **MẸ XÃ TÓC - TRỌN ĐỜI THƯƠNG MẸ** (thơ Tâm Thường Định), trang 41
- ◆ **THOÁNG BÓNG CHA HIỀN** (thơ Thích Đồng Trí), trang 42
- ◆ **NGÀY XƯA** (Võ Doãn Nhẫn), trang 49
- ◆ **VƯƠNG QUỐC THÀNH THẬT** (Đào Văn Bình), trang 52
- ◆ **VÔ THƯỜNG** (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 53
- ◆ **TRUYỆN NGẮN TRẮM CHỮ** (Steven N.), trang 56
- ◆ **CÔI RIÊNG** (thơ Quỳnh Dao), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: BÁNH CANH CHAY** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ◆ **Ý THỨC MỚI** (Nguyễn Tiên Yên dịch), trang 58
- ◆ **CHÂN LÝ PHẬT GIÁO** (thơ Minh Lương TMS), trang 60
- ◆ **RONG CHƠI** (thơ Đặng thị Quế Phượng), trang 61
- ◆ **ĐỌC BÀI "KỶ THANH PHONG AM TANG ĐỨC SƠN"** (Lam Nguyên), trang 63
- ◆ **DƯỢC THẢO** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ◆ **DINH DƯỠNG CHAY NGĂN NGỪA BỆNH TẬT** (Tâm Diệu), trang 66
- ◆ **BÌNH YÊN** (thơ Trịnh Gia Mỹ), tr. 67
- ◆ **CHO DÙ BIÊN BIỆT SƠN KHÊ...** (Tuệ Như), trang 72
- ◆ **THE STORY OF PATIPUJKA KUMARI** (Daw Mia Tin), trang 73

Báo Chánh Pháp số 28, tháng 03 năm 2014, do Chùa Pháp Vũ (Orlando, Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

TRẦM TƯ BÊN SÔNG

Những cơn mưa lớn chợt đến rồi chợt dứt, nhưng kéo dài suốt hai ngày như một cuộc tẩy trần lớn, khiến xe cộ đậu ngoài đường sạch loáng, và lá cây trong vùng cơ hồ xanh mướt thêm lên giữa màn trời mờ đục. Mưa đã tạnh mà nước vẫn không ngừng tuôn chảy dọc theo lề đường. Lượng nước quá lớn không kịp rút hết, đọng thành vũng, tràn lên lối đi. Thỉnh thoảng một vài chiếc xe dè dặt lướt qua, xé làn nước thành hai cột sóng tung toé. Khách bộ hành lần lượt rời những chỗ trú mưa; có người băng nhanh ra chỗ đậu xe, có người tiếp tục vội bước trên đường, cũng có người chân chừ đứng lại bên bờ sông, dưới những mái hiên của các cao ốc, hoặc nơi trạm xe buýt. Mọi người hầu như đều im lặng. Chỉ nghe tiếng gió rít trên những cành cây cao, và tiếng nước rơi từ các máng xối đầu đó chung quanh. Trên sông không một bóng thuyền. Những chiếc ca-nô lớn nhỏ đã cập bến và được neo lại từ những ngày trước, khi có dự báo mưa bão. Mặt sông gợn sóng làm cho những thuyền bè chòng chành theo nhịp. Một vài chiếc xuồng và ghe câu nhỏ được lật úp, máng trên các giàn gỗ dọc theo bờ.

Khi sử dụng xe cộ, thuyền bè, ai cũng biết chúng đều là phương tiện. Lớn-nhỏ, tốt-xấu, đất-rẻ, mới-cũ, đều là để chuyên chở, đi-lại. Quan trọng là các phương tiện ấy đưa đến bên bờ nào. Đồi sông thế tục có muôn vàn bên bờ, muôn vàn mục đích. Nhưng trong nẻo đạo, chỉ có một bên bờ duy nhất là giải thoát, giác ngộ. Nếu bờ bên kia chỉ là bờ của quyền lợi, quyền lực, hay danh vọng thì cả mục đích lẫn phương tiện đều sai lầm, hư dối.

Ngay cả khi đã chọn được một phương tiện tối hảo, không hẳn là phương tiện ấy sẽ đưa người ta cập được bên bờ như ý. Sở thích, cảm giác cá nhân hoặc định hướng sai

lệch của hoa tiêu có thể làm thay đổi lộ trình. Sương mù có thể làm cho thuyền mất hướng. Mưa bão có thể làm cho thuyền phải cập thời cập vào một bên bờ nào đó không phải là nơi chốn nhắm tới từ ban đầu.

Trong kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, đức Phật dạy: “*Pháp ta nói chỉ như chiếc thuyền. Pháp còn phải xả, hướng gì phi-pháp.*” Lời dạy cô đọng trong một tỷ dụ, mà hình ảnh thì rất đơn giản; ai cũng có thể hiểu, có thể suy diễn, nói rộng. Nhưng “xả” như thế nào, và “xả” cái gì, lại là nan đề không phải chỉ tốn hao giấy mực và ngôn thuyết, mà chính là phải vận dụng trí tuệ và công phu thực hành trong một đời, hay nhiều đời, để thâm nhập.

Hãy cùng chiêm nghiệm ý nghĩa và thái độ “xả” ấy bằng cách nói khác, cũng trong kinh Kim Cang, đó là “*ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.*” Đứng trụ tâm, đứng để tâm vương mắc, bám víu vào bất kỳ nơi chốn, thời điểm, khoảnh khắc hiện tiền, trạng thái khinh an, giai đoạn hỷ lạc, bờ bến tối hậu, tuyệt cùng... nào. Hoặc trong Bát Nhã Tâm Kinh, “*Gate, gate, paragate, parasamgate...*” Vượt qua, lại vượt qua, vượt qua cả sự vượt qua, vượt qua một cách rốt ráo (tất cả sự vượt qua)...

Chỉ bằng cách ấy mới có thể đến được bờ bên kia. Đáo bỉ ngạn. Đến, mà thực ra là chẳng đến. Đó mới thực là đến.

Mưa ngừng rơi nhưng gió vẫn tiếp tục thốc qua từng cơn làm rung cả những cành cây cao. Có vẻ như là những đám mây đen vẫn vũ suốt ngày đã bị gió cuốn đi, để lộ nửa vòm trời ửng bóng hoàng hôn. Gió giảm dần. Cầu vồng bắc một nhịp trắng lợt hờ ở phía tây của mặt sông lấp lóa nắng chiều. Đâu đó vẫn còn tiếng nước chảy róc rách. Xe cộ đã qua lại không ngớt trên đường. Và quang cảnh bên sông trở lại nhịp sống bình thường của một chiều đầu xuân.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Bình bát của Đức Phật từ Kabul sẽ được trả về cho Ấn Độ

Các quan chức cao cấp của ban Nghiên cứu Khảo cổ Ấn Độ (ASI) sẽ thăm thủ đô Kabul của Afghanistan vào cuối tháng này để xem xét bình bát khổng lồ nặng 400 kg – tương truyền thuộc về Đức Phật Cổ Đàm. Sau đó họ sẽ bắt đầu tiến trình đưa di tích này về lại Ấn Độ. Bình bát nói trên hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia của Afghanistan ở Kabul, khi trở về Ấn Độ sẽ được tôn trí tại vị trí nguyên thủy của mình ở Vaishali, một điểm hành hương ở bang Bihar.

Theo ASI, Đức Phật đã tặng bình bát này cho người dân Vaishali. Về sau nó được đưa đến Peshawar (Pakistan) rồi đến Kandahar và Kabul của Afghanistan.

Bình bát được làm bằng đá granite xanh xám, có đường kính khoảng 1,75 m, cao gần 4 m, vành dày 18 cm, phần dưới bình có khắc hình cánh hoa sen tinh tế. (Big News Network – January 15, 2014)



*Bình bát Vaishali thuộc Ấn Độ
Photo: PTI*

HÀN QUỐC: 7 ngôi chùa Hàn quốc được bổ sung vào Danh sách Đề cử hạng mục Di sản Thế giới UNESCO

7 sơn tự Phật giáo truyền thống Hàn quốc ở 5 tỉnh khác nhau đã được bổ sung vào Danh sách Đề cử hạng mục Di sản Thế giới UNESCO vào tháng 12-2013.

Trong 2 năm qua, Cục Quản lý di sản Văn hóa (CHA) cùng tổng phái Tào Khê và các chuyên gia về di sản văn hóa đã nhất trí đưa ra một danh sách các ngôi chùa

xứng đáng với danh hiệu này. Họ đã thực hiện những chuyến đi thực địa trên toàn quốc và tổ chức các cuộc họp để chọn 7 sơn tự truyền thống nói trên, gồm chùa Seonamsa và Daeheungsas ở tỉnh Nam Jeolla, chùa Beopjusa ở Nam Jeolla, chùa Magoksa và Tongdosa ở Nam Gyeongsang và chùa Bonjeongsas và Buseoksa ở Bắc Gyeongsang.

7 ngôi chùa này là hiện thân đương đại của tư tưởng, giá trị và văn hóa Phật giáo tại Hàn quốc, và là bằng chứng của sự giao lưu văn hóa diễn ra khắp Đông Á thông qua Phật giáo. Chúng gìn giữ hình thức nguyên thủy của Phật giáo bắt nguồn tại Ấn Độ, nhưng vẫn cho thấy sự ảnh hưởng của Trung Hoa cũng như các yếu tố bản địa Triều Tiên trong phong cách kiến trúc và phối cảnh.

(Archaeology News Network Hancinema – January 16, 2014)

3 trong số 7 sơn tự Hàn quốc được bổ sung vào Danh sách Đề cử Hạng mục di sản Thế giới UNESCO:



Chùa Tongdosa (Tỉnh Nam Gyeongsang)



Chùa Beopjusa (Tỉnh Bắc Chungcheong)



*Chùa Buseoksa
(Tỉnh Bắc Gyeongsang)
Photos : Archaeology News Network Hancinema*

ẤN ĐỘ: Phật tử cúng dường chư tăng tại Chùa Đại Giác ngộ

Hàng trăm Phật tử đã tập trung tại Chùa Đại Giác ngộ vào ngày 14-1-2014 để dự Lễ hội Kagyu Monlam, theo đó tín đồ cúng dường vật phẩm cho chư tăng để cầu mong được cứu độ. Lễ cúng dường được tổ chức dưới sự giám sát của Lạt ma Karmapa thứ 17. Đây là nghi lễ chỉ có tại Ấn Độ, được thực hành kể từ ngày Đức Phật Cổ Đàm đàn sinh.

Và Kagyu Monlam là lễ cầu nguyện Phật giáo đặc biệt cho nền hòa bình thế giới. Kinh cầu nguyện này là một con đường mà qua đó, vào những khi cấp bách, tình thương và lòng từ bi có thể được tạo thành để lan truyền ra từ Bồ đề Đạo Tràng như một ngọn sóng lớn. Đứng thành những hàng dài, tín đồ từ khắp thế giới tham dự lễ này nói rằng nghi lễ này sẽ giúp họ được cứu độ.

(Big News Network – January 16, 2014)

NEPAL: Sửa sang Bảo tháp Bouddhanath sau 15 năm

Ngày 16-1-2014, sau 15 năm, việc sửa sang và sơn lại đã khởi động tại Bảo tháp Bouddhanath, một di sản thế giới ở khu Sundarikal, Kathmandu. Ủy ban Phát triển Khu vực Bouddhanath (BADC) thuộc Bộ Văn hóa và Du lịch cho biết kinh phí sẽ là 4 triệu rupi.

Việc cải tạo này sẽ loại bỏ lớp ngoài bằng thạch cao trên mái vòm

của Bảo tháp, và một lớp sơn mới sẽ được sơn lên sau khi trát vữa mái vòm.

Chủ tịch BADC, ông Sampurna Kumar Lama, cho biết lần này sơn được dung thay cho thạch cao vì người ta phát hiện bảo tháp này bắt đầu bị nghiêng do sử dụng thạch cao trong quá khứ. Ủy ban cũng có kế hoạch xây dựng những phòng nghỉ và nhà vệ sinh hiện đại tại 2 nơi nữa trong khu Bouddhanath do xét thấy sự khó khăn mà du khách đã gặp phải. Các nhà vệ sinh sẽ có kinh phí 2,5 triệu rupi.

(tipitaka.net - January 19, 2014)

*Bảo tháp Bouddhanath (Nepal)
Photo: tipitaka.net*



AFGHANISTAN: Bảo tàng Quốc gia Afghanistan thu hồi và phục chế cổ vật

Kabul, Afghanistan - Chỉ vài năm trước, Bảo tàng Quốc gia của Afghanistan ở Kabul xác định có khoảng 70% của bộ sưu tập của mình đã bị phá hủy hoặc đánh cắp, bao gồm những bảo vật có niên đại từ thời kỳ Đồ Đá và Đồ Đồng, qua thời Hòa giáo (Ba Tư) và Phật giáo cho đến đầu thời Hồi giáo, và là minh chứng của một số nền văn hóa cổ đại bí ẩn nhất thế giới. Bây giờ Bảo tàng đã thu hồi và phục chế hàng chục nghìn cổ vật từng bị Taliban phá hủy cũng như bị trộm cướp.

Sự nâng cấp an ninh gần đây tại bảo tàng do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ vừa được hoàn tất, ít ra cũng chống được loại cướp phá từng xâm hại viện này trong 35 năm qua. Và một nhóm các nhà khảo cổ học từ Viện Đông Phương của trường Đại học Chicago đã đi được nửa đường của khoản tài trợ từ chính phủ Hoa Kỳ để ghi chép mọi vật trong các bộ sưu tập của

bảo tàng và lập tài liệu bằng kỹ thuật số. Nhằm phòng chống trộm cắp trong tương lai, dự án này cũng sẽ giúp cho việc phục chế và phục vụ như một nguồn tài liệu cho các học giả trên toàn thế giới.

(tibethouse.us - January 21, 2014)



Đầu một tượng Phật có niên đại cách đây khoảng 1.500 năm, được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Afghanistan



Các nhà khảo cổ học tại Bảo tàng quốc gia Afghanistan đang ghi chép các cổ vật trong những bộ sưu tập của bảo tàng để lập tài liệu bằng kỹ thuật số

Photos: Mauricio Lima / The New York Times

TÍCH LAN: Lễ kỷ niệm 150 năm của Phật phái Tích Lan La Mạn Na

Ngày 18-1-2014, tại khu Ruwanwell Maha Seya lịch sử ở Anuradhapura, Tổng thống Mahinda Rajapaksa cùng một số quan chức và chức sắc Phật giáo đã tham dự lễ kỷ niệm 150 năm của Phật phái Tích Lan La Mạn Na.

Tổng thống ghi nhận sự đóng góp vô cùng to tát của Đại Tăng đoàn trong việc bảo vệ và phát huy Phật giáo tại đất nước này trong suốt lịch sử. Ông nói rằng Đại Tăng đoàn đã bảo vệ và phát huy đạo Phật từ hơn 2.600 năm nay. "Chúng ta sẽ không có Phật giáo, cũng không có được một đất nước nếu không nhờ Đại Tăng đoàn", ông nói thêm.

Về tông phái La Mạn Na, Tổng thống Rajapaksa nói rằng

Phật phái này luôn luôn tiến về phía trước khi đất nước và đạo Phật bị đe dọa. Ông nói giáo hội La Mạn Na không bao giờ do dự tiến lên vì hạnh phúc và để bảo vệ đất nước trong những thời kỳ khó khăn.

(Buddhist Door - January 22, 2014)



Tổng thống Mahinda Rajapaksa tại lễ kỷ niệm 150 năm của phái La Mạn Na -Photo: Chaminda Perera

HOA KỲ: Giáo sư Triết học Phật giáo David J. Kalupahana từ trần

Giáo sư David J. Kalupahana, một tiếng nói quan trọng trong lĩnh vực triết học Phật giáo, đã từ trần tại nhà của ông ở Honolulu, Hawaii vào ngày 15-1-2014. Sau khi đậu Cử nhân tại quê nhà Tích Lan, Giáo sư Kalupahana tiếp tục học và đậu bằng Tiến sĩ Triết học tại trường Đại học Luân Đôn.

Sau một thời gian giảng dạy tại trường Đại học Tích Lan, ông đã làm việc tại trường Đại học Hawaii vào năm 1972, và cuối cùng ông trở thành chủ tịch của cả 2 khoa triết học cấp đại học và sau đại học. Các cuốn sách nổi tiếng của ông phân tích về văn học Phật giáo thời kỳ đầu như đã được gìn giữ trong kinh Pali, cũng như về các tác phẩm Đại Thừa tông cơ bản của Long Thọ Bồ tát.

(Buddha Dharma - January 23, 2014)



*Giáo sư David J. Kalupahana
Photo: Buddha Dharma*

NHẬT BẢN: Tượng Phật được khắc từ những cây thông bị sóng thần tàn phá

Khoảng 7.000 người trên khắp nước Nhật đã tạo tác một tượng Phật từ khoảng 20 thân cây của rừng thông Takata-Matsubara vốn bị sóng thần san bằng vào năm 2011.

Nhà điêu khắc tượng Phật Seizan Watanabe là thợ khắc chính của tượng Quan Âm này.

Nhưng hàng nghìn người khác cũng đóng một vai trò.

Sau khi dự án khởi động vào năm 2012, gỗ để làm tượng đã được gửi tới khoảng 30 địa điểm trên toàn quốc, là những nơi mà mỗi cư dân có thể chạm khắc một phần và đóng góp cho khu vực Tohok. Dự án này được lập ra để cầu nguyện cho những người đã chết và hỗ trợ cho việc tái thiết khu vực bị ảnh hưởng của trận sóng thần năm 2011.

Cây thông có nhiều lỗi, vì vậy Watanabe đã ghép những phần thân có chất lượng cao từ khoảng 20 cây và dùng phương pháp khắc từng miếng gỗ lớn.

Tượng sẽ được trưng bày tại quê nhà của Watanabe ở Fujisawa, Quận Kanagawa từ ngày 24-1-2014 trước khi được tặng cho khu Rikuzentakata, Quận Iwate – một trong những khu vực bị tàn phá nặng nề nhất trong thảm họa.

(Tipitaka Network – January 27, 2014)



Nhà điêu khắc tượng Phật Seizan Watanabe đang chạm khắc tượng Phật Quan Âm từ rừng thông bị sóng thần tàn phá - Photo: Nori-hide Furusawa

NHẬT BẢN: Đề xuất hòa bình của chủ tịch hội Phật giáo Soka Gakka Quốc tế

Tokyo, Nhật Bản – Vào ngày 26-1-2014, trong đề xuất hòa bình hàng năm của mình (năm nay mang tên 'Sáng tạo có giá trị

về Biến đổi Toàn cầu; Xây dựng các xã hội thích nghi và bền vững'), ông Daisaku Ikeda, chủ tịch hội Phật giáo Soka Gakkai Quốc tế (SGI), kêu gọi tăng cường sự hợp tác khu vực để ứng phó với các sự kiện thời tiết khắc nghiệt và thiên tai. Ông cũng đưa ra một chương trình toàn diện về giáo dục công dân toàn cầu và tổ chức một cuộc họp thượng đỉnh thanh niên về bãi bỏ hạt nhân diễn ra tại Hiroshima và Nagasaki vào năm 2015.

Daisaku Ikeda (1928 -) là một triết gia Phật giáo, người xây dựng hòa bình và nhà sáng kiến. Ông là chủ tịch của mạng Phật giáo thế tục SGI với 12 triệu thành viên trên khắp thế giới. Từ năm 1983, Ikeda đã đưa ra những đề xuất hòa bình vào ngày 26-1 hàng năm (là ngày kỷ niệm thành lập SGI vào năm 1975) nhằm vào các vấn đề toàn cầu quan trọng và để ủng hộ Liên Hiệp Quốc.

(PR Newswire SGI – January 27, 2014)



*Hình ảnh hội nghị SGI 2014
Photo: en.wikipedia.org*

TRUNG QUỐC: Các Phật đường phong cách Thái tại Chùa Bạch Mã

Việc xây dựng các Phật đường phong cách Thái tại Chùa Bạch Mã đã gần hoàn thành, và các giảng đường này sẽ mở cửa cho du khách vào nửa đầu năm nay.

Để bảo đảm đúng phong cách Thái, tất cả bản vẽ, thiết kế và trang trí của các giảng đường này đều do phía người Thái thực hiện.

Các Phật đường phong cách Thái tại chùa Bạch Mã được xây vào thập niên 1990; vào năm 2010, Thái Lan đã tài trợ cho việc mở rộng và sửa sang của dự án này để làm phong phú và nổi bật nền văn hóa và kiến trúc Phật giáo Thái, cũng như phát huy sự giao lưu văn hóa giữa Thái Lan và Trung quốc. Bây giờ,

các tòa nhà chính đã hoàn thành.

Chùa Bạch Mã là Phật tự đầu tiên tại Trung Hoa, được xây vào năm 68 A.D ở Lạc Dương, Hà Nam.

(ecns.cn – January 28, 2014)



*Khu Phật đường phong cách Thái tại Chùa Bạch Mã ở Trung quốc
Photos: Huang Zhengwei*



NHẬT BẢN: Tượng Phật cổ có mảnh pha lê gắn ở ngực

Otsu, Nhật Bản – Ngày 1-2-2014, Bảo tàng Lịch sử của Thành phố Otsu cho biết trên ngực một tượng Phật cổ nhỏ (cỡ lòng bàn tay) có gắn một mảnh pha lê (dài 2,5 cm và rộng 1,5 cm), có lẽ là tượng trưng cho ánh sáng từ cơ thể của Đức Phật.

Trong các tượng Phật, pha lê từng được tìm thấy trong mắt, đầu ngón tay và khoảng trống giữa 2 hàng lông mày, nhưng không thấy nơi phần ngực tượng như ở tượng này.

Đây là tượng Đức Phật nhập niết bàn làm bằng gỗ dài 12,8 cm, có thể đã được tạo tác tại xưởng của nhà điêu khắc Kaikei nổi tiếng của thời kỳ Kamakura (1192-1333).

Tượng được phát hiện trong một nhà kho của Chùa Shin Chion-in của phái Jodo-shu (Tịnh Độ tông) ở Otsu vào tháng 5-2013.

Tượng sẽ tiếp tục được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Otsu từ 8-2 đến 16-3-2014.

(Asahi Shimbun – February 2, 2014)



Tượng Phật nhỏ có gắn mảnh pha lê nơi ngực tại chùa Shin Chion-in ở Otsu, Nhật Bản

Photo: Yoshinori Mizuno

ẤN ĐỘ: Chư tăng thắp 10.000 ngọn nến cho hòa bình thế giới

Các tăng sĩ tại Quận Bồ đề Đạo tràng của bang Bihar đã tổ chức những lễ cầu nguyện đặc biệt và thắp 10 nghìn cây nến cho hòa bình thế giới.

Họ cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức.

Hội Đại Bồ đề của Ấn Độ đã tiến hành sáng kiến này trong một lễ hội kéo dài 3 ngày, từ ngày 1 đến 3-2-2014, đánh dấu kỷ niệm năm thứ 7 của việc thành lập Đại tịnh xá Đại Bồ đề Jaishree.

Nến và đèn bằng đất được

trang trí trước tượng Đức Phật trong tịnh xá, nơi các nhà sư thắp sáng những ngọn nến.

Tín đồ từ khắp nơi trên thế giới đã tham dự lễ hội. Họ cùng chư tăng thắp nến và cầu nguyện cho hòa bình.

(ANI – February 3, 2014)



Đại tịnh xá Đại Bồ đề Jaishree ở Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ

Photo: buddhistcircuitbihar.com

HOA KỲ: Chất liệu vàng trong tượng và tranh Phật giáo Nhật Bản

Để tôn vinh kỷ niệm năm thứ 30 của khu nghỉ mát sang trọng Halekulani, cuộc triển lãm “Ảnh sáng từ Bóng tối: Vàng trong nghệ thuật Nhật Bản” sẽ được tổ chức tại Bảo tàng Nghệ thuật Honolulu từ ngày 6-2 đến 1-6-2014. Triển lãm bao gồm một số tác phẩm nghệ thuật quan trọng của Nhật Bản trong bộ sưu tập của bảo tàng – từ nghệ thuật Phật giáo ban đầu cho đến tranh Nhật Bản thời sau – tất cả đều được sáng tạo với chất liệu vàng phong phú.

Vàng đã được sử dụng rộng rãi trong nghệ thuật Phật giáo Nhật Bản, đầu tiên trong điêu khắc và vẽ sau tranh. Một ví dụ tuyệt vời của vàng trong tranh Phật giáo là bức “Đức Phật Di Đà giáng hạ” của bảo tàng, được sáng tác vào thời kỳ đỉnh cao của nghệ thuật Phật giáo trong thời Kamakura, vốn ứng dụng rộng rãi kỹ thuật dát vàng phức tạp để tạo nên những chi tiết tuyệt đẹp.

(Buddhist Art News – February 4, 2014)



‘Hội hè dưới hoa Anh đào’, một tranh cổ có sử dụng vàng làm chất liệu, được trưng bày tại triển lãm ‘Ảnh sáng từ Bóng tối: Vàng trong Nghệ thuật Nhật Bản’ ở Honolulu

Photo: honolulumuseum.org

ĐÀI LOAN: Khóa tu dành cho sinh viên tại Tu viện Phật Quang Sơn

Chương trình Khóa tu Phật Quang được tổ chức tại Tu viện Phật Quang Sơn ở nam Đài Loan đang nhận đơn cho khóa tu mùa hè 2014. Chương trình kéo dài từ ngày 26-6 đến 24-7-2014, bao gồm 2 tuần giới thiệu và các lớp học, sau đó là khóa tu chuyên sâu kéo dài 7 ngày, một Hội thảo Thanh niên Quốc tế về Cuộc sống và Phật Thiền, và một tour tham quan Đài Loan.

Tu viện sẽ nhận từ 50 đến 60 sinh viên đại học hoặc cao đẳng (hoặc sinh viên đã tốt nghiệp sau khi tốt nghiệp 3 năm) tuổi từ 18 đến 35. Toàn bộ chương trình là miễn phí (người tham gia chương trình chỉ phải trả tiền vận chuyển khứ hồi).

Khóa tu này là một trải nghiệm về Phật viện Trung Hoa đích thực, nơi thực hành, giáo dục và giao tiếp xã hội thực sự diễn ra.

(patheos.com – February 4, 2014)



Những người tham gia Khóa tu Phật Quang Sơn năm 2010

Photos: Justin Whitaker

TÍCH LAN: Chư tăng làm lễ truyền giới cho cây rừng để ngăn chặn suy thoái môi trường

Các tăng sĩ Tích Lan đã thực hiện một lễ truyền giới đại chúng cho cây rừng như một phương cách độc đáo để thêm sức mạnh tinh thần cho những nỗ lực bảo vệ môi trường. Trong một sự kiện được tổ chức vào ngày 11-1-2014, hơn 50 nhà sư đã làm lễ thọ giới cho khoảng 1.000 cây trong Rừng Nigala, là nơi phải chịu một mối đe dọa do việc chiếm đất bất hợp pháp, canh tác mía và do những vụ cháy rừng.

Phong trào này được khởi xướng cách đây 30 năm bởi một nhóm ở Thái Lan tự xưng là Những Tăng sĩ Sinh Thái, và nó cũng đã được thực hiện tại Cạm Bốt, Việt Nam và Miến Điện. Ý tưởng ban đầu của truyền thống này là sử dụng biểu tượng được tôn trọng rộng rãi của áo cà sa để làm cho người khai thác gỗ ngần ngại khi đốn hạ cây.

(Shambhala Sun – February 7, 2014)



*Làm lễ truyền giới cho cây rừng
Photo: Buddha Dharma*

MIẾN ĐIỆN: Lễ hội Phật giáo thường niên dài nhất

Lễ hội Phật giáo thường niên dài nhất tại Miến Điện được tổ chức tại Chùa Shwesettaw ở thị trấn Minbu, vùng Magwe.

Lễ hội kéo dài gần 3 tháng, năm nay bắt đầu từ ngày 4-2 cho đến khi kết thúc Lễ hội Té nước Thingyan vào giữa tháng 4-2014.

Địa điểm diễn ra lễ hội này ở gần Sông Mann, cách Yongo khoảng 640 km về phía bắc, trên bờ tây sông Ayeyarwady. Nơi đây có một số chùa chiền, bao gồm 2 ngôi chùa Ahtat Settaw Yar và Eyunt Settaw được cho là có dấu chân của Đức Phật.

Hàng trăm ngôi lều bằng tre tạm thời được dựng lên mỗi năm

trên lòng con sông Mann gần như khô cạn để làm chỗ trú ngụ cho khách hành hương.

(Tipitaka Network – February 8, 2014)



Hàng trăm lều tre để khách hành hương trú ngụ trong Lễ hội Chùa Shwesettaw- (mm.times.com)

ẤN ĐỘ: Chư tăng tuần hành tại Bồ đề Đạo tràng để thúc đẩy hòa bình

Gần đây, các tu sĩ Phật giáo tại Quận Bồ đề Đạo tràng của bang Bihar đã tham gia một cuộc tuần hành để thúc đẩy hòa bình thế giới.

Tham dự sự kiện này còn có những người từ các nước khác nhau, các nhóm tôn giáo và học sinh từ các trường lân cận.

Sau cuộc tuần hành này là một lễ cầu nguyện cho hòa bình trên thế gian của chư tăng dưới cây bồ đề nổi tiếng, nơi Đức Phật giác ngộ.

Thống đốc bang Bihar, ông Nitish Kumar, cũng tham gia các lễ nói trên.

Cuộc tuần hành hòa bình này có sự tham dự của những người từ 8 nước khác nhau là Tích Lan, Thái Lan, Việt Nam, Miến Điện, Bhutan, Nhật Bản, Nam Hàn và Tây Tạng.

(Big News Network – February 9, 2014)



Cây bồ đề tại Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ- Photo: thezensite.com

LIÊN BANG NGA: Phật tử phản đối việc xây dựng nhà chọc trời tại vùng viễn Đông của Nga

Ngày 9-2-2014, khoảng 500

Phật tử từ khắp thế giới đã phát động một cuộc thiên định kéo dài 2 giờ tại vùng Viễn Đông của Nga để phản đối việc xây dựng một tòa nhà chọc trời. Họ kêu gọi giữ gìn tính chất độc đáo của Đồi Orlinaya Sopka ở thành phố Vladivostok, nơi chính quyền có kế hoạch xây dựng một tòa nhà dân cư 24 tầng, gần trung tâm Phật giáo Kim Cang Thừa tọa lạc trên đồi này.

Một phát ngôn viên của trung tâm Phật giáo nói trên cho biết rằng trong số những người phản đối có những Phật tử đến từ Mễ Tây Cơ, Nam Phi và Úc Đại Lợi.

Vào tháng 11-2013, Phật tử từ 18 nước đã thiên định trong 12 giờ để bảo vệ Đồi Orlinaya Sopka vì nó có vị trí cho tầm nhìn tuyệt vời toàn cảnh thành phố Vladivostok, một nơi kinh doanh và du lịch quan trọng tại Nga.

(en.ria.ru – February 11, 2014)

CỘNG HÒA CZECH: Bảo tàng Prague triển lãm cổ vật Phật giáo khai quật được từ Afghanistan

Cuộc triển lãm cổ vật Phật giáo do các nhà khảo cổ học Czech phát hiện tại Afghanistan sẽ được triển lãm tại Prague, thủ đô của Cộng hòa Czech.

Triển lãm sẽ diễn ra tại Bảo tàng Naprstek thuộc Bảo tàng Quốc gia vào cuối năm nay hoặc đầu năm tới.

Triển lãm sẽ giới thiệu về Mes Aynak, một địa điểm khảo cổ học ở tỉnh Logar gần Kabul (thủ đô của Afghanistan), nơi các pháo đài, một tòa thành, các tu viện Phật giáo, nhiều tượng và mô thời cổ đã được phát hiện.

Cộng hòa Czech là một trong những nước tham gia vào các cuộc khai quật trong thung lũng mà có lẽ đã từng nằm dọc Con đường Tơ lụa giữa châu Á và vùng Trung Á. Người Czech tham gia công việc này vào cuối năm 2011.

(Tipitaka Network – February 14, 2014)



*Khai quật khảo cổ học tại Mes Aynak, Afghanistan
Photo: flickr.com*

NGHỆ THUẬT SỐNG CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Nguyễn Siêu

Khi nói đến nghệ thuật sống là chúng ta sống như thế nào nơi tự thân của chúng ta, phù hợp với gia đình, làng nước, xã hội, quê hương của chúng ta, mà nhất là với vai trò của nam nữ cư sĩ Phật tử: chúng ta phải sống như thế nào mà chúng ta cảm nhận được sự bình an và niềm hạnh phúc mà tự thân ta có trong cuộc đời. Vì vậy, thường đọc ở trong kinh điển, thường kinh nghiệm qua tâm lý của con người trong cuộc sống này, chúng ta có thể thấy được đức tính của những khóm tre cây trúc, của những dòng sông, của cây mai, của đất, của áng mây; từ đó, nghiệm ra nghệ thuật sống của người Phật tử đối với tự thân, gia đình, xã hội và muôn loài.

Nghệ thuật sống thứ nhất là cây tre khóm trúc.

Chúng ta thấy được rằng nếu cuộc sống chúng ta không có sự uyển chuyển như bụi trúc, khi một cơn gió thổi qua, những cây tre sẽ xuôi theo chiều của làn gió, điều đó có nghĩa trong cuộc sống mình phải tùy duyên, phải hiểu mình hiểu người, mình phải có được cái tự tâm của mình, để rồi từ đó khi ta tiếp xúc với thực trạng cuộc đời, thực tế cuộc sống mà chúng ta không bị gãy đổ, không bị đau thương, không cảm thấy mất mát những gì chúng ta đang có. Sự uyển chuyển là một đặc tính của những bụi trúc, của những cây tre: không bao giờ gãy đổ trước những cơn giông bão, chúng luôn nương chiều theo cơn bão đó nên sẽ đứng vững mà không gãy đổ. Vì vậy, chúng ta là những nam nữ cư sĩ Phật tử, khi tiếp cận với những vấn đề trong cuộc sống thì cũng cần uyển chuyển để xây dựng cho mình một nghệ thuật sống đối với đương sự, hiện trường, hoàn cảnh.

Nghệ thuật sống thứ hai là như dòng sông.

Khi nói đến tinh thần đạo Phật là tinh thần vô tướng và tùy duyên, tinh thần đạo Phật không phải



một tính chất, hiện tượng, hiện trạng luôn luôn cứng nhắc, mà phải tùy thuộc, tùy duyên. Vì vậy tinh thần giới luật của nhà Phật là tinh thần giới luật tùy duyên chứ không cứng nhắc, không cố định, nên trên con đường hoằng lưu Phật pháp, đạo Phật truyền vào quê hương, dân tộc nào thì nền văn hóa của đạo Phật luôn phù hợp chuyển mình hòa tan vào văn hóa của dân tộc đó. Suốt gần 3000 năm lịch sử, đạo Phật có mặt trên thế gian này đã không làm ai phải khổ đau, không làm rơi một giọt máu, một giọt nước mắt vì tinh thần "Hoằng dương Phật pháp" của đạo Phật, vì đây là tinh thần tùy duyên của đạo Phật. Cho nên, chúng ta phải có nghệ thuật sống như dòng sông: nước đổ từ đầu nguồn xuống hạ nguồn và ra biển. Nếu dòng sông đó nằm trên cao nguyên, trên thác cao thì dòng nước chảy nhanh, nhưng khi xuống dưới trung nguyên hoặc bình nguyên thì dòng nước chảy một cách nhẹ nhàng, từ từ, nên thơ, để rồi dòng sông đó sẽ hòa nhập vào trong biển mà không giữ lấy tính chất cố định của chính nó. Trong cuộc sống cũng vậy, khi chúng ta sống trong một môi trường, hoàn cảnh nào đó, phải có nghệ thuật sống để hòa tan mình với tất cả mọi người, với chúng sinh, với môi trường sống của xã hội, mà không nên giữ lấy cái chấp ngã của mình. Sở dĩ có bao nhiêu điều để chúng ta phải khổ đau, buồn tủi cũng vì cái chấp ngã của mình vì mình không chịu hòa tan với đại chúng với mọi người. Chúng ta tự cho cái chủ thể, cái ngã của mình to, bản thân mình là quan trọng để bắt mọi người phải nghe lời mình, quan trọng vì mình; nhưng trong cuộc sống này chúng ta đều biết mọi người đều có Phật tánh, đều có sự hiểu biết, sự tu tập vì thế chúng ta phải kính trọng lẫn nhau, từ một cụ già cho đến một em bé luôn luôn chúng ta phải từ tốn, nhã nhặn, khiêm tốn, hòa ái với nhau. Nếu cái tôi của mình lớn thì sẽ làm chao đảo, ngã đổ cuộc sống, nó sẽ làm đời sống không được bình yên và tĩnh lạc. Nhất là những nam nữ cư sĩ Phật tử, chúng ta hãy bỏ đi cái chấp ngã, giảm trừ cái tôi của mình. Ngày nào chúng ta giảm trừ được cái tôi của mình, cái chấp ngã thì ngày đó mình hòa hợp với toàn thể, quần chúng; còn nếu không mình sẽ không thông cảm được ai, bắt mọi người tôn trọng cái tôi của mình. Trong kinh điển gọi là nghệ thuật sống như dòng sông là phải hòa tan vào trong biển cả. Nước sông không thể giữ được tính chất riêng của sông, mà phải hòa tan vào đại dương, tất cả được gọi chung trong một đại thể là nước. Khi nước ở dòng sông chúng ta gọi là nước sông nhưng khi nước sông ra ngoài biển thì chúng ta gọi là nước biển; vì vậy chúng ta phải hòa tan tự thể của mình với tất cả mọi người.

Nghệ thuật sống thứ ba như là cây mai.

Cây mai khi nào đó sẽ trở thành một cây đại thọ, thân của nó sẽ xù xì, khẳng khiu, nhìn vào là mình biết được cây mai đã trải qua rất nhiều thời gian mưa nắng, khó khăn đã phủ lên trên cành mai, gốc già của thân mai; nhưng thân mai vẫn vươn mình, chịu đựng với thời gian, mưa nắng, cho đến

ngày mùa xuân về thì hoa mai nở, dù rằng thời gian có tàn phá, đẩy đưa làm cho con người bị già nua, sinh ra rồi lớn lên rồi chết đi, nhưng đối với gốc mai già luôn luôn hứng chịu những cơn mưa, khó khăn nhưng sự vươn mình của gốc cây mai vẫn luôn hứng chịu với thời gian. Từ đó trên con đường tu tập của nam nữ cư sĩ, không phải chúng ta tu một ngày mà thành Phật, mà phải tu nhiều đời nhiều kiếp, băng qua thác ghềnh của sinh tử, hứng chịu nhiều đau thương lẫn lóc của vòng sinh tử luân hồi, tôi luyện cái tâm, ý chí của mình đối với thời gian để rồi từ sự tôi luyện đó, tâm của chúng ta sẽ vững chắc trong ngôi nhà Phật pháp, giống như gốc cây mai già chịu mưa, chịu nắng, chịu phong ba bão táp nhưng cội mai đó luôn luôn vững chãi trên sườn đồi để vươn mình rồi tồn hữu trên vũ trụ này. Dù gặp bao điều trái ý Phật lòng, bao điều gian truân trong cuộc sống, chúng ta phải vượt qua đó một cách kiên định, gìn giữ cái tâm không bị nao núng, ý chí không gãy đổ thì sẽ đạt được thành tựu trên con đường giác ngộ, tu tập của chính mình.

Nghệ thuật sống thứ tư giống như đất.

Nhẫn nhục, chịu đựng, kiên cố, vững chãi. Đất sản sinh và nuôi lớn tất cả mọi sự vật trên thế gian, con người sống cũng nhờ đất, chết cũng nhờ đất, mọi sơn hà đại địa đều nhờ đất, vì vậy đất tượng trưng cho đức tính nhẫn nhục chịu đựng. Chúng ta tưới nước dơ đất cũng không than phiền, tưới nước sạch đất cũng không vui mừng. Con đường tu tập chúng ta cũng vậy: cần một nghệ thuật sống như đất, khi đó chúng ta mới tĩnh lặng trên cuộc sống ba đào này. Nếu chúng ta không có nghệ thuật sống như đất, chúng ta sẽ bị chao đảo bởi những tiếng khen chê, vừa lòng không vừa lòng. Nếu chúng ta bị chi phối bởi những khen chê đó thì mình đang sống cho người khác, điều đó có nghĩa mình không làm chủ được chính mình. Cho nên chúng ta phải sống nhẫn nhục, chịu đựng như đất.

Nghệ thuật sống thứ năm là nghệ thuật sống như đám mây.

Có nghĩa là nghệ thuật sống bình bằng, không vướng bận. Hôm nay ở phương trời này, hôm sau ở phương trời khác, mây không cố định một chỗ, không bị vướng mắc ở phương trời nào, không vướng mắc bởi bất cứ nhân tố nào. Người Phật tử nên giữ tâm thanh thản, cởi mở, không dính mắc. Nếu tâm hồn mình dính mắc thì sẽ bị hãm nịch, không thể vượt thoát được, mà không vượt thoát được sẽ không giác ngộ. Tâm của mình bị hãm nịch bởi lời chê-khen, thương-ghét, bằng lòng-không bằng lòng, thì chúng ta sẽ không còn tâm để vượt thoát, bình bằng như mây. Nên trong cuộc sống phải có nghệ thuật sống thứ năm, là nghệ thuật sống như áng mây trời, bình bằng, tự tại.

Khái lược qua năm nghệ thuật sống, cầu mong rằng tất cả chúng ta đều biết sống một cách nghệ thuật: nhẫn nhục kiên định như đất; bình bằng tự tại như mây; vươn lên chịu đựng như gốc mai già; cuộc sống uyển chuyển như cây tre, bụi trúc; an nhiên tự tại, hòa mình vào đại thể như dòng sông.

(Ghi lại từ một bài giảng của HT. Thích Nguyên Siêu)



Đón Giao Thừa Giáp Ngọ

*Xuân Giáp Ngọ, bốn bề tuyết phủ trắng,
Lạnh run người, tham lễ cũng khó khăn,
Vào chánh điện miệng khấn vái lâm râm,
Cơn lạnh vẫn âm thâm mà len lõi.
Đón Giao thừa số người còn ít ỏi,
Đúng giờ thì thầy viện chủ cử hành,
Giờ Lễ nghiêm trầm bỗng theo âm thanh,
Lạy Chúc tán, đón mừng xuân năm mới.
Trên bục giảng, với lời chúc diệu vợi,
Theo lời kinh đức Phật dạy từ lâu,
Xuân hạnh phúc, an lạc với nhiệm mầu,
Cho tất các sanh linh cùng vạn loại.
Mừng xuân mới tâm hồn cần phải mới,
Xả bỏ đi tất cả tham sân si,
Xuân Di Lạc ta cố gắng nương về,
Lòng hỷ xả như Ngài cười tự tại.
Nụ cười của Ngài, từ bi vô ngại,
Thương chúng sinh vạn loại phải như nhau,
Đệ tử Phật nên sánh bước như sau:
Dem hạnh nguyện từ bi mà hành xử.*

THIỆN THỆ TỬ TÍN NGHĨA

Mạnh xuân Giáp ngọ - 2014



VAI TRÒ CỦA NGƯỜI THẦY VÀ NGƯỜI TRÒ TRONG PHẬT GIÁO

Hoang Phong giới thiệu và chuyên ngữ

Đức Phật đã tịch diệt hơn hai mươi lăm thế kỷ, và chỉ còn lại Đạo Pháp được lưu truyền cho đến ngày nay. Thế nhưng Đạo Pháp thì lại vô cùng sâu sắc, đa dạng và khúc triết, đây là chưa kể đến các sự biến dạng và thêm thắt trên mặt giáo lý cũng như các phép tu tập đã được "sáng chế" thêm để thích nghi với thời đại, bản tính và sự bám víu của con người. Muốn đến gần với Đạo Pháp của Đấng Thế Tôn ngày nay thật hết sức khó.

Phần đông những người đến chùa thì chỉ nhìn vào các vị thầy đứng "chắn ngang" trước bàn Phật, họ không tìm cách trông thấy Phật sau lưng các vị ấy, và cũng chẳng cần biết giáo lý của Đức Phật là gì. Trong thời buổi nhiễu nhương, vàng thau lẫn lộn, người đến chùa cũng lẫn lộn trắng đen. Nói thế không có nghĩa là để chỉ trích bất cứ ai cả mà chỉ muốn nêu lên vai trò vô cùng quan trọng của các vị thầy tức là tăng đoàn nói chung, trước sự tồn vong của Đạo Pháp. Trong xã hội ngày nay, con người chỉ biết lo miếng cơm manh áo và đua đòi vật chất, đối với việc tu học giúp biến cải tâm thức và mang lại cho mình một cuộc sống tâm linh phong phú hơn, thì may lắm là họ chỉ còn đủ thời giờ để thỉnh thoảng "nhìn vào" hay "trông vào" người thầy. Thế nhưng câu hỏi đặt ra là người thầy trong xã hội ngày nay có còn đáp ứng được sự mong mỏi - dù chỉ thật hơi hợt và phiến diện - của họ hay không? Sự thật đôi khi cũng phủ phàng đối với người tu hành và cả người thế tục. Chẳng qua tất cả cũng chỉ vì thời cuộc đổi thay và hoàn cảnh đưa đẩy họ mà thôi. Dưới một khía cạnh nào đó thì chẳng phải là lỗi của ai cả, nhưng dưới một khía cạnh khác thì cũng có thể xem là lỗi của tất cả.

Người thầy là vị đại diện cho Đạo Pháp, người thế tục thì còn phải vật lộn với cuộc sống. Người thầy lo chúng dọn bàn thờ và chờ người thế tục đến

cúng dường, người thế tục làm ăn vất vả và luôn lo sợ phùng khóm đến "quyên" trăm thứ. Mỗi người một mối lo: miếng ăn là trước nhất, giáo lý và Đạo Pháp đã có người khác lo. Người tu hành có còn ý thức được ý nghĩa cao cả của chiếc áo mà mình khoác lên người hay không? Người thế tục có còn ý thức được là ngoài miếng ăn nuôi thân xác còn phải cần đến những món ăn tinh thần tinh khiết hơn, giúp mang lại một ý nghĩa nào đó cho cuộc sống của mình hay không? Chính vì các mối quan tâm ấy mà hai bài ngắn sau đây đã được chọn và phiên dịch. Một bài do Đức Đạt-lai Lạt-ma giảng dạy, một bài góp nhặt một số câu thuyết giảng của nhà sư Thái Lan quá cố là Ajahn Chah (1918-1992).

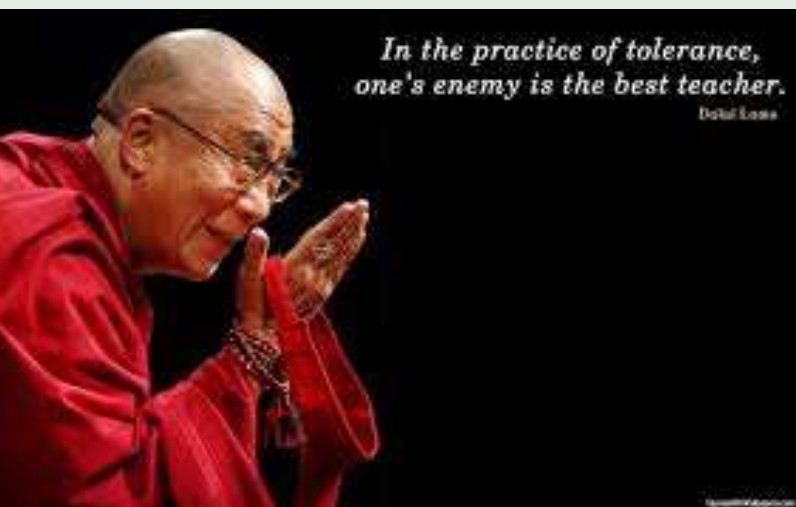
Bài giảng của Đức Đạt-lai Lạt-ma được dựa vào một tập luận nổi tiếng của Tây Tạng là Lamrim (nguyên nghĩa là *Con đường đưa đến giác ngộ*). Độc giả có thể xem bản gốc bằng tiếng Pháp của bài này trên trang web: <http://www.buddhaline.net/Reconnaitre-les-competences-du>. Bài thứ hai được trích từ một quyển sách nổi tiếng là *No Ajahn Chah (Không hề có Ajahn Chah)*, độc giả có thể đọc bài trích dẫn này bằng tiếng Pháp trên trang web: <http://www.buddhaline.net/Le-maitre>, hoặc cũng có thể đọc toàn bộ quyển sách này với tựa là *"Qui est Ajahn Chah?" (Thế ai là Ajahn Chah?)* trên trang web:

http://www.dhammadelaforet.org/sommaire/no_ajahn/no_ajahn.html, do bà Jeanne Schut dịch, bà là một Phật tử người Pháp rất trung kiên và tích cực, tu tập theo truyền thống "Tu Trong Rừng" đã từ hơn 30 năm nay. Ngoài ra độc giả cũng có thể xem toàn bộ bản tiếng Anh của quyển sách *"No Ajahn Chah"* trên trang web: http://www.ajahnchah.org/pdf/no_ajahn_chah.pdf.

Bài 1

LÀM THẾ NÀO ĐỂ XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG CỦA MỘT NGƯỜI THẦY *Đức Đạt-lai Lạt-ma*

Trong việc quảng bá sự hiểu biết, vai trò của người Thầy thật hết sức cần thiết, thế nhưng người Thầy thì cũng phải có đầy đủ khả năng. Vì thế thật hết sức quan trọng là người thầy phải có một số vốn liếng sâu rộng về kinh điển, đã đạt được nhiều kết quả tu tập cũng như các sự chứng nghiệm bản thân về giáo lý, được như thế thì họ mới có thể truyền đạt lại cho kẻ khác được. Tuy nhiên mục đích trước tiên của giáo huấn Phật Giáo là kỷ cương đạo đức, vì thế dù có hội đủ các tiêu chuẩn trên đây đi nữa, thế nhưng nếu một người thầy chưa hoàn toàn chủ động được tâm thức mình thì số vốn liếng hiểu biết trên đây cũng sẽ chẳng mang lại ích lợi gì cho kẻ khác. Người thầy phải đạt được tất cả các cấp bậc tu tập cần thiết, và trên phương diện hiểu biết kinh điển thì cũng phải trội hơn các đệ tử của mình.



Vậy phải làm thế nào để có thể đạt được các điều kiện đó? Phải thực hiện ba phép tu là trau dồi đạo đức (*tu giới*), tập trung thiền định (*tu định*) và phát huy trí tuệ (*tu tuệ*). Nhất là người giảng dạy, dù là người tu hành hay thế tục, đều phải phát nguyện giữ gìn kỷ cương đạo đức giúp mình chủ động các giác cảm của mình (*tức kiểm soát các sự thúc đẩy và đòi hỏi của bản năng*). Nếu không thì các giác cảm cũng sẽ chẳng khác gì như một đàn ngựa hoang, sẽ xui khiến mình vi phạm vào các hạnh vi thiếu đạo hạnh. Một người giảng dạy phải biết lắng sâu vào thể dạng tĩnh lặng của thiền định, tức là phép tập trung vào một điểm, là phương pháp duy nhất giúp mình tránh khỏi mọi sự xao lãng tâm thần gây ra bởi các sự xáo động của bối cảnh chung quanh và sự bạc nhược trong tâm thức mình. Hơn nữa người giảng dạy cũng phải đạt được trí tuệ mang lại từ lòng vị tha và phải quán nhận được Tánh Không của sự hiện hữu tự tại, đó là những gì thật cần thiết giúp mình loại bỏ các thứ xúc cảm tiêu cực, có thể khiến cho dòng luân lưu của tri thức mình trở nên chai lì và cứng cố. Ngoài ra người giảng dạy cũng phải thực hiện được bản chất vô ngã của chính mình, ít ra là trên phương diện lý thuyết, nhờ vào việc học hỏi trong kinh sách.

Nhằm giúp cho việc giảng dạy được hữu hiệu người thầy phải có một kiến thức thật bao quát về kinh điển cũng như các đường hướng giáo huấn khác biệt nhau (*tức các học phái và tông phái khác*). Chỉ khi nào đã tạo được cho mình hạnh trang trên đây thì quý vị mới có thể khơi động được sự ham thích học hỏi nơi người trò. Trong khi thuyết giảng quý vị phải được thúc đẩy bởi lòng mong cầu sao cho các môn đệ của mình tìm thấy được nhiều an vui hơn. Lòng tử bi đối với họ phải luôn dâng trào trong lòng mình, và nhất là phải loại bỏ mọi mối quan tâm mang tính cách cá nhân (*mặc cảm hoặc dẫn đo chẳng hạn*) khi phải thuyết giảng các khái niệm khúc mắc trong giáo lý, nhờ đó mình cũng sẽ ngày càng vững tin hơn mỗi khi phải đề cập đến các khái niệm thật sâu sắc ấy.

Nếu quý vị thật lòng muốn giảng dạy thì nhất thiết phải hội đủ các phẩm tính trên đây. Đối với các môn đệ cũng thế, thật hết sức quan trọng là phải nhận biết được các phẩm tính ấy hầu giúp mình tìm một người thầy xứng đáng. Nếu không tìm được ai cả, thì quý vị nên chọn người nào mang nhiều phẩm tính hơn so với các khiếm khuyết của họ.

Khắp nơi trên thế giới không thiếu những người Tây Tạng tìm mọi cách để giảng dạy, thế nhưng trong số họ nhiều người chưa đủ tư cách để đảm trách việc ấy. Các người tu tập phải thật cảnh giác và phải lánh xa. Không nên nhắm mắt lao bừa. Phải tìm hiểu trước đã. Thật vậy, người thầy giảng dạy phải có khả năng phân tích thật mạnh, và người đệ tử thì cũng phải nhận thấy được phẩm tính đó để chọn một người thầy cho mình. Mục đích của việc giảng dạy là mang lại cho người nghe các liều thuốc hóa giải ba thứ nọc độc là: tham dục, hận thù và vô minh. Do đó trí tuệ thật hết sức cần thiết (*tham dục, hận thù và vô minh thuộc lãnh vực tâm thần, do đó các liều thuốc hóa giải cũng phải thuộc vào lãnh vực tâm thần. Không có một sức mạnh bên ngoài nào có thể thực hiện được việc đó, ngoài trí tuệ phát sinh từ sự luyện tập tâm thức của chính mình*).

Kunu Lama Tenzin Gyaltzen (1895-1977, một vị thầy Tây Tạng thật uyên bác, không ngả theo một tông phái hay học phái nào cả) có kể lại với tôi một câu chuyện như sau về một vị đại sư có tiếng của tỉnh Kham thuộc vùng tây nam Tây Tạng là Patrul Rinpoché (1808-1887, một vị Lạt-ma thuộc Ninh Mã

thơ

HÁI MÙA XUÂN

*Ai hái mùa xuân thả thênh thang
Bên đồi rực rỡ những hoa vàng
Trời bát ngát hương thời xa lắc
Trong mắt em xanh cả nỗi mừng.*

*Ta chép tặng người dầm trang Kinh
Trí tuệ nghìn năm sánh lung linh
Ai như một bóng chim cô độc
Từ mùa xuân trước - chứng vô tình.*

*Ai vẽ mà xanh cả sơn hà
Ngàn hoa bỗng nở ở quanh ta
Trong cõi xuân sang trùng điệp đó
Thôn thức làm sao tiếng Di Đà.*

*Ta hái mùa xuân thả trên sông
Mai kia ra biển với muôn trùng
Tịnh yên hóa hiện trời xanh biếc
Nghìn kiếp nào trôi suốt bốn tâm.*

LÝ THỪA NGHIỆP



Phái - *Nyingmapa*), và vị này rất ngưỡng mộ nhà sư thông thái Tịch Thiên (Shantideva) tác giả tập *Hành Trình đến Giác Ngộ* (Bodhicharyavatara). Patrul Rinpoché là một người tu hành chân chính, sống một cuộc sống thật đôn sơ. Nhiều người tu hành thường kéo nhau đến quấy rầy ông, dân chúng cũng muốn được tiếp kiến ông ta. Quá mệt mỏi với các chuyện ấy, ông bèn trốn sang một ngôi làng khác và xin tá túc trong một gia đình nọ. Bà chủ gia đình thuê ông giúp việc nhà. Ông lau nhà, dọn dẹp, không nề hà bất cứ việc gì, kể cả việc đổ bỏ dơ bẩn. Vài hôm sau các nhà sư quen biết ông tìm đến ngôi làng này. Họ hỏi thăm người phụ nữ chủ gia đình xem có thấy vị lạ-ma của họ đi ngang đây không. Bà này bèn hỏi đáng đấng ông ấy thế nào. Sau khi nghe các vị sư đi tìm mộ tả diện mạo vị lạ-ma của họ, thì người phụ nữ hiểu ngay là trước đây mình đã xử sự thật sai trái và vô cùng hối tiếc.

Các vị lạ-ma đích thật chẳng hạn như Patrul Rinpoché lúc nào cũng là những người thật khiêm tốn, dù có thật nhiều khả năng phi thường. Chữ *la-ma* (lạ-ma) trong tiếng Phạn có nghĩa là một vị đạo sư (*guru / vị thầy tâm linh*) "thượng thặng", một người tu hành đã tạo được cho mình nhiều phẩm tính thật sâu sắc hầu giúp mình thực hiện các nghĩa cử cao đẹp. Ngày nay nhiều vị lạ-ma không còn giữ được các phẩm tính ấy. Chiếc ngai thuyết giảng của họ thật cao, chiếc mũ trên đầu thật uy nghi, thể nhưng các khả năng tâm linh của họ không xứng đáng với những thứ ấy.

Vì thế khi nào quý vị tìm được một vị thầy xứng đáng thì phải quý trọng vị ấy (*vì họ rất hiếm*). Và trong trường hợp này thì quý vị cũng nên đem những lời giảng dạy của vị ấy ra thực hiện, vì đây là cách tỏ bày lòng quý mến của mình đối với vị ấy.

Vậy phải thuyết giảng như thế nào?

Người thuyết giảng giáo lý Phật Giáo phải được thúc đẩy bởi lòng quyết tâm sâu xa giúp đỡ kẻ khác. Một trong các vị thầy đầu tiên của học phái Cam Đan (Kadampa) cho biết rằng mỗi khi đứng ra thuyết giảng thì trước đó vị ấy luôn ngồi xuống thiền định về vô thường (*những lời thuyết giảng của mình là vô thường, danh vọng là vô thường, người nghe là vô thường, chính mình là vô thường, tất cả đều là vô thường. Đã là vô thường thì tất cả cũng chỉ là khổ đau mà thôi, do đó việc thuyết giảng phải được thúc đẩy bởi lòng từ bi thật rộng lớn*), dù bận rộn và chỉ ngồi thiền được một lúc đi nữa. Vị ấy nêu lên một tấm gương hết sức tuyệt vời, thật vậy việc thuyết giảng phải được thúc đẩy bởi một động cơ thật chính đáng. Không nên xem việc giảng dạy là một phương tiện trục lợi, không được nhận thù lao hay bất cứ một hình thức phục vụ nào, hoặc tệ hại hơn nữa là trong thâm tâm mong cầu sẽ được nổi tiếng. Nếu quý vị thuyết giảng với chủ đích nhận được thù lao thì đây chỉ là một cách buôn bán giáo lý. Quả thật không có gì kinh tởm hơn, thay vì là một sự giúp đỡ thì việc thuyết giảng của mình chỉ tạo ra thêm tai hại khác mà thôi (*người khác trông thấy sự buôn bán của mình sẽ kính thường mình và xa lánh Đạo Pháp*). Sự giảng dạy bề ngoài có vẻ như mang một mục đích tốt đẹp, thể nhưng bên trong lại cũng chỉ là một hình thức trục lợi thúc đẩy bởi bản năng. Vị thầy Ghede Sharapa (*còn gọi là Sharapa Yönten Drak, 1070-1141, là một vị đại sư thuộc học phái Cam Đan*) từng nói rằng:

"Chúng ta chỉ nên gọi là đạo sư (*guru*) các vị nào chỉ biết chăm lo thuyết giảng mà không mấy may mong đợi bất cứ một sự hồi đáp bằng hiện vật nào. Các vị nào nhằm vào lợi lộc đều không phải là các vị đạo sư chân chính, họ chỉ gây thêm khổ vớ cho



những người tu tập thực lòng mong cầu đạt được giải thoát mà thôi".

Vào thế kỷ XVII, một vị lạ-ma của học phái Ninh Mã (Nyingmapa) thuộc truyền thống Đại Hoàn Thiện của Phật Giáo Tây Tạng, cho biết rằng ông không cưỡi ngựa để di chuyển (*nên hiểu là xứ Tây Tạng rất hiểm trở, việc di chuyển thật khó khăn, dùng ngựa để di chuyển là một phương tiện thuận lợi và ít nguy hiểm hơn*), cũng không ăn thịt (*tổn kém*) và nhất quyết không nhận bất cứ một vật cúng dường nào nhằm hồi đáp lại các buổi thuyết giảng của mình. Tôi luôn nhắc nhở những người chung quanh tôi là tiền cúng dường và bản vé là để trang trải việc tổ chức, nếu thừa ra thì phải dùng vào việc từ thiện.

Trước khi ngồi xuống thuyết giảng thì phải nghĩ đến người thầy của mình trước đây đã từng ban cho mình sự hiểu biết, phải tưởng tượng người ấy đang ngồi vào chỗ mà mình sắp ngồi vào để thuyết giảng, sau đó thì chấp tay vái lạy người ấy ba lạy. Đây là cách giúp người người thầy biết quý trọng nguồn gốc giáo lý và những lời giảng dạy mà mình đã được thụ hưởng trước đây. Trước khi ngồi lên bục thuyết giảng (*một chiếc sập nhỏ và thấp, trải thảm và trang trí*) tôi luôn hình dung vị thầy của tôi là Ling Rinpoché (*còn gọi là Kyabje Ling Rinpoché, 1903-1983, là một vị lạ-ma thuộc dòng tái sinh của học phái Cách Lỗ - Guelougpa - và là vị giám hộ quan trọng nhất của Đức Đạt-lai Lạt-ma XIV*) đang ngồi trên chiếc ngai ấy và tôi cúi lạy thầy tôi trước khi ngồi xuống, rồi sau đó thì tôi thầm đọc câu sau đây trong kinh Kim Cương:

Bất cứ một sự vật nào hiện hữu nhờ vào điều kiện (1),

Cũng chỉ tương tự như một vì sao lấp lánh (2),
 Một ảo ảnh phát sinh từ một con mắt bệnh hoạn,
 Một ngọn lửa đang lung lay của một chiếc đèn dầu,

Một ảo giác ma thuật,
 Một giọt sương mai, một bong bóng nước, một giấc mơ hay một áng mây bay.

(1) có nghĩa là một hiện tượng khi đã được phát sinh từ nguyên nhân, thì bắt buộc phải tạo ra quả và quả sẽ trở thành các nguyên nhân khác để tạo ra các quả khác.

(2) dù là một vì sao thể nhưng nó cũng chỉ hiện ra như một đốm sáng mong manh. Đối với các nhà thiên văn học ngày nay thì ánh sáng của một số ngôi sao khi đến được địa cầu thì những ngôi sao ấy có thể cũng đã nổ tung và biến mất từ lâu rồi.

Sau đó thì tôi nghĩ đến sự tan biến của mọi hiện tượng và tính cách vô ngã của con người. Tôi liền bắt hai ngón tay phát ra một tiếng khỏ khan nhằm nhắc nhở tôi là rồi đây tôi sẽ sớm bước xuống chiếc ngai này. Đây cũng chính là cách che chở tôi trước sự quan trọng mà người ta thường gán cho tôi.

Một vị thầy, dù là nam hay nữ giới, phải xem mình mang trọng trách của một vị lương y, việc thuyết giảng là phương thuốc chữa lành và người nghe là các bệnh nhân cần phải được kê toa. Việc giảng Pháp không được mang tính cách vị nể (condescendance / condescension / nề nang, tự hạ thấp mình hay tỏ ra trên trước) đối với cử tọa, thật vậy hết sức khó tránh một sự tự cao nào đó. Nếu quý vị cư xử bình đẳng với các người trò của mình thì những lời giảng huấn sẽ được kính trọng và sẽ mang lại một sự hiểu biết sâu xa, phản ảnh được lòng nhân từ của tất cả mọi người. Người thầy không được phép ganh tị (trước sự thành công của người khác) dù chỉ là một ý nghĩ thoáng qua, hoặc là lo ngại người khác có thể trội hơn mình về mặt tâm linh. Hoãn lại hay đình lại một buổi giảng huấn đôi khi cũng là việc nên làm. Nhất là không được thối chí vì phải lập đi lập lại bất tận một vài khái niệm nào đó trong giáo lý, phải chủ động được sự hiểu biết của mình và phải luôn phát huy sự chú tâm, sửa đổi chính mình và nhận thấy được các sai lầm của kẻ khác. Với tinh thần đó, việc thuyết giảng mới có thể phản ảnh được lòng vị tha và mang lại lợi ích. Thái độ hành xử ấy sẽ giúp quý vị đạt được giác ngộ, và khả năng giúp đỡ kẻ khác của quý vị cũng sẽ nhờ đó mà gia tăng thêm: đây là cách mang lại cho quý vị một niềm hạnh phúc nội tâm sâu xa nhất.

Trước mỗi buổi giảng nên tắm rửa và mặc quần áo sạch sẽ. Sau đó tìm một nơi yên tĩnh và êm ả để tụng niệm bản Tâm Kinh nhằm giúp tâm thức tránh bớt các tác động có thể ảnh hưởng đến việc thuyết giảng của mình (ý thức được ý nghĩa của *Tánh Không trong Tâm Kinh* sẽ giúp mình bớt bám víu vào những gì mình sắp thuyết giảng và không chờ đợi các kết quả có thể mang lại từ sự thuyết giảng ấy của mình). Hãy thuyết giảng với một giọng quả quyết nhưng vui vẻ, nêu lên thí dụ, sử dụng nhiều cách lý luận khác nhau và đưa ra các trích dẫn trong kinh sách. Tránh các cách giải thích rắc rối bằng cách thỉnh thoảng đưa ra một vài dẫn chứng ngắn gọn (và cụ thể). Không nên chỉ nói đến những gì thật đơn giản và tránh né những gì khúc triết, cũng không nên truyền đạt những gì mình không thấu triệt thật vững chắc. Nên giới hạn việc thuyết giảng trong các lãnh vực mà mình đã hoàn toàn nắm vững.

Sau khi xác định được tính cách lợi ích của bài giảng mà mình sắp đưa ra thì mới nên tiếp những người thật lòng và nhiệt tình muốn nghe. Ngược lại không bao giờ nên tìm cách giảng dạy cho bất cứ một ai cả. Việc bành trướng tôn giáo (proselytism) đi ngược lại với Phật Giáo. Nếu có một tôn giáo chủ trương khuyến dụ kẻ khác, thì các tôn giáo khác tất sẽ nhập cuộc ngay, và sự xung đột sẽ khó tránh khỏi. Tại các buổi thuyết giảng của tôi trong thế giới Tây Phương, tôi luôn nhắc nhở những người nghe phải giữ nguyên tôn giáo của cha mẹ mình, tức là Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo hay Do Thái Giáo. Như tôi đã có dịp giải thích trước đây, phải nên để cho các tín đồ của các tôn giáo ấy tự khám phá ra các nguyên tắc giáo lý cũng như các phép luyện tập nào của Phật Giáo có thể giúp mang lại sự an lành cho họ. Nói chung, sự chối bỏ tôn giáo mà mình đã lớn lên là điều không nên.

Trước khi buổi giảng chấm dứt, cả thầy lẫn trò nên hồi hướng sức mạnh đạo đức mang lại từ việc thuyết giảng cũng như sự chú tâm lắng nghe của mình cho tất cả chúng sinh. Sau khi buổi giảng chấm dứt thì cũng nên tiếp tục suy tư về bản chất đích thật của mọi hiện tượng để ý thức rằng buổi giảng ấy cũng chỉ là hư ảo với ý nghĩa là nó không thật một cách cụ thể, bởi vì thực ra nó cũng chỉ mang tính cách giả tạo mà thôi. Buổi giảng chỉ hiện ra như là kết quả của một sự tương kết của vô số yếu tố (điều kiện) khác nhau (tự nó không mang một giá trị tuyệt đối nào cả). Kinh nghiệm mang lại từ sự hiểu biết (tức là trí tuệ) cho chúng ta thấy rằng chỉ nên nhìn vào thực thể của chúng, có nghĩa là bản chất tự tại của mọi sự vật (tức là *Tánh Không* của chúng).



Bài 2

NÓI CHUYỆN VỀ NGƯỜI THẦY *Ajahn Chah*

Bản dịch tiếng Pháp: **Jeanne Schut**

125- Mình là người thầy của chính mình. Tìm kiếm một người thầy bên ngoài không phải là cách giúp giải tỏa được các sự hoang mang trong lòng mình. Chính mình phải khám phá ra sự thật bên trong nội tâm mình - bên trong con người của chính mình. Sự thật ấy không thể tìm thấy ở bên ngoài. Điều quan trọng hơn hết là tự mình phải tìm hiểu lấy chính mình.

126- Một trong số các vị thầy của tôi ăn uống rất bất lịch sự. Thế nhưng ông ta lại cứ khuyên



chúng tôi phải ăn uống từ tốn và thận trọng. Tôi vẫn còn nhớ những lúc ấy tôi nhìn thầy tôi với tất cả sự oán ghét trong lòng. Tôi thì đau khổ thế nhưng ông ta thì cứ an nhiên tự tại! Tôi chỉ nhìn thấy những gì bên ngoài. Mãi về sau này tôi mới khám phá ra một điều là có nhiều người lái xe rất nhanh nhưng thận trọng, trong khi đó thì nhiều người khác tuy lái xe chậm hơn nhưng lại thường hay gây ra tai nạn hơn. Vậy quý vị cũng không nên quá quan tâm đến các nguyên tắc và hình thức bên ngoài. Nếu quý vị hiểu rằng chỉ nên sử dụng 10 phần trăm thời giờ của mình để nhìn vào kẻ khác và 90 phần

trăm còn lại để nhìn vào chính mình, thì việc tu tập của quý vị sẽ đúng đắn hơn.

127- Việc giảng dạy cho các môn đệ không phải là chuyện dễ: một số thì hiểu nhưng lại không mang ra thực hành, một số khác thì chẳng hiểu gì cả và cũng chẳng thêm cố gắng tìm hiểu làm gì. Đối với họ tôi đành chịu thua, chẳng biết phải làm gì hơn. Tại sao con người lại có các thái độ như thế? Vô minh quả là điều không hay ho gì, thế nhưng nếu tôi nói lên điều ấy với họ thì họ lại không tin. Họ tu tập nhưng trong lòng thì mang đầy hoang mang! Lúc nào cũng hoang mang, họ muốn đạt được Niết-bàn nhưng lại không muốn bước theo con đường đưa đến Niết-bàn. Quả thật không biết phải xử trí như thế nào! Mỗi khi bảo họ thiền định thì họ sợ, nếu không sợ thì ngủ gục! Tóm lại là họ chỉ thích làm toàn những chuyện mà tôi không hề dạy bảo... Nỗi khổ tâm của người giảng dạy là như thế.

128- Nếu sự thật trong các lời giáo huấn của Đức Phật có thể nhận thấy dễ dàng thì chúng ta nào có cần đến các vị thầy đồng đạo đến thế đâu. Một khi đã hiểu được các lời giáo huấn là gì thì chỉ theo đấy mà làm. Thế nhưng người ta lại không chịu tìm hiểu các lời giáo huấn ấy nên việc giảng dạy thật là khó. Họ luôn tìm cách làm ngược lại - với người thầy và cả những lời giảng huấn. Trước mặt người thầy thì cách hành xử của họ cũng tạm chấp nhận được, thế nhưng mỗi khi người thầy ngoảnh mặt đi thì tức thời họ xử sự như một đám trộm cắp! Giảng dạy là một việc hết sức khó khăn.

129- Tôi khuyên các đệ tử của tôi không được cấu tha trong việc tu tập cũng như trong cuộc sống, thế nhưng mỗi khi tôi quay lưng đi thì họ cứ làm. Nếu có một người cảnh sát đứng đấy thì bọn trộm cắp xử sự thật ngay thẳng. Nếu người cảnh sát hỏi họ là trong bọn có tên trộm nào trà trộn không thì tất nhiên họ sẽ trả lời là không, họ chẳng thấy một tên nào cả. Thế nhưng nếu người cảnh sát bỏ đi nơi khác, thì cả bọn liền ra tay. Những chuyện đại loại như thế cũng đã từng xảy ra vào thời kỳ Đức Phật còn tại thế. Tóm lại là quý vị chỉ nên quan tâm đến bản thân của quý vị và không nên nhìn vào người khác xem họ làm gì.

130- Các vị thầy đích thật chỉ thuyết giảng một điều duy nhất: trong việc luyện tập điều khó thực hiện hơn cả là phải gạt bỏ cái tôi (*cái ngã*), phải buông bỏ nó. Dù bất cứ gì xảy ra thì cũng không

nên tìm cách lánh xa thầy mình, cứ để ông ta hướng dẫn mình bởi vì mình rất dễ quên mất Con Đường.

131- Nuôi dưỡng trong lòng các sự ngờ vực về người thầy đôi khi cũng là một điều hay. Chỉ nên nhìn vào các khía cạnh tốt của thầy mình, và tốt hơn hết là phải tự mình chú tâm vào việc tu tập của chính mình. Chỉ có mình mới quán nhận và phát huy được trí tuệ cho chính mình mà thôi.

132- Nếu người thầy bảo với mình đây là một loại hoa quả ngon tuyệt vời, thì cũng không nên tin ngay. Phải tự mình ném thử! Mọi nghi ngờ sẽ tan biến hết.

133- Người thầy chỉ là người chỉ cho quý vị trông thấy Con Đường. Nghe xong thì quý vị cứ bước theo Con Đường ấy mà đi, hầu giúp mình gạt hái được quả mang lại từ việc tu tập của mình, tuy nhiên quý vị cũng có thể không bước theo, và đây là chuyện của quý vị.

134- Việc giảng dạy đôi khi cũng thật khổ tâm. Người ta thường xem người thầy tương tự như cái thùng rác, họ cứ ném hết vào đấy mọi thứ khó khăn và khổ nhọc của mình. Đệ tử càng đông, việc hốt rác càng nặng nhọc! Thế nhưng việc thuyết giảng thì cũng lại là một phương tiện thật tuyệt vời giúp mình tu tập Đạo Pháp (Dhamma): việc giảng dạy sẽ giúp mình trở nên kiên nhẫn hơn và hiểu biết hơn (*chấp nhận sự yếu đuối và sai lầm của con người dễ dàng hơn*).

135- Người thầy không sao giải quyết hết được các khó khăn của quý vị. Họ chỉ là một nguồn hứng khởi giúp quý vị ham thích tìm hiểu Con Đường, họ không thể khai thông Con Đường thay cho quý vị được. Thật ra những gì người thầy nói lên cũng không quan trọng lắm. Đức Phật không bao giờ khuyến khích phải nên tin vào người khác - mà chỉ nên tin vào chính mình. Chuyện ấy hết sức khó làm, thế nhưng lại chính là như thế. Thật sự là như thế. Cho đến khi nào tầm nhìn còn hướng ra bên ngoài thì quý vị sẽ chẳng bao giờ trông thấy mọi sự vật một cách thật sự được (*câu này rất sâu sắc và thâm thúy, câu 1 trong Kinh Pháp Cú là: "Tất cả mọi hiện tượng đều phát sinh từ tâm thức, tâm thức dẫn đầu tất cả"*). Chúng ta phải quyết tâm tu tập một cách đúng đắn. Nên lên thắc mắc với người khác không khiến cho các sự hoang mang [*trong lòng mình*] tan biến được, chúng chỉ biến mất bằng sự tu tập kiên trì của chính mình mà thôi.

Vài lời ghi chú của người dịch

Hai bài thuyết giảng trên đây, một thuộc Đại Thừa (Phật Giáo Tây Tạng) và một thuộc Phật Giáo Theravada (truyền thống Tu Trong Rừng). Bài thứ nhất nêu lên những phẩm tính cần thiết của một người thầy, bài thứ hai đưa ra một vài nhận xét thật nghiêm khắc của một người thầy đối với các người trò của mình. Trong câu đầu tiên của bài thứ hai trên đây nhà sư Ajahn Chah có nói rằng: "Mình là người thầy của chính mình", câu ấy có nghĩa là mình vừa là một người thầy của mình và cũng lại vừa là người trò của chính mình.

Nếu là một người thầy thì phải hội đủ các đức tính nêu lên trong bài giảng thứ nhất của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma trên đây, nếu là một người trò thì phải ý thức được các khiếm khuyết của mình nêu lên trong bài thứ hai của nhà sư Ajahn Chah hầu giúp mình biến cải lấy chính mình. Nói cách khác thì nếu là một người tu tập chân chính thì chính mình phải vừa là một vị thầy thật uyên bác, sáng suốt, nhân từ và nghiêm khắc để dạy bảo và sửa trị chính mình, và



đồng thời cũng vừa là một người trò quyết tâm, ngay thật, không bướng bỉnh, biết kính trọng, thương yêu và noi theo những lời chỉ dạy của thầy mình và cũng là chính mình.

Cách diễn đạt hay trình bày trên đây cho thấy một cái gì đó "không ổn" hay khá "phi lý". Hai vị thầy của thầy và trò lẫn lộn trong trí mình sẽ gây ra sự hoang mang cho mình. Các sự bất ổn, phi lý và hoang mang đó chứng minh cho thấy tính cách "vô ngã" hay bản chất trống không - tức là Tánh Không - của chính mình. Dù là thầy hay trò thì tất cả cũng đều không thật. Chính vì thế mà Đức Đạt-Lai Lạt-Ma khuyên người thầy phải tụng bản Tâm Kinh, thiền định về vô thường, niệm thâm một câu trong Kinh Hoa Sen trước khi thuyết giảng, ngoài ra còn phải vái lạy người đã truyền đạt sự hiểu biết cho mình để hiểu rằng những lời giảng huấn của mình không phải thật sự là của mình mà chỉ là một sự thừa hưởng.

Sau đây là một giai thoại về nhà sư Ajahn Chah. Một hôm có một người lần đầu tiên tìm đến chùa Wat Nong Pah Pong (ngôi chùa của nhà sư Ajahn Chah trong một khu rừng trên miền bắc Thái) và mong được diện kiến với nhà sư này. Khi đến chùa thì người này lại hỏi đúng nhà sư Ajahn Chah là có biết ai là Ajahn Chah không? Ajahn Chah đoán được trình độ hiểu biết Đạo Pháp của người này còn kém, bèn trò tay vào giữa ngực mình và bảo rằng: "Chính tôi đây. Tôi là Ajahn Chah đây". Một hôm khác, lại có một người khác hỏi ông đúng câu ấy, lần này Ajahn Chah đoán được trình độ hiểu biết khá cao của người này bèn trả lời như sau: "Ajahn Chah nào? Chẳng có ai là Ajahn Chah cả".

Một người thầy chân chính không hề hiện hữu, sự hiện hữu của họ nếu có cũng chỉ là vì người khác mà thôi. Thật vậy sự hiện diện của một người thầy thật hết sức cần thiết cho những kẻ còn đang lang thang, còn riêng đối với họ thì họ đã tìm được người thầy cho chính họ. Dù là với tư cách một người thầy hay một người trò hay là cả hai cùng một lúc, nếu cái tôi ấy vẫn còn hiện hữu và chi phối mình, thì mình vẫn còn lang thang và khổ đau với nó. Xin mượn câu phát biểu sau đây của nhà sư Ajahn Chah để kết thúc bài chuyển ngữ này:

"Tôi đi tìm khắp nơi một chốn thật thuận tiện hầu giúp tôi thiền định, thế nhưng tôi không ngờ chốn ấy lại đang ở tại nơi này, đang ở bên trong con tim và tâm thức tôi. Mọi phép thiền định cũng chỉ ở nơi này, trong mỗi con người chúng ta. Sự sinh, già nua, bệnh tật và cái chết cũng chỉ ở nơi ấy. Tôi lang thang khắp nơi cho đến lúc kiệt lực, thế nhưng khi dừng lại thì tôi mới khám phá ra rằng những gì tôi đi tìm - nó đang ở trong tôi".

Bures-Sur-Yvette, 13.01.14
Hoang Phong chuyển ngữ

thơ ĐIỀU LINH

Hồi Sinh

*Thế gian cười độ lượng
Hồi sinh vết thương đời
Tình người không vay mượn
Đã sẵn trong tim rồi*

*Soi vũng hồn oan khiên
Thấy tâm càng vững chãi
Nỗi đau cũng dịu hiền
Khi bao dung tồn tại*

*Từ hạt mầm nhân ái
Thơ nảy lộc đơm tình
Từ vũng lòng quần quai
Một linh hồn hồi sinh*

Tìm

*Chập chòn mê - tỉnh... mơ hồ...
tìm con trâu trắng lạc bờ cỏ xanh
tay ôm mấy quyển kinh lành
nuơng thuyền Bát Nhã tập tành Chân Như*

*Quê hương khuất nẻo trầm phù
quần quanh một cõi huyền hư vọng tìm
có lần thấy dấu tịch nhiên
rời quên như những vết tiền thân, qua...*

*Tìm tâm - tâm hãy còn xa
tìm ta - ta thấy trong ta ... mắt - còn*



TỰ THIÊU VÀ GIỚI SÁT

Nguyễn Giác

Trường hợp các nhà sư Tây Tạng tự thiêu để đòi hỏi quyền tự do tôn giáo và giữ gìn bản sắc dân tộc có phải đã phạm giới sát sinh hay không? Hay đây là hành vi cúng dường thần xác để hộ trì chánh pháp? Đức Đạt Lai Lạt Ma hôm Thứ Tư 20-11-2013 đã nói chuyện về vấn đề này.

Bản tin từ Phayul, một mạng thông tin của người Tây Tạng lưu vong, đã ghi nhận rằng vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng Đức Đạt Lai Lạt Ma nói hôm Thứ Tư rằng những cuộc phản kháng bằng cách tự thiêu ở Tây Tạng là rất buồn, và rất khó cho Ngài thuyết phục ngăn cản họ.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đang trong chuyến hoằng pháp ở Nhật Bản, và nói như thế trong bài diễn văn trước khoảng 150 vị dân biểu Nhật Bản ở Tokyo: "Tôi không có thể yêu cầu họ hành động khác đi, bởi vì tôi không có gì để hiến tặng họ hết."

Đức Đạt Lai Lạt Ma — người được Giải Nobel Hòa Bình năm 1989 — nói rằng các sự kiện tự thiêu đó là rất buồn và rằng đó là để đối kháng với những gian nan quá lớn mà họ đối diện: "Những vị này đã sẵn sàng hy sinh thân mạng của họ, không phải vì họ say xỉn hay bất mãn vì chuyện gia đình."

Ngài kêu gọi chính phủ Trung Quốc hãy điều tra tình hình kỹ lưỡng để xem xét tại sao có quá nhiều người Tây Tạng chọn con đường tự thiêu như thế.

Từ năm 2009, có 123 người Tây Tạng đã tự thiêu tại Tây Tạng để phản đối việc TQ chiếm đóng Tây Tạng và để chống chính sách đàn áp mạnh tay.

Mạng Phayul nói rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma được mời tới nói chuyện trước khoảng 150 dân biểu thuộc tổ chức All Party Parliamentary Group in Japan — và đích thân Eriko Yamatani, Chủ tịch Ủy ban Nhóm 8 Đảng Chính Trị và vị dân biểu thân niên Takeo Hiranuma hộ tống Ngài vào hội trường. Ngài cũng bày tỏ nỗi buồn về bạo lực ở Miến Điện, giữa tín đồ Hồi Giáo và Phật Giáo: "Tôi đã kêu gọi các vị sư nơi đó, khi mâu thuẫn bùng nổ, để nhớ tới khuôn mặt

Đức Phật. Tôi tin rằng nếu Đức Phật có mặt nơi đó, Ngài sẽ đề nghị bảo vệ những người Hồi Giáo bị hăm dọa đó."

Đó là quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma, lãnh tụ Phật Giáo Tây Tạng. Cần ghi nhận rằng, khi nói trước 150 chính khách Nhật Bản, tất nhiên Ngài không thể nói chi tiết như trong một buổi thuyết pháp cho Phật Tử. Khi nói chuyện, Ngài cũng biết rằng trong 150 Dân biểu Nhật Bản đó, không phải ai cũng là Phật Tử, và do vậy, có thể hiểu rằng Ngài chỉ nói khái lược những gì Ngài suy nghĩ. Tất nhiên, Ngài biết, trong người nghe cũng có thể sẽ có ngộ nhận, vì không hiểu hết ý của Ngài.

Trên cương vị Phật Tử, chúng ta suy nghĩ thế nào?

Tác phẩm "Phật Giáo Chính Tín" của Pháp sư Thánh Nghiêm, người sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Trung Quốc năm 1985 tại Đài Loan, cũng là một Thiền sư nổi tiếng và có nhiều Thiền đường khắp thế giới, trả lời câu hỏi thứ 32 như sau, trích từ Thư Viện Hoa Sen:

"32. PHẬT TỬ CÓ PHẢN ĐỐI TỰ SÁT KHÔNG?"

Có phản đối. Trong giới luật, có quy định rõ. Phật tử không được tự sát, nếu tự sát thì có tội" [Xem Tứ phần luật và luận Nhiếp, quyển 2].

Ở đây, nói tự sát là vì chán cuộc sống hiện tại, mà làm nghĩ rằng, sau khi tự sát sẽ được giải thoát.

Người Phật tử tin ở định luật nhân quả, nếu không chứng ngộ thực tướng của các pháp, nếu không lấy công phu tu trì để thoát khỏi sinh tử thì tự sát không có tác dụng gì hết. Vì nếu chưa hết nghiệp báo, thì dù có tự sát, cũng phải chịu một kỳ sinh tử tiếp theo. Cũng như một con nợ, để tránh mặt chủ nợ đòi nợ, bèn dời nhà từ nơi A đến nơi B. Nhưng sớm hay muộn, chủ nợ cũng sẽ tìm ra nơi ở mới của con nợ, để tiếp tục đòi nợ. Vì vậy, Phật tử phản đối tự sát, Phật giáo động viên mọi người hãy tận dụng thời gian trong một đời Người để nỗ lực tu thiện, tích đức

nhằm cải thiện vận mệnh hiện tại và tương lai của mình.

Thế nhưng, Phật giáo không phải là một tôn giáo khuyến khích vị kỷ. Người Phật tử, vì sự nghiệp độ sinh, trọng trường hợp cần thiết cũng sẵn sàng xả thân. Để bảo vệ tín ngưỡng thần thánh của mình, có những Phật tử đã tuân tiết. Một người hành Bồ Tát đạo chân chính, có thể xả bỏ cả tay chân, thịt, mắt cho đến cái đầu của mình.

Cũng như đức Thích Ca Thế Tôn, trong các kiếp sống trước của Ngài, trong thời kỳ hành đạo Bồ Tát, Ngài đã nhiều lần xả thân không tiếc sinh mạng. Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Không có một bụi trần nào nhỏ như hạt cải, không phải là nơi Bồ Tát xả bỏ thân mạng." Kinh Tạp A Hàm quyển 39 và 47 kể chuyện có ba vị A La Hán tự sát mà đức Phật cũng tán thành." (hết trích - http://thuvienhoasen.org/D_1-2_2-75_14-1_5-50_6-8_4-7735_17-639_15-1/)

Do vậy, quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng phù hợp với Kinh Pháp Hoa và Tạp A Hàm vậy.

Tuy nhiên, cần chú ý: Đức Đạt Lai Lạt Ma nói rõ rằng rất khó để Ngài yêu cầu họ từ bỏ quyết định tự thiêu (that it was difficult for him to dissuade them...) chứ không phải Ngài khuyến khích. Bởi vì khuyến khích tự thiêu là sẽ gây nghiệp bất thiện, và mặt khác, khi với tâm chưa thanh tịnh mà lại ngăn cản những vị muốn tự thiêu để hộ trì chánh pháp tất cũng sẽ gây nghiệp bất thiện khác.

Điều quan trọng nữa: nếu người tự thiêu hốt nhiên khởi lên một niệm căm thù, sân si... thiện pháp sẽ bất toàn. Khó là như thế.



LÊN THĂM CHÙA NÚI

đá rêu xanh dẫu ngàn năm mộng
chuông lạnh bên trời hắt bóng mây
triển non khách đến chìm bay động
lá lục hoa vàng tan giấc say.

LƯU NGỰ MỘT VÀI

tóc già se bụi
thân mục cành khô
chân tìm bến đợi
phố vắng trăng mờ
xa xăm lối cũ
vọng tiếng người xưa
trăm năm khép mở
bóng trúc nghiêng chờ
đường xa dậm mối
mắt lâm sương mùa
con tim trật nhịp
hồi ức đong đưa.



CHÚT HƯ NGỤY

khi tôi tan tác thành linh
nhịp vòng trần thế đuổi hình bóng bay
bay qua tứ đại phò bà
bay đi huyền cảnh vắng lai bất thường
là tôi lao vội nẻo đường
từ trong thiên cổ ra tuông hiện sinh
chiêm bao ôm một cõi tình
về trong hư ngụy chút mệnh mộng tàn.

SOI BÓNG BÊN ĐỜI

đi là sống trong muôn trùng nẻo lạ
sống là đi trong thâm tạ nghĩa đời
say cuộc lữ bao nhiêu lần chất ngát
chỉ một lần mộng mị với ta thôi

ôm và níu quăng đời dài thơ mộng
hoa lá cành con chim hót vang lừng
mây phiêu dạt ngược xuôi bầu trời rộng
chỉ một lần mắc nợ với hư không.

BIÊN DÂU THỊ HIỆN

ngược xuôi chen lán bên đời
ra vào phố thị đôi hồi lá xanh
đèn vàng bảng đỏ loanh quanh
nụ cười vô tướng chợt xanh hình hài.

Rồi 1,2,3...

rồi em đuổi phận má hường
rồi tôi đuổi mãi trên đường bóng tôi
rồi hư sinh đuổi mệnh đời
rồi thiên cổ mộng đuổi người vinh hoa
rồi trang kinh đuổi hôn ma
rồi trang sử đuổi sơn hà đảo điên
rồi mơ màng đuổi bon chen
rồi thời gian đuổi lãng quên nỗi tình
rồi hồi chuông đuổi tử sinh
rồi luân hồi đuổi vô biên mấy lần
mấy lần tôi đắm giữa giòng thị phi
hỏi han nào có ích chi
bên kia trời tía thuyền về bến xanh.

KHÔNG ĐỀ

trăng còn nán lại lưng trời hẹp
đăng đông lửa thấp rực đầu non
ai đi xa tận cuối nguồn
ngoài đồng hạt lúa vẫn còn chiêm bao.

NÉT XUÂN PHAI

xuân đến xuân đi đời trôi chảy
hồn xưa mộng cũ tiếng ai cười
chậm nhè thời gian tình vô hạn
rượu sâu vụn quên đáy hôn tôi

xuân chảy qua đi xuân biên biệt
tháng năm mong đợi tóc râu dài
vó ngựa trần gian thôi thúc gõ
cung đàn tư lự nét xuân phai.

thơ

PHÙ DU

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by Ven. ANOMA MAHINDA

Người dịch: HT. Thích Trí Chơn

(tiếp theo kỳ trước và hết)

PHẬT GIÁO Ở TÂY PHƯƠNG

Sự phát sinh và bành trướng của nhiều tôn giáo đã đi kèm với cuộc tàn sát và khủng bố vô nhân đạo những người họ không chịu chấp nhận theo tôn giáo ngoại lai. Phật Giáo chưa từng viết những trang sách như thế trong lịch sử thế giới. Không một giọt máu nào đã chảy, hay một sự đàn áp nào đã được dùng để truyền bá Phật Giáo vào những vùng đất lạ. Đạo Phật đã có một lịch sử ghi chép lâu dài và rạch ròi về các đoàn truyền giáo hòa bình hoạt động không vì mục đích chính trị hay kinh tế.

Thời xưa cũng như ngày nay, những phái đoàn truyền giáo hòa bình đã được tiếp đón tại các quốc gia và bất cứ nơi nào họ có mặt, đã có nhiều người quay về theo Phật Giáo. Về số lượng tín đồ, ngày nay đạo Phật là một tôn giáo thế giới lớn nhất và đang trên đà phát triển. Ánh sáng của chánh pháp hiện đã rực chiếu tại những quốc gia, mà non một thế hệ trước, tại đó chưa ai biết đến Phật Giáo.

Một trong những học giả tiên phong khởi đầu công tác phiên dịch kinh tạng (Phật Giáo) tiếng Pali ra Anh ngữ, là con của một mục sư danh tiếng. Mục đích của ông trong khi làm công việc trên là cốt để chứng tỏ rằng đạo Thiên Chúa đã chiếm ưu thế hơn Phật Giáo. Ông đã thất bại trong ý đồ này, nhưng ông ta đã thực hiện được một thành công vĩ đại hơn điều ông ta mong đợi. Ông đã trở thành một Phật Tử. Chúng ta không bao giờ quên cái duyên lành đã thúc đẩy ông hoàn thành công tác trên, và nhờ đó đã giúp ông truyền bá Phật Giáo đến hàng nghìn dân chúng ở Tây Phương.

Tên của vị học giả đó là Dr. Rhys Davids (1), và đối với Phật Giáo, giáo sư đã phát biểu:

“Tôi đã tìm hiểu các tôn giáo lớn trên thế giới, nhưng không một tôn giáo nào tôi tìm thấy được bất cứ điều gì vượt trội hơn sự cao siêu và tính chất toàn diện như trong bài pháp Tứ Diệu Đế của đức Phật. Tôi mãi nguyện hướng cuộc đời tôi đi theo đạo giáo ấy”.

H.G. Wells (2), nhà khoa học và sử gia, đã vô cùng tán dương Phật Giáo như một hệ thống đạo đức và tôn vinh đức Phật như đấng Sở Một trong những nhân vật vĩ đại nhất đã sống từ trước đến nay. Trong tác phẩm **“Lịch sử Đại Cương”** (Outline of History), ông ta viết:

“Tại những phần đất lớn trên thế giới, Phật Giáo vẫn còn tồn tại. Tôi có thể nói rằng, khi tiếp xúc

với khoa học Tây Phương và được soi sáng bởi tinh thần sử học, giáo lý căn bản của đức Phật đã phục sinh và tinh lọc, có thể góp phần to lớn trong sự hướng dẫn vận mạng của nhân loại”.

Nhà đại khoa học Anh Quốc, ông Thomas Huxley (3), mặc dù không phải là Phật Tử, nhưng chịu ảnh hưởng lớn của Phật Giáo, đã tóm lược giáo lý (Sasana) của đức Phật trong một đoạn văn rõ ràng chính xác như sau:

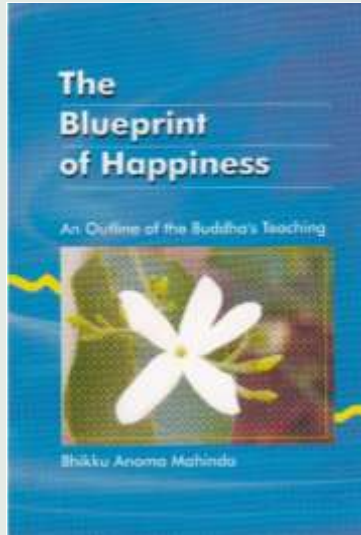
“Phật Giáo là một hệ thống không chấp nhận Thượng Đế theo ý nghĩa Tây Phương, nó phủ nhận có linh hồn nơi con người, và coi niềm tin vào sự bất biến như là điều sai lầm. Phật Giáo chối bỏ hiệu quả của sự cầu nguyện và tế lễ, và khuyên con người đừng nương tựa vào điều gì khác ngoài sự tinh tấn nỗ lực của chính mình để giải thoát. Phật Giáo, trong sự tinh khiết nguyên thủy của nó, không nhắc đến lời phát nguyện của sự phục tòng; và không bao giờ mong cầu sự cứu giúp từ bàn tay của những người thế gian, nhưng nó đã bành trướng nhanh chóng kỳ diệu đến cùng khắp thế giới, và đang còn là một tôn giáo có ưu thế đối với phần lớn nhân loại”.

Swami Vivekananda (4), một nhà truyền giáo đã giúp đỡ du nhập triết lý đông phương vào Tây Phương, đã phát biểu về đức Phật như sau:

“Trong lịch sử, hãy chỉ cho tôi có đấng nào đã vượt cao lên trên tất cả như thế. Toàn thể nhân loại đã sản xuất chỉ một nhân vật, một triết lý, một tình thương bao la như thế Là Đại Triết Gia, đã truyền dạy một giáo lý cao siêu nhất, nhưng lại có lòng từ bi vô biên nhất đối với những loài vật thấp bé nhất, và không bao giờ tự đề cao mình. Đức Phật là bậc thầy lý tưởng, đã hành động không một vụ lợi nào; và lịch sử đã chứng minh Ngài là một con người vĩ đại nhất không ai sánh kịp từ trước đến giờ; một sự phối hợp lớn lao nhất giữa con tim và khối óc chưa từng thấy”.

Sau hết là giáo sư Karl Gustav Jung (5) ở Zurich, người mà ngày nay được xem như là nhà Tâm Lý Học đứng hàng đầu của thế giới, đã viết: *“Là một sinh viên của môn tôn giáo tỷ giáo, tôi tin rằng Phật Giáo là một tôn giáo hoàn hảo nhất mà thế giới đã có từ trước đến nay. Triết lý của đức Phật, lý thuyết về sự tiến hoá và luật nghiệp báo đã vượt xa hơn bất cứ tôn giáo nào khác”.*

Những người theo Phật Giáo đầu tiên ở các nước Tây Phương, phần chính là các nhà học giả và trí thức. Lý do bởi vì Phật Pháp (Dhamma) không dễ dàng hiểu biết đối với hạng người ngoài đường phố (bình dân), mà trước tiên, nó chỉ có thể nghiên cứu



bởi những ai có khả năng đọc được các ngôn ngữ đông phương. Trong những năm gần đây, tình trạng đã hoàn toàn thay đổi. Chúng ta không chỉ có thể đọc những giáo lý hiện nay của đức Phật qua tiếng mẹ đẻ của chúng ta, mà nhiều kinh sách được xuất bản đã giúp cho sự nghiên cứu Phật Pháp dễ dàng hơn đối với những người tây phương.

Vì số trang không cho phép chúng tôi trích dẫn nhiều hơn nữa nhưng còn những ý kiến có thể thêm vào được. Mặc dù, đúng là nên đọc ý tưởng của những kẻ khác, nhưng một cuộc thí nghiệm chân chính cần phải làm bởi chúng ta. Không phải chỉ có những người nam nữ bình thường ước mong tìm thấy và học hỏi, kính yêu Ánh Sáng của Thế Giới này. Trong các vị giáo chủ của những tôn giáo lớn, đức Phật đã vượt hơn họ tất cả về tình thương và lòng từ bi, không riêng với loài người của mọi chủng tộc, màu da, giai cấp; nhưng ngay cả đối với những chúng sanh bé nhỏ nhất. Thực không ai xứng đáng được gọi là đấng Từ Bi như Ngài.

Về trí tuệ cũng vậy, không ai sánh bằng đức Phật và Ngài xuất hiện như một đấng khổng lồ giữa đám người lùn. Ngài dạy về các hiện tượng thiên nhiên, (hơn) hai mươi lăm thế kỷ trước, mà các khoa học gia Tây Phương mới chỉ khám phá ra trong khoảng thập niên vừa qua.

Đức Phật là người đầu tiên đã đề cao giá trị của nữ giới, và trong tôn giáo lớn Ngài sáng lập, đã cho họ quyền bình đẳng với phái nam. Đức Phật không thừa nhận việc phân chia giai cấp căn cứ vào sự sinh trưởng. Theo Ngài, một người trở nên cao quý do bởi họ đã sống cuộc đời đạo hạnh chứ không phải vì sự giàu sang hay địa vị xã hội của cha mẹ. Phật Giáo là một năng lực sống vĩ đại nhất của thế giới hôm nay, nó có thể mang lại hoà bình cho mọi quốc gia và nhân loại.

Làm sao chúng ta có thể gia nhập và trở thành hội viên của gia đình bao gồm tất cả vĩ đại này? Không có nghi lễ rửa tội hay khai tâm trong Phật Giáo. Chúng ta trở thành người Phật Tử, ngay khi nào chúng ta chấp nhận đức Phật như đấng Tôn Sư và bậc Dẫn Đạo của chúng ta.

Dĩ vãng, với tất cả chúng ta là quá xa vời và chán ngắt, nhưng đây là Giáo Pháp chúng ta có thể theo với niềm tin tưởng. Trong các tôn giáo, tông phái và tín ngưỡng của thế giới, ở đâu chúng ta có thể tìm thấy một đấng Tôn Sư rạng ngời như thế? Trong bầu trời lộng lẫy của các vì sao, đức Phật là một trong những ngôi sao vĩ đại, chói sáng nhất. Chúng ta không ngạc nhiên biết rằng các nhà khoa học, triết gia và văn sĩ đã tuyên bố đức Phật là "Nhân Vật Vĩ Đại Nhất Đã Ra Đời Từ Trước Đến Nay".

Ánh hào quang của bậc Đại Sư đã chiếu rọi khắp thế giới mê lầm và khổ đau như cội hải đăng dẫn đường và chiếu sáng cho nhân loại.

DHAMMA IN THE WEST

The rise and spread of many religions has been accompanied with the ruthless slaughter and persecution of those who did not readily accept an alien creed. Buddhism writes no such pages in the world's history. Not one drop of blood has been shed, nor a single grain of pressure used, to carry the Dhamma into other lands. For peaceful missionary work without motives, political or economic, it has a long and glorious record.

In the past just as today, our peaceful missionaries were welcomed among nations and found

Trong khung cửa nhỏ

thơ

*tôi với người - hệ lụy trần gian
lệ nhòa má ăm phứt hân hoan
nhìn nhau đã buốt niềm đau xót
trong tương phùng ả chứa ly tan!*

*tôi với người - như gió hắt hiu
nhuộm trong sương khói màu tiêu điều
mưa giữa mùa ngâu tuôn giọt ngọc
tình giữa kiếp người ảm ướt theo*

*tôi với người - gặp gỡ sát na
nương nhau qua suốt cõi ta bà
sông ngân một giải mờ dưới gót
tương nhịp cầu ô, nối đôi ta*

*tôi với người - giấc mộng dở dang
tỉnh mơ, mơ tỉnh cuộc phù hoàn
thu nay đã thấy vàng hơn trước
hay người pha nhạt màu không gian?*

*tôi với người - trôi theo cơn mê
hành-lang-đời dặt bước đi/về
giữa bể trầm sinh mừng hạnh ngộ
bằng nụ hôn dài như biệt ly*

*tôi với người - nương mộng tìm thơ
dòng sông đời chảy chia đôi bờ
trong khung cửa nhỏ mơ ngàn dặm
ngàn dặm thu vào trong huyền mơ!*

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

ready converts wherever they went. Today it is numerically the largest world religion and is still growing. The Light of the Dhamma now shines in lands, where less than a generation ago, it was unknown.

One of the first scholars to begin the work of translating the Pali Literature into English, was the son of a well-known clergyman. His object in undertaking the work was to prove the superiority of Christianity over Buddhism. He failed in this task but he achieved a greater victory than he expected. He became a Buddhist. We must never forget the happy chance which prompted him to undertake this work and thereby make the precious Dhamma available to thousands in the West.

The name of this great scholar was Dr. Rhys Davids and of the Dhamma, he himself says:

"I have examined every one of the great religions of the world and in none of them have I found anything to surpass the beauty and comprehensive-

ness of the Four Noble Truths of the Buddha. I am content to shape my life according to that path."

H.G. Wells, scientist and historian, gives high praise to Buddhism as an ethical system and places the Buddha as First among the greatest men who ever lived. In his **Outline of History** he says:

"Over great areas of the world it still survives. It is possible that in contact with western science, and inspired by the spirit of history, the original teaching of Gotama, revived and purified, may yet play a large part in the direction of human destiny."

The great British scientist, Thomas Huxley, though not himself a Buddhist, but influenced greatly by the Teachings, summed up the Buddha Sasana in a clear concise paragraph:

"Buddhism is a system which knows no God in the western sense, which denies a soul to man and counts the belief in immortality a blunder, which refuses any efficacy to prayer and sacrifice, which bids men to look to nothing but their own efforts for salvation, which in its originally purity knew nothing of the vows of obedience and never sought the aid of secular arm, yet spread over a considerable portion of the world with marvellous rapidity, and is still the dominant creed of a large fraction of mankind."

Swami Vivekananda, himself a great missionary who helped to introduce oriental philosophies to the West, said this of the Buddha:

"Show me in history one character who has soared so high above all. The whole human race has produced but one such person, such high philosophy, such wide sympathy. The Great Philosopher, preaching the highest philosophy, yet has deepest of sympathy for the lowest of animals, and never put forward a claim for himself. He is the ideal Karma Yogi, acting entirely without motive and the history of humanity shows him to have been the greatest man ever born beyond compare, the greatest combination of heart and brain that ever existed." (Lectures on Karma Yoga).

Lastly there is Professor Karl Gustav Jung of Zurich, who ranks today as the world's leading Psychologist: "As a student of comparative religions, I believe that Buddhism is the most perfect one the world has ever seen. The philosophy of the Buddha, the theory of evolution and the law of Karma were far superior to any other creed."

The first converts in western lands were mainly among scholars and intellectuals. This was because the Dhamma was not easily available to the man in the street, and at first could only be studied by those having the ability to read oriental languages. Within recent years the position has entirely changed. Not only can we read the actual teachings of the Buddha in our mother tongue, but a wealth of literature has been published to make the study of the Dhamma much simpler for western inquirers.

Space will not permit us to quote further but many more could be added to these. Yet, although it is well to read the opinions of others, the real test must be made by ourselves. It will not take the average man or woman long to find and learn to love this Light of the World. Among the founders of great religions, He transcends them all in amity and compassion, not only to people of all races, colors and castes, but even to the tiniest of living creatures. No one was more worthy to be called the Compassionate One.

In wisdom also, He had no equal and stands as a giant among pigmies. He taught facts of na-

ture, twenty five centuries ago, which western scientists have only 'discovered' in the last decade.

He was the first to raise the dignity of women and in the great religion. He founded, gave them equal place with men. He did not recognize caste divisions based on birth. To the Master, one became a noble by the morality of the life one led and not by the wealth or social position of the parents. This Dhamma is the greatest living force in the world today which can bring peace among men and nations.

How do we join and share membership in this great and all embracing family? There are no baptismal or initiation rites into Buddhism. We become Buddhist from that moment we accept the Buddha as our Teacher and Guide.

The past for all of us has been long and weary, but here is a Teaching we can follow with confidence. Where in the world of religions, cults and creeds, can we find a master of such brilliance? In a pageant of stars He was a giant of the greatest magnitude. Little wonder that scientists, philosophers, and men of literature have proclaimed Him the "Greatest Man Ever Born"

The radiance of this Great Teacher goes though a world of suffering and darkness, like a beacon light to guide and illuminate mankind.

Chú Thích Của Dịch Giả:

1. RHYS DAVIDS (1843-1922): Thomas Williams Rhys Davids sinh ngày 12-05-1843 tại Colchester (Anh quốc), con của mục sư T.W. Davids. Đầu tiên ông theo học Phạn ngữ (Sanskrit) với giáo sư Stenzler tại trường đại học Breslau ở Đức, và tốt nghiệp cấp bằng tiến sĩ triết học (Ph. D.). Năm 1864, ông được bổ nhiệm giữ chức Dân Sự (Civil Service) ở Tích Lan, một quốc gia theo Phật Giáo. Tại đây, sau một thời gian theo học với nhà sư Tích Lan kiêm học giả, Thượng Tọa Yatramulle Unnanse, Rhys Davids có thể đọc hiểu thông suốt tiếng Pali và khảo cứu được các thánh tích, lịch sử Phật Giáo Tích Lan.

Năm 1872, vì bất đồng ý kiến với nhân viên cao cấp của chính quyền bấy giờ, ông xin từ chức dân sự Tích Lan và trở về Anh quốc. Tại đây ông đã dành hết thì giờ cho công cuộc nghiên cứu và truyền bá Phật Giáo. Năm 1881, giáo sư Rhys Davids đứng ra thành lập đầu tiên Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Phật Giáo Pali (The Pali Text Society) tại Luân Đôn (London) và ông giữ chức vụ chủ tịch với sự tham gia của nhiều học giả đồng lần tây phương như Viggo Fausboll (Đan Mạch): 1824-1908; Hermann Oldenberg (Đức): 1854-1920; Emile Senart (Pháp): 1847-1928 v.v.. Hầu hết mọi việc của Hội bấy giờ đều do Rhys Davids trông coi, điều khiển cho đến năm 1894, ông lập gia đình với cô Caroline Augusta Foley (1858-1942) là người mà về sau đã chia xẻ, giúp đỡ cho ông rất nhiều trong việc phát triển Hội cũng như dịch thuật kinh tạng Pali. Hiện nay, Hội vẫn còn duy trì, hoạt động tại Anh quốc.

Năm 1882, Rhys Davids được mời làm giáo sư dạy Pali và văn học Phật Giáo tại đại học College ở Luân Đôn; làm tổng thư ký và quản thủ thư viện cho Hội Hoàng Gia Á Châu (Royal Asiatic Society) từ năm 1885 đến 1904. Năm 1904, ông được bổ nhiệm làm giáo sư môn tôn giáo đối chiếu (Comparative Religions) tại đại học Victoria, Manchester (Anh quốc). Năm 1907, ông đứng ra thành lập "Hội Phật

Giáo Anh Quốc và Ái Nhĩ Lan” (The Buddhist Society of Great Britain and Ireland) và được bầu làm hội trưởng đầu tiên.

Về phương diện nghiên cứu, trước tác, sau đây là một số tác phẩm chính của Rhys Davids: *The Ancient Coins and Measures of Ceylon* (Tiền tệ và sự đo lường thời xưa của Tích Lan), 1877; *Manual of Buddhism* (Khái Luận Phật Giáo), 1878; được tái bản lần thứ 23 năm 1914; *Persecutions of Buddhist India* (Sự ngược đãi Phật Giáo tại Ấn Độ), 1903, đã tái bản lần thứ 8 năm 1959; *Early Buddhism* (Phật Giáo Nguyên Thi), 1908.

Ông cũng dịch Luật Tạng (*Vinaya Pitaka*) từ nguyên bản tiếng Pali ra Anh văn với sự cộng tác của giáo sư người Đức, ông Hermann Oldenberg (1854-1920) các cuốn: *Patimokkha* (Giới Bốn Kinh), *Mahavagga* (Đại Phẩm) và *Cullavagga* (Tiểu Phẩm) 1881-1885. Về Kinh Tạng (*Sutta Pitaka*), ông đã dịch: *Dialogues of the Buddha* (Digha Nikàya), Trường Bộ Kinh, cuốn 1, 1899; và cùng chung với bà Rhys Davids, ông dịch: *Dialogues of the Buddha* (Digha Nikàya), Trường Bộ Kinh, cuốn 2, 1910; và *Dialogues of the Buddha* (Digha Nikàya), Trường Bộ Kinh, cuốn 3, 1921.

Năm 1915, Rhys Davids xin nghỉ dạy đại học ở Manchester, và dọn nhà về ở luôn tại Chipstead, quận Surrey, miền đông nam nước Anh. Những năm cuối cùng với tuổi già sức yếu, học giả Rhys Davids vẫn còn tiếp tục soạn cuốn Tự Điển Pali-Anh (Pali-English Dictionary) mà ông đã sưu tầm tài liệu nghiên cứu trong suốt 40 năm, với sự cộng tác của nhà ngữ học nổi tiếng Dr. William F. Stede (1882-1958), người Anh gốc Đức. Phần đầu cuốn từ điển được xuất bản năm 1921, và ít lâu sau khi ấn hành phần ba của cuốn từ điển đó, thì rất tiếc vì bệnh sưng phổi tái phát hoành hành, ông đã từ trần ngày 27-12-1922, hưởng thọ 80 tuổi. Sự ra đi vĩnh viễn của học giả Rhys Davids lúc bấy giờ là một mất mát to lớn không riêng cho dân tộc nước Anh mà cả toàn thể Phật tử khắp nơi trên thế giới.

2. H.G WELLS: Herbert George Wells (1866-1946), văn sĩ nước Anh. Đầu tiên ông làm thầy giáo, ký giả; sau đó trở thành nhà văn viết chuyên khoa học giả tưởng với các tác phẩm: *The Time Machine* (Máy Thời Gian) ấn hành năm 1895; *The Invisible Man* (Con Người Vô Hình), 1897; và *The War of the Worlds* (Chiến Tranh Thế Giới) năm 1819. H. G. Wells còn là nhà hoạt động cải cách xã hội. Năm 1903-1908, ông tham gia làm hội viên Hội Fa Biên (Fabian Society). Hội này thành lập năm 1883-1884, chủ trương cải cách xã hội nước Anh. Ông cũng là bút giả của nhiều sách viết về hòa bình thế giới. Tác phẩm nổi tiếng và bán chạy nhất của ông là cuốn: *The Outline of History* (Lịch Sử Đại Cương), xuất bản năm 1920 và tái bản năm 1939.

3. THOMAS HUXLEY: Thomas Henry Huxley (1825-1895), sinh tại Ealing, Middlesex (Anh quốc) là một khoa học gia, chuyên nghiên cứu, ủng hộ thuyết tiến hóa (theory of evolution) của C. R. Darwin (1809-1882), nhà thiên nhiên học (Naturalist) nước Anh. Thomas Huxley học y khoa, sau đó ông làm giáo sư dạy nhiều năm tại trường Government School of Mines ở Luân Đôn; trường Royal College of Surgeons (1863-1869) và Royal Institution (1863-1867). Năm 1876, ông được mời sang Hoa Kỳ thuyết giảng về thuyết tiến hóa và những đề tài sinh vật học khác.

Sau đây là một số tác phẩm khoa học của Huxley đã xuất bản: *Huxley's Scientific Memoirs* (Kỷ Yếu Khoa Học) được tái bản in thành bốn tập vào



năm 1898. Một số bài khảo cứu lý thuyết của ông được sưu tập và tái bản in thành chín cuốn vào năm 1893-1894. Ngoài ra, Huxley còn viết nhiều sách giáo khoa như: *Lessons in Elementary Physiology* (Sinh Lý Học Cơ Bản) và *Physiography* (Địa Văn Học) v.v...

4. VIVEKANANDA (1863-1902): Vivekananda tên thật là Narendranath Datta, sinh ngày 12-11-1863 trong một gia đình trung lưu ở Calcutta, thủ đô tiểu bang West Bengal, miền đông Ấn Độ. Tốt nghiệp cử nhân (B. A.) tại đại học Calcutta năm 1883, nhưng vì hoàn cảnh gia đình túng thiếu, ông không thể tiếp tục học văn. Trước năm 1880, N. Datta đến học đạo lý và trở thành đệ tử chính yếu của Ramakrishna (1834-1886), một hiền triết Ấn Độ cận đại, thuộc phái Đạo Đức Học. Ngày 16-08-1886, khi Ramakrishna qua đời, N. Datta phát nguyện đi tu với pháp hiệu là Vivekananda để tiếp nối sự nghiệp của sư phụ mình. Sau đó cùng với các đệ tử khác của Ramakrishna, ông đứng ra lập một ngôi chùa Ấn Giáo tại Baranagar gần Calcutta.

Năm 1893, đại diện cho Ấn Độ Giáo, ông sang Hoa Kỳ dự hội nghị Tôn Giáo Thế Giới (The World Parliament of Religions) tổ chức tại Chicago. Năm 1897, ông thành lập Hội Truyền Giáo Ramakrishna tại Belur Math trên bờ sông Hằng (Ganga) gần Calcutta. Lối tổ chức dựa theo các Hội Thiên Chúa Giáo, và đến nay hội vẫn còn hoạt động, có nhiều chi nhánh khắp các nước Âu Mỹ, mục đích của hội nhằm quảng bá giáo thuyết của Ramakrishna tại Ấn Độ và các nơi trên thế giới; đồng thời vận động cuộc canh tân Ấn Độ, tổ chức cứu tế xã hội, giúp người nghèo khổ v.v.. Vivekananda tin tưởng rằng để văn minh tân phương có thể giúp Ấn Độ canh tân, cải tiến đặt nước; nhưng Âu Mỹ vẫn cần học hỏi rất nhiều nơi Ấn Độ về đời sống tâm linh, tinh thần đạo đức. Vivekananda mất ngày 04-07-1902 tại Belur gần Calcutta, hưởng thọ 39 tuổi, và để lại một số tác phẩm giá trị bằng tiếng Anh Ngữ: Jnana-Yoga, Raja-Yoga và Bhakti-Yoga.

5. KARL GUSTAR JUNG (1875-1961): Sinh tại Basel (Thụy Sĩ), học môn bệnh học tâm thần (psychiatry) tại đại học Basel, tốt nghiệp bác sĩ năm 1902. Năm 1907, ông gặp Sigmund Freud (1856-1939), nhà phân tâm học nước Áo (Austria), và theo học với Freud trong vài năm. Năm 1933, Jung nhận làm giáo sư môn bệnh học tâm thần tại Đại học Kỹ Thuật (University of Technology) ở Zurich. Ông viết nhiều sách, sau đây là những tác phẩm chính: *The Theory of Psycho-Analysis* (Lý Thuyết về sự Phân Tích Tâm Lý), 1915; *Psychological Types* (Những Loại Tâm Lý), 1921, v.v..

PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC

Bác sĩ Trần Xuân Ninh



Khoa học bản chất là duy lý, đặt trên nền tảng quan sát, lý luận, chứng minh, kiểm nghiệm. Quan sát đòi hỏi phải qua trung gian ngũ quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, tay sờ. Lý luận kiểm nghiệm thì cần khả năng trí tuệ. Tùy theo mức độ phát triển và tùy ngành khoa học, vai trò của ngũ quan và trí não có những tầm quan trọng khác nhau. Trong khoa học thực nghiệm, ở những giai đoạn ban đầu, quan sát bằng ngũ quan đóng vai trò chủ yếu trong những phát kiến. Archimède tìm ra sức đẩy của nước, Newton tìm ra trọng lực, Franklin tìm ra điện trong sấm chớp vân vân... tất cả đều do quan sát rồi tiếp theo là suy nghiệm. Trong khoa học thuần lý, trí não đóng vai trò chủ yếu, đưa ra giả thiết lý luận rồi kiểm nghiệm, thực hiện. Dù là khởi đầu bằng quan sát, hay khởi đầu bằng lý luận thì yếu tính của chân lý khoa học vẫn là sự tuyệt đối khách quan, chứng minh được, kiểm nghiệm được, thực hiện được.

Trong khoa học, không có lòng tin mù quáng, mà chỉ có giả thiết được kiểm chứng gián tiếp hay trực tiếp. Những hiện tượng khoa học mà người ta thấy được thì đa dạng phức tạp, nhưng chân lý khoa học khi đã hiểu ra thì thực là đơn giản, có thể tóm gọn lại thành một công thức hay một câu.

Tôn giáo nói chung dựa trên lòng tin. Tin ở trời, ở thượng đế, ở thần thánh... Tin vì không chứng minh được, không giải thích được. Ở những thời kỳ đầu tiên của lịch sử loài người, khi có quá nhiều sự kiện chung quanh mình không thể giải thích, không thể hiểu, người ta sẵn sàng tin. Vì thế người ta tin ở thần gió, thần mưa, thần sông, thần biển, thần đất vân vân. Trên hết cả, là thượng đế, là trời... tức là những đấng siêu phàm có khả năng thưởng phạt, quyết định vận mạng con người, vận mạng đất nước...

Với sự phát triển khoa học, con người hiểu biết nhiều hơn và do đó có thể giải thích nhiều điều bằng khoa học. Không còn thần mưa, thần gió, thần sấm nữa vì tất cả đều giải thích được là những hiện tượng tự nhiên do những yếu tố nóng lạnh, ẩm khô, điện từ di chuyển, thay đổi. Không còn cung Quảng và Hằng Nga, vì mặt trăng được biết là một hành tinh với những mẫu đất đá mà con người không thể sống. Vì những phát kiến khoa học đã thay đổi một cách to lớn cuộc sống con người, tinh thần duy lý của khoa học càng ngày càng phát triển, lòng tin con người vào những yếu tố thần linh và siêu nhân giảm đi. Điều này thấy rõ tại các nước văn minh, nơi số tín đồ cũng như các tu sĩ truyền đạo giảm sút. Số người tham dự các hoạt động tôn giáo, như đi nhà thờ, rước lễ vân vân, bớt nhiều.

Tìm hiểu suy nghĩ về những lời căn bản Phật dạy, ta thấy đặc tính duy lý, và tinh thần khách quan của khoa học. Hãy nghe lời đức Phật giảng cho chư tăng ở vùng Vesali, trên chặng cuối cuộc đời hành đạo của ngài từ Beluva tới Mehavali: "*Này các đệ tử! Pháp mà ta nghiệm thấy đã nói cho các người rồi. Các người hãy suy tưởng, hành Pháp và truyền giảng ra rộng rãi vì lòng thương thế giới, cho điều lành và*

hạnh phúc của thân và người."

Trong lời dạy trên, Phật không đòi hỏi lòng tin tuyệt đối nơi Pháp, ngài chỉ kêu gọi các tăng già "suy tưởng," "hành pháp" và "truyền giảng". Suy tưởng để thấy là đúng, hành Pháp để có thể kiểm nghiệm, và truyền giảng là vì lẽ từ bi. Đức Phật đã truyền đạo như một nhà khoa học, đưa ra chân lý khoa học để cho người nghe suy nghĩ, kiểm chứng và phổ biến.

Đức Phật cũng không đòi hỏi phải tin tưởng tuyệt đối ở ngài, mà được quyền nghi vấn.

Hãy nghe lời Phật dạy ông A-nan-đà và chư tăng lúc ngài gần viên tịch:

"*Này A-nan-đà! Có thể có người trong các người nghĩ rằng: Không còn lời thầy dạy nữa. Chúng ta không còn thầy nữa. Nhưng, này A-nan-đà, người không được nghĩ thế. Pháp và Giới (Dhamma-vinaya) mà ta đã đặt định ra và giảng giải cho các người, sẽ là thầy của các người, sau khi ta viên tịch. Có thể có những tăng, mà trong đó có nghi ngờ về Phật, về Pháp (Doctrine-Dhamma), về Đạo (Path-Magga), hay về phương cách tu tập (Method-patipadā). Này các tăng chúng, hãy tự nhiên mà hỏi đi. Đừng để sau này tự trách mình rằng: Lúc Thầy chúng ta còn mặt đối mặt với chúng ta, chúng ta đã không hỏi bậc Đại giác cho tường tận.*"

Sách chép rằng đức Phật đã nhắc lại những câu này ba lần cho các chư tăng.

Không những nhắc nhở tự mỗi người suy nghiệm, không những khuyến khích mọi người đặt câu hỏi với mình, đức Phật còn tách sự tôn kính mình ra khỏi quá trình suy nghĩ mỗi người để cho kết luận được khách quan. Sau khi giảng pháp cho Kalamas, ngài đã hỏi chư tăng rằng "*Sau khi các người đã thấu hiểu và ghi giữ điều ta giảng thì các người có tự nhủ rằng 'Chúng ta tôn vinh thầy chúng ta và vì kính trọng người, chúng ta kính trọng những lời người dạy' hay không?*" Chư tăng đáp: "*Bạch thế tôn, không.*" Đức Phật liền nói "*Này các đệ tử! Điều các người vừa nói phải chăng là vì chính các người đã công nhận, nhìn ra và thấu hiểu đó chăng?*" Chư tăng trả lời "*Bạch thế tôn, chính phải.*"

Hiểu rõ tâm lý con người, ngài tách bạch rất rõ Phật và Pháp, để cho chân lý ngài tìm ra (tức là Pháp), và con đường ngài chỉ (tức là Đạo) thực sự phục vụ được chúng sinh, đức Phật đã nói với ông A-nan-đà khi nằm chờ giờ viên tịch trong rừng Sala giữa hai cây Sala như sau: "*Người mà làm tròn nghĩa vụ lớn cũng như nghĩa vụ nhỏ, người mà ngay chính trong cuộc đời tuân theo pháp giới, thì chính là người vinh danh, tôn kính và thờ phụng bậc Đại Giác, Đại Toàn bằng cách xứng đáng nhất. Bởi thế, hỡi A-nan-đà, hãy kiên định thi hành những nghĩa vụ lớn và những nghĩa vụ nhỏ, hãy ngay chính trong đời, tuân theo pháp giới. Này A-nan-đà, đây là cách người phải tự tu tập.*"

Đặt vấn đề, suy nghĩ và chiêm nghiệm khách quan, chính là đặc thù của khoa học.

Ngày nay, ta không lạ gì tinh thần khoa học này. Nhưng thời đức Phật cách nay trên hai ngàn năm

trăm năm, khi con người còn bị bao vây bởi vô số điều không hiểu biết và mê tín, thì trí huệ này chính là trí huệ bậc đại giác.

Trong một buổi giảng khác cho chư tăng về cách thức tập luyện cho một người muốn tìm phương giải thoát, đức Phật nói rằng một người mà tâm ý trong lành, cuộc đời thanh sạch trọn vẹn thì tức là tu tập viên mãn, và có thể coi như một người đã tắm rửa sạch nội tâm. Có người Bà la môn tên là Sundarika Bhàradvāja bèn hỏi đức Phật:

"Ngài Gotama có đi tắm ở sông Bànhuka không?" Phật trả lời: "Này người Bà la môn! Sông Bànhuka có gì tốt? Sông Bànhuka có thể làm gì cho người?" Người Bà la môn đáp "Bạch ngài Gotama, sông Bànhuka người ta tin là sông thánh. Nhiều người có những hành động xấu xa ghê tởm (pàpa) đã được nước sông Bànhuka rửa sạch." Phật liền dạy rằng nước sông không thể rửa sạch sự xấu xa của con người, và nói: "Hỡi người Bà la môn! Tắm ở đây (trong Pháp và Giới) sẽ cho mọi người yên lành. Nếu người đừng nói dối, đừng sát sinh, đừng trộm cắp, đừng xấu xa, thì đi đến sông Gayà làm gì? Giếng sau nhà người cũng là sông Gayà đó!"

Nhìn thẳng vào vấn đề, tìm ra phương kế giải quyết thích đáng, không dựa vào những tiền đề chủ quan, những tin tưởng mù quáng dễ dàng, là cách nhìn khoa học của đức Phật dạy trong chuyện kể trên.

Đức Phật xuất gia vì nhìn thấy cảnh sinh lão bệnh tử bao trùm cuộc đời và muốn giải cứu chúng sinh. Trong quá trình tu tập học đạo, ngài đã suy nghĩ, thể nghiệm và sau cùng giác ngộ tìm ra chân lý giải quyết khổ nạn cuộc đời. Tóm tắt lại là tứ diệu đế (khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế) và bát chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Trong tiến trình giải quyết khổ, vai trò mỗi người là chủ yếu. Như Phật nhắc nhở nhiều lần:

*Người phải tự mình cố gắng,
Bậc Đại toàn (Tathàgata) chỉ đường
(Dhammapada, 276)*

và:

*Do mình việc xấu sinh
Vì mình mà bị bồi xấu
Chính mình việc xấu ngưng
Tự mình tiếng xấu giải
Trong sạch hay đơ bản tùy thuộc ở mình
Không ai tẩy sạch được cho người khác
(Dhammapada, 165)*

Trong nỗ lực tự giải cứu này, kết quả cao thấp tùy cá nhân. Ở mức toàn hảo là trở thành bậc đại giác, như hoa sen nở giữa chốn bùn lầy.

Suy nghĩ cho kỹ, lời Phật dạy mỗi người phải tự cứu cũng là một chỉ dẫn khoa học, kết hợp biết và làm, lý thuyết với hành động, giải quyết việc người mà không phục vụ việc thần. Vì thế, Phật không quan tâm giải thích những vấn đề siêu hình, không dựa trên những yếu tố thần linh để thuyết phục, xoa dịu hay giải quyết những vấn đề con người. Phương thức giải quyết khổ nạn Phật chỉ ra là triệt đế và đơn giản, trên nguyên lý nhân quả, như trong quan hệ vận hành của những hiện tượng khoa học.

Một cách rất tổng quát, ta đã nhìn ra tính chất khoa học trong một số lời Phật dạy nguyên thủy và qua một vài ý niệm cơ bản trong Phật pháp. Sự nhận định này không vì yêu cầu vinh danh hay đề cao đức Phật và Phật giáo. Vì như lời



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin tức
phu quân của nhà thơ Kiều Mộng Hà là

CƯ SĨ TÔN THẤT QUỲNH VÕ
Pháp danh **TÂM THIỆN**

Sinh năm Giáp Thân
đã mãn phần ngày 07 tháng 02 năm 2014
(nhằm mùng 8 tháng Giêng năm Giáp Ngọ)
Hưởng thọ 71 tuổi.

Thành thật chia buồn cùng gia quyến,
đồng thời nhất tâm cầu nguyện Hương linh
vãng sanh Cực lạc quốc.

Ban Biên Tập Nguyệt san Chánh Pháp

Phật dạy ông A-nan-đà đã dẫn ở trên, vinh danh, tôn kính và thờ phụng đấng Thế tôn cách cao quý nhất chính là tuân theo pháp giới. Mặt khác, cũng vì hiểu rằng Phật giáo là đạo cứu khổ, mà tiến trình cứu khổ là dựa trên nỗ lực cá nhân, chứ không vì ân phúc huyền bí, nên tự thấy không cần đề cao Phật giáo. Ngoài ra, nói đức Phật có tinh thần khoa học hay nói Phật giáo có tính chất khoa học thì thật ra cũng không phải là một cách đề cao.

Những phân tích trên đã được viết trong quan ngại chung về viễn ảnh tôn giáo trong thời đại văn minh vật chất ngày nay, khi những khám phá khoa học làm lu mờ yếu tố huyền bí, khi những phát triển kỹ thuật, thương mại làm xã hội ngày càng phức tạp và con người bị trói buộc chặt chẽ vào trong những khổ nạn chằng chịt, tế vi khó định, khó thoát. Trong hoàn cảnh này, vai trò giải cứu con người, ổn định xã hội của tôn giáo cổ điển dựa trên sức mạnh huyền bí giảm đi, như ta đã thấy.

Nhận ra tinh thần khoa học trong những lời Phật dạy và khai triển tinh thần này phải chăng là điều cần quan tâm chú ý để Phật pháp có thể được hoằng dương mà giải cứu cho con người duy lý trong thời đại ngày nay?

Từ “Động Hoa Vàng” tới những trang “Kinh Ngọc”

HUỆ TRÂN

*“Mùa Xuân bỏ vào suối chơi
Nghe chim hát núi gọi trời xuống hoa
Mức bình nước mát về qua
Ghé thôn mai nọ, hỏi trà mạn xưa”*

Chỉ bốn câu thơ mà đã hiện lên đôi nét chấm phá về “Gã tử quan” Phạm Thiên Thư.

Là người Việt Nam yêu thơ, yêu nhạc, ít có ai chưa từng một lần được nghe những giọng nhạc mượt mà, phổ tử suối thơ lục bát Phạm Thiên Thư qua tập thơ “Động Hoa Vàng.”

Phạm Thiên Thư tự họa:

*Rằng xưa có gã tử quan
Lên non tìm động hoa vàng ngủ say*

Mà nào gã có ngủ say! Chỉ là những giấc mộng tuyệt vời, qua cả tiếng cười lẫn lệ chảy.

Từ nhiều thập niên, Động Hoa Vàng cũng được nâng niu trong cặp sách học trò, được kín đáo tò bầy trong thư tình gửi vội, được chấp cánh lên cao trong âm thanh lồng lộng không gian, được nức nở đợi chờ, được hân hoan hạnh phúc ... vì ai bước vào Động Hoa Vàng cũng có thể thấp thoáng thấy bóng mình đâu đó, để gửi cho nhau, để hát với nhau, dù là phút chia tay hay hội ngộ.

*“Chim từ bỏ động hoa thưa
Người từ tóc biếc, đôi bờ hạ đông
Lên non kiếm hạt tở đồng
Đập ra chợt thấy đôi dòng hạc bay”*

Từ trong thơ, đã có nhạc. Và từ trong thơ nhạc, đã hóa hiện thành tranh, bức tranh thủy mặc linh động như vạn hữu đang đập dìu tình tự. Thể thơ lục bát dân tộc đấy, tìm chi tận thơ Đường thơ Mật mới về được Hoàng Hạc Lâu “*Tình xuyên lịch lịch Hán Dương Thụ. Phương thảo thể thể Anh Vũ Châu!*”

Động Hoa Vàng ở đâu? Có lẽ khách thơ chẳng cần biết, khi rung cảm tự thắm sâu đã nghe và thấy được cả:

*Tiếng chim trong cõi vô cùng
Nở ra bát ngát trên rừng quê hương*

Lạ!

Mỗi câu thơ là mỗi mệnh mông của sát na giác ngộ. Ngộ cái thấy và cả cái không thấy. Người đó, tưởng như bình dị trần thân trong tầm tay với, mà sao thoáng chốc bỗng vượt chín tầng mây khiến mộng chợt tỉnh, mà đâu là thực:

*Thư em ướp nụ lan vàng
Lời em gió núi chiền đàn thoảng xa
Áo em phất cõi Di Đà
Ngón chân em nở đóa hoa Đại Từ*

Cứ thế, mộng và thực đan nhau. Gã tử quan không ngủ say mà khách thơ theo chân gã, lại bồi hồi lần bước tới vô-môn-quan. Vì cửa-không-cánh-cửa nên người vào chẳng mở mà người ra cũng chẳng đóng. Vào hay ra đều tự tại đến, đi mới thấy

ta và vạn hữu không hai:

*Mùa xuân mặc lá trên ngàn
Mùa thu mặc chú bướm vàng tương tư
Động Nam Hoa có thiền sư
Đổi kinh lấy rượu tâm hư uống tràn!*

A ha! Đạt tới thể thì đâu chẳng là Động Hoa Vàng của gã tử quan, và nhẹ nhàng tử luôn cả những trước phiên ràng buộc:

*Thì thôi, tóc ấy phủ vân
Thì thôi, lệ ấy còn ngần dáng sương
Thì thôi, mù phố xe đường
Thì thì thôi nhé! Đoàn trường thể thôi!*

Và khách thơ không băn khoăn gì khi thấy người ấy vậy tay:

*Trần gian chào cõi mộng này
Sông Ngân tìm một bến ngoài hóa duyên.*

Quả thật, người đã hóa duyên.

Thi sỹ Phạm Thiên Thư đã hóa duyên thành Thầy Tuệ Không. Người đã xuất gia năm 1964 và hoàn tục năm 1973. Những dấu mốc thời gian đó như chẳng làm nên khác biệt gì trong thâm tâm của một người đã:

*Thâu hương hiện kính bồ đề
Phấn son chim lắng hạt mê luân hồi.
Thầy Tuệ Không Phạm Thiên Thư “đã có sáng*





kiến và can đảm thi hóa kinh Kim Cang để cúng dường Chánh Pháp” như lời của cổ Hòa Thượng Thích Minh Châu đã giới thiệu cuốn Kinh Ngọc khi Ngài đang là viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh. Ngài viết rằng: “Tôi nói sáng kiến vì rất ít có Phật tử, nếu không phải là chưa có, đã dùng thể thơ mà diễn đạt nghĩa chân không diệu hữu của Đại Thừa. Tôi nói can đảm, vì chỉ có tuổi trẻ mới can đảm làm những chuyện phi thường, và thật là phi thường khi cả gan thi-hóa bản kinh “Ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm”.

Trước khi khai kinh, thơ đã quý xuống, cực kỳ trang trọng:

*Nguyện cúng dường kinh tạng thơ hoa
Trái tam thể mộng một tòa sắc hương
Kiếp sau làm chim trong sương
Về bay hóa độ mười phương trời vàng*

Đây cũng là lời nguyện của Chư Bồ Tát, quay lại Ta Bà độ chúng sanh. Từ đây, thơ không còn lục bát nữa, mà là nhịp mõ của thanh âm tiếng kệ diệu kỳ.

Cúng dường và phát nguyện rồi, thơ vẫn quý trước Tôn Kinh để:

Ngợi kinh:

*Thần như sương đầu cỏ
Tụ mười cõi trắng sao
Nhập dòng thơ thâm diệu
Mộng thức dưới hoa đào.*

Dâng kinh:

*Cánh lan ngọc cong cong
Mười viên trắng thu khuyết
Hoa khép tay trầm hương
Quy-y tôn kính Phật.*

Mở kinh:

*Giấy cỏ hoa mây trắng
Chép đôi dòng kinh thơ
Suối nào vi diệu dụng
Trang nghiêm cõi Phật thừa.*

Từ đây, cánh cửa Kim Cang đã mở rộng. Chuông đã điểm. Mõ đã ngân. Người thơ chấp tay mà thi-hóa từng trang kinh để mời lời Phật dạy là một đóa sen thơm:

*Con chim thu cõi tịnh
Cũng về hội ta-bà
Trùng trùng mây mây biếc
Hoa trái cúng dường hoa*

*Trong khu vườn mai trắng
Sương đọng mấy tầng hoa*

*Sao tụ nước Xá Vệ
Hương ngát mười cõi xa*

*Trên trụ đá mây đờ
Trái chiếu cõi Lưu-Lý
Phật kết kim cương tọa
Chim tụng pháp diệu kỳ*

*Hai ngàn năm trăm vị
Tỳ-kheo rức pháp y
Dưới thềm đá mây nổi
Dưới thềm hoa uy nghi*

Địa danh và cảnh trí nơi Đức Thế Tôn sắp giảng Kinh Kim Cang Đại Thừa được thi-hóa như thế. Thơ đã thoát tục, bước lên pháp tòa:

*Giữa đại chúng tịch mịch
Hiện giả Tu Bồ Đề
Đứng dậy chấp tay ngọc
Hoa trắng trái hoàng y*

Đối tượng để Đức Thế Tôn giảng kinh Kim Cang là ngài Tu Bồ Đề, như đối tượng trong kinh A Di Đà là ngài Xá Lợi Phất. Chỉ khác, trong kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề thỉnh hỏi và Đức Thế Tôn giải đáp, còn trong kinh A Di Đà là dạng vô vấn tự thuyết, nghĩa là không ai hỏi, nhưng Đức Thế Tôn đã từ bi, chọn ngài Xá Lợi Phất để giảng giải về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà do chúng sanh được lợi lạc.

Trang kinh Kim Cang đã mở.

Và từng bước thông dong, thơ rải hoa trên mỗi câu hỏi, đáp, làm kinh ngọc những ai lần đầu có tập thi-hóa này trên tay. Với thể thơ năm chữ, Kim-Cang-kinh bước vào hồn người như những đóa quỳnh hương nở nhẹ trong đêm, qua từng lời Phật dạy:

*Chúng sinh như sương tu
Chúng sinh như mây tan
Mười cõi bóng mây nổi
Nhập Vô-Dur Niết-Bàn
Vô lượng, vô biên độ
Mà không một chúng sinh
Đồng cùng như tánh trí
Từ biển lặng vô minh*

Khi Phật chỉ bày về pháp bồ thí, thơ ngân nga như vậy:

*Thực hành pháp bồ thí
Chẳng chấp thức căn trần
Vô ngã, vô sở trụ
Vô ngại cõi phù vân
Như mười phương sao biếc
Mười phương cõi hư không
Bồ thí vô tướng trụ
Công đức chẳng suy lường
Tinh thần Kim-Cang-kinh cô đọng trong lời dạy:
Không pháp nào vô thượng
Phương tiện, phương tiện thôi!
Ngài chưa thuyết một pháp
Vĩ tánh chẳng y lời.
Đạt ý, như thực ý
Lìa lời, như thực lời
Đạt trí, như thực trí
Ý, lời, ngọn sóng khơi*

Khi xưa, thi hào Nguyễn Du từng than thở là tụng Kim Cang ngàn lần vẫn chưa nắm bắt được ý kinh, dù ngay lời kinh, Phật đã dạy:

*Người chấp Như-Lai pháp
Là không hiểu nghĩa mầu
Nghe pháp không chấp pháp
Cầu pháp không người cầu
Tôi hằng phương tiện thuyết
Mê ngộ có xa đâu!
Vô lượng kiếp kiếp sau*

*Người khởi tâm thanh tịnh
Biết cầu pháp nơi đâu?
Tìm mộng trong giấc mộng
Người mê, chẳng thấy mê
Xưa nay không ngã, pháp
Tìm đâu lối bỏ-đề!*

Trái tim của Kim-Cang-kinh là bốn câu kệ mà hành giả thường nường tựa kinh ngày đều khắc cốt ghi tâm:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán.
Đã được nhà thơ thi-hóa như sau:
Trùng trùng pháp hữu vi
Như huyễn mộng bọt nước
Như bóng chớp sương mai
Thường quán tưởng như thị*

Từ Động Hoa Vàng:
*Sư lên chót đỉnh rừng thiên
Trong tim chợt thấp một viên tà dương
Ngón tay nở nụ đào hương
Cầm nghiêng Tịnh-Độ một phương diệp vờ*
Tới Kinh Ngọc:
*Bồ Tát khởi sinh tâm
Thanh tịnh như hư không
Vô nguyện, vô sở trụ
Viên mãn một tâm đồng
Như mưa khắp phương cõi
Riêng gì chốn tây đông.*

quả là tâm người chẳng lay động mới tạo nên gạch nối kỳ diệu, hiển lộ Bát Nhã Ba La Mật giữa mộng và thực, giữa tục và tăng, phá vỡ hàng rào chấp ngã từng cản bước bao người tìm vào biển tuệ. Nên qua Kim Cang, Đức Thế Tôn nghiêm túc mà dạy rằng:

*Ba mươi hai tướng ngọc
Chẳng quán được Như Lai
Dùng sắc không thấy Phật
Pháp thân nào trong ngoài
Dùng thân vàng thấy Phật
Dùng khánh ngọc cầu ta
Người đó lạc tà đạo
Đũa ngọc gặp sao tà.*

Và thầy Tuệ Không Phạm Thiên Thư đã thi-hóa đoạn cuối kinh Kim Cang, thật trung thực như mỗi lần Đức Phật dứt lời thuyết giảng:

*Phật nói kinh này rồi
Hoa cúng dường phôi phối
Chim tụng vi diệu âm
Mây về mười cõi giới
Trưởng lão Tu Bồ Đề
Tỳ-khú, tỳ-khú-ni
Ưu Bà Tắc, Bà-Di
Khấp cõi quý, trời, người
Hoan hỷ bưng pháp hội.*

Khép kinh:

*Chẳng nương bè trúc ngọc
Vượt qua suối mây hồng
Con chim vô lượng kiếp
Về tha trái nhãn không.*

Huệ Trân

(Ngày về lại Tào-Kê tịnh thất,
tụng Kinh Kim Cang)



QUÁN NIỆM THÂN TÂM

QUÁN CHIẾU SỰ GIẬN HỒN*

Giận Hồn là khách trọ,
Khách đến rồi khách đi.
Vô Thường đi hay ở,
Tâm bình chẳng hề chi!*

*Khách đi, ta thờ nhẹ,
Khách ở, ta mỉm cười.
Khách không mời mà tới,
Thản nhiên tiếp nhận thôi.*

*Thờ vào! biết tâm động,
Thờ ra! tìm đập nhanh.
Thờ vào! tâm còn giận,
Thờ ra! thân bất hành!
Thờ vào! tâm lắng dịu,
Thờ ra! nụ cười lành.*

*Có vài cành lá héo,
Rừng thông vẫn đẹp xanh.
Ta chào người khách lạ,
Bên dòng sông Diệt Sanh.*

*Diệt Sanh bàng bạc sắc không,
Ta tâm chánh giác Thường trong Vô Thường.
Nhân sinh nắng ấm mưa sương,
Thở & Cười an tịnh, mắt thương nhìn đời.*

CHÂN MINH TRÍ (H.V.Q.)

* Tùy duyên, có thể thay thế các cảm thọ khác để quán chiếu: Giận hờn / Phiền não / Khổ đau / Thất vọng / Trầm cảm / Chán nản / Lo âu / Bất ổn / Bệnh tật...

Người gìn giữ quá khứ

NGUYỄN VĂN SÂM

Tu tập có muôn vạn pháp môn, chọn đúng pháp môn của mình cần can đảm vượt qua những khó khăn. (NVS)

1.

"Bình đã đầy nắp, đồ nước hoà cũng không đầy. Tính chất nóng lạnh của nước, mùi vị của trà trong đó cũng không thay đổi được!"

Vị sư trung niên mặc áo đà, đầu cạo trọc sát, một chút tóc vừa mới lú lú ra trên đỉnh đầu hơi dài hơn những chỗ khác chút xíu, ý chừng được dưỡng theo ý của chủ nhơn, đẩy cửa tầng phòng thiết nhẹ nhàng, nói với chú Tuấn trong khi bước qua ngạch cửa. Nét mặt sư thanh thản, khác với nội dung câu nói, khiến chú để tâm hơn tới ý nghĩa câu nói và chú ý đến quyển sách cũ kỹ, mỏng tanh mà sư đang cầm trên tay.

Tuấn liếc nhìn cái tựa: *Bồ Tát Giới Pháp Diễn Âm*. Chú nói nhỏ nhỏ với mình: Sách Nôm, một trong số rất hiếm hồi kinh do người Việt Nam viết và khắc in cuối thế kỷ 19. Chuyện Đức Phật sai Bồ Tát A Nan Đà hóa độ một thái tử nọ đắm mê sắc dục. Thái tử chỉ tu hành một ngày trước khi chết thôi mà vẫn được độ sanh vào miền Cực Lạc.

Mình đã bị sách mê hoặc suốt đời, sư Quán Thông đây còn bị mê hoặc hơn mình. Chú Tuấn nghĩ thiệt mau. Rồi không từ chối cái vẫy tay mời của chủ nhơn tầng phòng chú bước theo qua khỏi ngạch cửa. Sư dẫn trong khi vói tay bật nút mở đèn.

"Xin kéo cửa lại giùm." Chủ nhơn thêm cho nhẹ hơn câu sai khiến của mình: "Để cho căn phòng ấm cúng vậy mà."

Chủ đưa mắt chung quanh. Bốn tủ kiếng dựa vách đầy sách. Sách cũ xưa Nôm, Hán, sách kinh kệ khắc bản đầu thế kỷ trước, tất cả đều ngăn nắp, ngay ngắn. Chủ phòng mời trà. Cử chỉ chuyên trà của chủ thiết đỉnh đạc. Trong khi trình trọng đầy chén trà ra trước mặt khách, sư nói chậm rãi:

"Nói với chú như vậy vì tôi được sư phụ trụ trì khuyên dạy nhiều lần nhưng vẫn chưa bỏ được tánh mê sách, vẫn dùng nhiều thời giờ cho sách vở hơn kinh kệ."

Khách mỉm cười sau câu nói của chủ, chưa thể góp ý, chỉ đưa mắt theo sự mời gọi của những quyển sách trong tủ.

"Đó là cái duyên, nói lý thuyết hơn đời chút là cái nghiệp. Tôi cảm thấy đọc một trang sách mới hay vài chục trang từng được đọc đi đọc lại thú vị hơn là tụng một thời kinh. Tội lỗi của tôi nằm ở đó. Nặng lắm mà chưa biết tính sao."

"Như vậy trong những buổi lễ, trong thời kệ kinh thường nhứt thầy đã không chuyên chú, cái tâm viên ý mã của thầy chạy nhay lung tung không kèm chế?"

"Cũng không hẳn như vậy." Thầy Quán Thông nhẹ nhàng vừa xác định vừa phủ nhận. "Chỉ nghĩ về những quyển sách mới vừa trao đổi hay mới thủ đắc, chỉ nghĩ đến những đoạn văn hay những chữ mình vừa mới khám phá cách đọc, những ngữ nghĩa mình mới suy nghiệm, từ đó khám phá ra những ngữ ý mới

mà người xưa kềm giấu trong sách. Nói chung, cái tâm mình động vì nội dung sách chứ không vì những thứ khác, kể cả chính quyển sách. Nhiều khi dựa trên đó tôi tự bào chữa mong nhẹ bớt cái tội lỗi mình đã phạm."

Khách trình trọng bưng chén trà lên, đưa cao tận miệng, không cúi đầu xuống, chỉ chu môi húp từ hớp nhỏ, khi trà gần cạn chén, khách đặt lại trên đĩa, thờ dài:

"Thầy để lòng mê sách lôi kéo quá xa. Như một cỗ xe để cho tuấn mã chạy vào con đường cấm. Người trần như tôi thì được. Như thầy thì không. Tu hành!" Khách cố tình nhấn mạnh hai chữ tu hành nhưng không lý giải gì thêm.

Cái cười gương gạo điểm pha chút xấu hổ, thầy Quán Thông nhẹ nhàng:

"Như đã nói với chú, tâm tôi như bình trà đã được đầy nắp rồi, đổ bao nhiêu thêm nữa cũng chẳng vô bình. Bỏ tánh ham quý sách vở để chuyên chú vô kinh kệ nhứt thời tôi đành cáo lỗi không làm được. Người tu hành không ngại hơi thở mình ngừng, nhưng tôi vẫn lo có điều gì thì công việc cho quyển sách lớn đời mình không hoàn thành." Ngừng chút xíu thầy nói thêm. "Và nhiệm vụ gìn giữ quá khứ không viên mãn."

Chú Tuấn nói ngay mà không sợ bạn giận. Chú nói trong cái cười nhẹ nhàng:

"Coi chừng cái tâm vọng tưởng về danh tiếng núp đầu đó trong hình thức viết lách cố gắng hiển cho đời."

"Cũng có thể là như vậy, cái



tâm muốn có danh tiếng biến hóa khôn lường khiến mình không nhận chân được bản lai diện mục của nó, chỉ thấy được biến tướng của nó là lòng muốn viết và sự cố gắng viết như là một lý tưởng cao đẹp thôi. Mà sư phụ tôi thì không vui gì với những sưu tập sách vở và trang viết của đề tử, vốn chẳng phải là kinh kệ theo đường truyền thống lâu nay.”

“Thầy nói giữ gìn quá khứ?”

“Vâng! Giữ gìn sách xưa là giữ gìn quá khứ nếu ta chịu đọc, suy nghiệm từ đó rồi lọc ra những điều hay đẹp để thực hành. Nếu chỉ sưu tập rồi giữ sách cho thiệt nhiều thì là chuyện khác.”

Khách đưa mắt trên một quyển sách đóng bằng giấy bản dày trên có đặt một cây bút lông.

“Đây cũng là một cách giữ gìn quá khứ của tôi.... Chú biết rồi, một phần triệu triệu của phút giây trước đây là quá khứ, một phần thiệt nhỏ của phút giây sau đây là tương lai. Cái giây phút nhỏ nhít gọi là hiện tại có mà không có bởi vì nó sẽ biến mất ngay. Người đời cứ chăm chăm vào cái hiện tại ảo đó mà bỏ quên quá khứ. Tôi trân trọng nó bằng cách ghi lại những gì xảy ra bây giờ. Dĩ nhiên người đọc từ đó sẽ thấy được quá khứ.”

“Thầy làm công việc của Tư Mã Thiên?”

Có tiếng gõ cửa rụt rè bằng những tiếng nhẹ, rời rạc. Chủ nhân cất cao giọng nhưng âm thanh vẫn nhẹ nhàng, thanh tình:

“Cửa mở, xin mời vào.”

Một thiếu phụ đẩy cửa bước vô. “Con chào thầy, cháu chào Bác!”

Chủ nhân tăng phòng giới thiệu:

“Nguyên Tịnh, chuyên viên Hán Nôm, người rất thích tìm hiểu về những vấn đề cơ bản của Phật đạo.”

Hai người khách chào nhau.

Một áng mây vẫn đục bay qua trong trí chú Tuấn. Người đẹp thanh mảnh, duyên dáng như vậy đến liêu của thầy, chuyện này xốn mắt quá, chú Tuấn trầm ngâm ngó người này, đảo mắt nhìn lên bức tượng Bồ Đề Đạt Ma quỳ dẹp sang sông. Người thiếu phụ ý chừng không quan ngại cái nhìn và những diễn biến trong tâm của chú, cứ thảo luận với chủ nhân tăng phòng về chủ tâm mê, về mây từ khó hiểu trong các hội 5, 6 của bài phú Cư Trần Lạc Đạo.

Chú mơ mơ màng màng nghe như tiếng thiếu phụ:

Tâm mê trần gian coi mọi sự trên đời là thật. Thiệt ra mọi vật trên đời là ảo, chỉ hiện diện một thời gian rồi mất, tan biến vào cõi vĩnh hằng... cũng chẳng có nam nữ, chỉ có linh hồn và tục thân, tục thân hiện ra dưới hình thức này kia. Người mạnh kẻ yếu, người đẹp kẻ xấu, người nam kẻ nữ... Chú bừng tỉnh khi tiếng giảng và tiếng hỏi ngừng khá lâu. Chú mở mắt thấy cả hai đương nhìn mình ái ngại. Chú hơi sượng sùng, trở bộ ngồi, tự mình lấy lại chút bình tĩnh bằng cách hớp hớp những hớp nước bọt trong tách...

“Chú coi bộ hơi mệt, nên nghỉ ngơi. Mười năm kia ai bị cũng dễ mất sức, bình hoạn.... Mấy quyển kinh sách chú hỏi mượn đã được để sẵn trên bàn đằng đó. Cứ yên tâm cầm về xem, đừng ngại. Sách là để đọc, không phải để trưng bày hay làm của.”

Chú Tuấn liếc nhìn về mặt thanh thoát, đẹp đẽ và hai bàn tay thon thả của người thiếu phụ đang chấp trước ngực...

Hình như cái xốn xang trong mắt đời của chú vẫn còn quanh quất, chưa chịu tan biến.....

2.

Tám tháng sau chú Tuấn lại đạp xe đến chùa. Tầng phòng cũ của vị sư bạn đã được giao cho sư khác. Thầy Quán Thông bây giờ ở trong một liêu phòng nhỏ cất tạm xa xa, trước rìa nghĩa địa chùa. Thầy để tóc như người cư sĩ tại gia. Áo nâu sòng nhưng không phải là áo tràng của người xuất thế. Thầy mời chú vào thảo liêu với cái mỉm cười.

“Xin mời vào! Xưa Khổng Minh thanh thản ở mao lư, nay tôi ngự thảo liêu thì cũng như nhau thôi.”

Thầy quay lui, ngó ra ngoài nội, cũng vẫn là câu biểu ngữ nhưng lần này nghịch lại:

“Thôi chú cứ để cửa mở cũng được. Ta hưởng chút khí trời buổi xế chiều.”

Sách vở nhiều hơn và bừa bộn hơn. Nhiều quyển mở ra để trên bàn với những tờ giấy nhỏ ghi chú chằng chịt. Nhiều quyển tự điển này nọ dày cộm mở ra có cây viết đặt vào để làm dấu.

Chủ nhân mở đầu:

“Nay tôi chỉ còn thuần là một phật tử, một cư sĩ tại gia. Sư phụ trụ trì không khuyên tôi hoàn tục, cũng chẳng muốn tôi hoàn tục nhưng người nói tâm tôi đầy sách vở của văn chương

chữ nghĩa, tôi lại cứ ghi ghi chép chép nên tâm không có chỗ cho kinh sách nữa, sư phụ không nói tâm tôi như cái bình đầy đầy nấp, nhưng đại khái tương tự như thế... Tôi hiểu nghiệp mình và nửa năm trước đã xin thầy cho được sống và tu theo lối của mình. Tôi dịch kinh viết bằng chữ Nôm của các thầy mấy thế kỷ trước, tôi nghiền ngẫm những bài phú của vua Trần, những bài thơ của các thiền sư đời Lý. Tôi xa rời kinh Hán tự, Phạn ngữ...”

Ngước nhìn bức tượng Bồ Đề Lạt Ma, chú Tuấn nhớ tới người thiếu phụ trước đây.

“Thưa huynh, người tín nữ tha thiết đến chuyện tâm đạo tâm mê tôi hạnh ngộ lần trước bây giờ vẫn khỏe?”

Huynh Quán Thông sửa lại thế ngồi, đưa tay rót trà cho khách, ngó mông ra cửa. Ngoài nội bao la lừng lờ vài ba cụm mây trắng trên nền trời trong xanh. Gió làm lao xao cành lá những tàng cây trước mặt.

“Tất cả các pháp đều vô thường. Biến đổi không cùng. Đời người như những đám mây kia. Như những cơn gió nọ.”

Chú Tuấn nghe như có luồng điện cao thế chạy xẹt từ chơn cẳng lên tuốt trên đỉnh đầu mình. Chú tròn xoe mắt ngó người đối diện nhưng không dám hỏi. Người cư sĩ đóng lại một cuốn sách đương để lật ra trên bàn, đem xếp chung vô với những cuốn để đứng trong tủ kiếng, đẩy đẩy nhẹ những quyển sách khác lại cho ngay ngắn, nói tiếp:

“Nguyên Tịnh là người chăm chút trau dồi tâm của mình, nhưng cũng không lơ là mấy với tục thân. Nguyên Tịnh khám bác sĩ riêng hằng tháng suốt mấy năm qua vì bác sĩ là người bà con. Vậy mà 7 tháng trước nghe tin mình bị bướu não. Được khuyên mổ óc lấy khối u ra, Nguyên Tịnh từ chối với lý do nếu phải tới lúc hết nghiệp thì chữa chạy cũng vô ích thôi. Đời sống vốn vô thường, cứ để cái vô thường hành sử quyền của nó.”

Lần nữa huynh Quán Thông ngó lên bầu trời. Một vài đám mây khi này đã tan, giờ có thêm vài đám mới. Huynh nhớ đến gương mặt của thiếu phụ thông minh có tinh thần tìm học, đã coi nhẹ một trong những nỗi khổ của nhân sinh. Huynh nhắc thêm:

“Nguyên Tịnh xác quyết với tôi rằng con người mang tiếng khốc ban đầu mà ra, không phải vì đau đớn khổ sở mà là phản ứng của cơ thể để có thêm không khí khi mới thay đổi môi trường bên

trong cơ thể mẹ sang môi trường bên ngoài đời. Và Nguyên Tịnh sẽ chứng minh rằng cái được gọi là khổ chót đời của nhơn sinh ai nấy đều sợ xem ra cũng không phải là cái khổ. Nó là một giai đoạn của quá trình. Tới giai đoạn nào thì ta chấp nhận giai đoạn đó. Giai đoạn chót là một phút giây cực kỳ ngắn, chủ thể chẳng kịp cảm nhận, vậy thì nó vô tính, sướng khổ hay gì gì thì là do người ngoài gán cho nó mà thôi. Không phải cảm thức của chính chủ thể.

Chú Tuấn gật gù. Đi ngược lại lời dạy căn bản lưu truyền mấy ngàn năm nay của đấng từ phụ sáng suốt ngàn đời không phải điều chú có thể chấp nhận được ngay. Chú nói cho có, vô thường vô phạt:

"Nguyên Tịnh thông minh và can đảm. Không phải dễ dàng có được một người như thế trên đời này."

Ngoài kia có tiếng ồn ào cãi cọ của dân chúng và những người gọi là giữ gìn trật tự khu phố. "Mấy vụ kiện cáo khiêu nại xảy ra hà rầm mấy năm nay mà có ai giải quyết được đâu, miếng đất phía sau của Chùa cũng bị hăm he giải tòa, sư trụ trì cứ chấp tay Mô Phật hoài chớ biết tính sao bây giờ."

Huynh Quán Thông nói rồi đưa tay lên nhổ những cọng râu vừa mới nhú nhú ra ở dưới cằm. Hai người ngó vô mặt nhau xong cùng liếc mắt ra đường. Không khí bỗng nhiên nặng nề như đông đặc làm cho người ta phải ề ạch thở.

Huynh kéo tủ, mở một cuốn sách ghi chú dang dở của mình ra, chăm chăm đầu bút lông vô nghiên mực Tàu, cầm ngang bút rồi nhẹ nhàng gọt gọt đầu bút vô nghiên để mực không đọng trên ngọn, viết tiếp theo trang viết dang dở:

Tháng Mười năm nay dân oan thường bị đuổi dạt tan tác, một số nhỏ thoát chạy ngang chùa. Người tín nữ thường đem nước và xôi cúng dường cho họ đã siêu hóa hơn năm tháng nay không còn cúng dường cho họ nữa...

Huynh ngừng viết hỏi người đối diện:

"Mà chú Tuấn này, chữ dạt ngày nay viết Nôm sao cho đúng nhỉ? Hải thanh với dạt, diệt, đạt hay cát?"

Nguyễn Văn Sâm
Victorville, CA

BÓN MÙA HOA THƠ

thơ

*Đâu riêng hoa nở sang Hè
Đỏ tươi sắc lựu gió nhẹ đưa
Ai về theo bước chiều trưa
Có nghe tình tự bốn mùa HOA THƠ ?*

*Quê hương mình
Tự bao giờ
Phương hồng cỏ biếc - dấu mờ mịt qua
Bóng hoàng hôn cũ chiều xa
Đế bình minh
Đến mọi nhà... bình minh.*

*Nước non này
Nước non mình
Trái tim thơ vẫn tự tình ngàn năm
Ai đi từ buổi xa xăm
Ai về hội ngộ trăng rằm quê hương
Ai còn đếm bước tha phương
Bốn mùa XUÂN mãi bên đường HOA THƠ.*

CÓ MỘT MÙA XUÂN

*Dòng thời gian
Biết đâu là ước hẹn
Dấu chân xưa còn vết mộng cô phương
Gió bạt đỉnh ngàn mây trời tiền biệt
Mùa xuân nào rụng xuống gót phong sương!*

*Và từ đó, trăng nghiêng bờ viễn mộng
Ta say theo từng cuộc lữ muôn trùng
Bao mơ ước xanh lên hồn kiêu bạc
Cỏ hoa còn ảm áp một mùa xuân.*

*Rồi hôm nay gặp nhau ngày tàn mạn
Hồn xuân xưa vẫn thắm cánh mai vàng
Nắng mới lên, bạc đường rêu năm cũ
Đời đâu còn bến lạnh sắc chiều hoang!*

*Tiếng chim vọng từ thềm mây vách núi
Gió thổi thang ru hạt bụi tình ca
Người có lẽ - và ta thì cũng thế,
Có mùa xuân ý vị với muôn hoa!*

15.01.2014

MẠC PHƯƠNG TỬ





TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO TẠI FLORIDA
PHAP VU BUDDHIST CULTURAL CENTRE OF FLORIDA
CHÙA PHÁP VŨ

法雨寺

716 N. Dean Rd. Orlando, FL 32825. Tel: (407) 277-7262
www.chuaphapvu.org . Email address: phapvucentre@hotmail.com

THÔNG BẠCH
Khởi công Xây dựng Chùa Pháp Vũ

Kính gửi: - Chư tôn trưởng lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni
- Quý Phật tử cùng toàn thể đồng hương Việt Nam xa, gần

Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật

Ngưỡng bạch chư tôn đức,
Kính thưa toàn thể liệt vị,

Trong tâm nguyện kiến tạo ngôi chùa Pháp Vũ, trải qua thời gian hơn mười năm tu học và làm việc giữa chính quyền địa phương với (Ban Kiến Thiết gồm Kiến trúc sư, Kỹ sư, Luật sư và thiện nguyện viên) của chùa, đôi bên đã đồng thuận thông qua bởi các Bộ, các Hội Đồng thuộc quận hạt Orange County và ngân hàng (First Colony Bank) đều đã thống nhất trên phương diện pháp lý lẫn tài chánh để bắt đầu cho công trình.

Thời gian dự trù để hoàn tất từ 8 tháng đến 10 tháng, theo như hợp đồng đã được luật sư của chùa và nhà thầu duyệt thật kỹ và đã ký. Nếu thời tiết thuận tiện không giông bão và không có bất cứ trở ngại nào, thì ngôi chùa Pháp Vũ xem như sẽ hoàn tất trong năm nay. Hôm nay, ngày 14 tháng 2, năm 2014 (*Nhằm ngày Rằm Tháng Giêng Năm Giáp Ngọ*), nhà thầu đã chính thức khởi công, vào những việc sau đây:

1. Tháo gỡ ngôi nhà ở mặt tiền chùa (nơi từng làm lớp học Việt ngữ cho trẻ em Việt Nam)
2. Cắt những cổ thụ nằm trên bản vẽ (trong sân chùa)
3. Đào hồ thoát, chứa nước khi mưa lớn
4. Làm hệ thống ống cống dưới lòng đất
5. San mặt bằng làm nền cho Chánh điện, Tổ đường, Linh đường và Hội trường
6. Làm chỗ đậu xe (Parking lots)
7. Đường xe chạy (lối ra vào)

Thay mặt chư Tăng Ni, Phật tử và Ban Kiến Thiết (Team works), chúng con kính trình lên chư tôn đức liễu tri, ngưỡng mong quý ngài gia tâm hộ niệm; cũng qua **Thông Bạch** này, chúng tôi trân trọng kính báo đến toàn thể chư Phật tử và đồng hương khắp nơi tin vui về Phật sự quan trọng của Chùa Pháp Vũ nơi thành phố Orlando, tiểu bang Florida này, xin quý vị tùy hỷ công đức. Từ bấy lâu nay, quý Phật tử gần-xa đã hết lòng ủng hộ và mong đợi cho ngôi chùa hoàn tất để làm nơi tu học, hoằng pháp và giáo dục cho con, em chúng ta thuộc nhiều thế hệ, thì nay, ước nguyện đã có thể nhìn thấy, và công trình đã bắt đầu.

Chúng tôi cũng thiết tha kêu gọi chư Phật tử mười phương, xin hãy tùy theo khả năng, hoàn cảnh và điều kiện cá nhân hay gia đình phát tâm hỗ trợ cho công trình xây cất để "Pháp Vũ Tăng Già Lam" sớm được thành tựu viên mãn; đây cũng là trách nhiệm chung, và là cơ hội duyên lành tạo nên phước báo của tất cả chúng ta.

Nam mô Bồ tát ma ha tát hoan hỷ tạng

Kính Thông Bạch,
(ấn, ký)

Tỳ kheo Thích Nhật Trí

TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC (tiếp theo)

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỶNH TẤN LÊ biên soạn



Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin tiếp tục đưa lên đây một số câu hỏi mà hằng ngày quý Tăng Ni, các chúa thường hay hỏi và cũng là thắc mắc chung của hầu hết mọi người.

Câu hỏi 20: Tôi làm petition I-129 để xin R1 cho một Thầy từ Việt Nam. Đã gửi giấy chấp thuận về Việt Nam rồi nhưng vì Thầy đó phải ở lại 3 tháng nữa mới xin interview được. Vậy có trễ hạn không?

Trả lời: Trong vòng một năm kể từ ngày chấp thuận mình xin interview lúc nào cũng được.

Câu hỏi 21: Đã có chấp thuận R1 nhưng khi interview bị từ chối, bây giờ phải làm gì?

Trả lời: Thông thường thì họ trả lời từ chối với lý do không đủ yếu tố thuyết phục. Tùy trường hợp, mình có thể nộp thêm bằng chứng và xin interview lại, có trường hợp không thể khiếu nại được thì dụ như trước đây đã đi Hoa Kỳ và về nước trễ hạn. Thêm một yếu tố quan trọng khác: có một cựu nhân viên làm việc tại Tòa Lãnh Sự Sài Gòn cho biết là hơn 50% họ từ chối vì thấy người đi interview có vẻ lo lắng sợ sệt.

Câu hỏi 22: Khi đi interview có cần mang theo hồ sơ gì không?

Trả lời: không, vì chùa ở Hoa Kỳ đã gửi một hồ sơ Duplicate Petition khi nộp đơn I-129 và khi chấp thuận thì hồ sơ Duplicate này là họ dùng để gửi đến Tòa Đại Sứ liên hệ để làm hồ sơ interview. Nếu cần thận thì chùa tại Hoa Kỳ có thể viết một cái thư gửi cho vị Tu Sĩ ở ngoại quốc nói là hiện nay vẫn còn ý định mời vị này đến làm việc.

Câu hỏi 23: Nếu Tòa Lãnh Sự hỏi về chùa tại Hoa Kỳ và Thầy Trụ Trì ở đây thì tôi không biết trả lời như thế nào trong lúc tôi không biết gì về chùa và Thầy Trụ Trì này?

Trả lời: Có sao trả lời vậy, thành thật là hay nhất, nếu do một người bạn giới thiệu thì cứ nói như vậy.

Trong lần sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 24. Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soạn Báo Chánh Pháp hay điện thư drlehuynh@gmail.com hoặc gửi thư về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo số 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701

thơ



VÔ TÌNH KHÁCH

*Vô tình khách lắng nghe kinh
Mới hay trăm sự tại mình vô mình
Đuổi theo ảo ảnh hư hình
Chơi trong bể khổ mê tình đã lâu
May thay trí Phật nhiệm mầu
Chỉ ra muôn pháp bể dâu vô thường
Vọng tâm biến đổi khôn lường
Chùng sanh ngũ thú trong đường hiểm nguy
Nẻo về tịch tĩnh vô vi
Chơn tâm hiển lộ còn y như là
Cớ sao cứ mãi la đà
Luân hồi trong cõi Sa-Bà khổ đau
Cấp kỳ niệm Phật mau mau
Di Đà Hải Hội cùng nhau mà về
Pháp âm đồng vọng bốn bề
Chơn thường - Tịnh Độ bây giờ là đây
Sen vàng bát ngát trời mây.*

ĐỒNG THIÊN

Atlanta, Feb. 2014

TẮM RỬA CHO TÂM

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



**Hạnh phúc sẽ theo ta
Như bóng không rời hình**

Thưa Anh Chị Em Huỳnh trưởng,

Cổ một vị Thầy của chúng ta nói rằng mỗi ngày ai cũng tắm rửa cái thân này (mặt mũi tay chân v.v...) một hay nhiều lần nhưng không thấy ai tắm rửa cái Tâm của mình bao giờ. Ý của Thầy là ACE mình nhắc tu. Nói cho đúng, không phải tất cả ACE chúng ta đều nhắc tu nhưng chắc chắn là có một số. Hôm nay, chúng ta thử bắt đầu tu từ cái Thân 5 uẩn này nha!

Khi học về 5 uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chúng ta thường so sánh tập thể 5 uẩn với những màu sắc của một cái mống (cầu vồng). 7 màu của cầu vồng: Đỏ, Cam Vàng, Xanh, Lam, Chàm, Tím là do ánh sáng mặt trời chiếu vào một dải sương hay một dòng nước, v.v... cho nên chúng ta thường thấy cầu vồng trên bầu trời sau cơn mưa hay mỗi khi tưới cây, mặt trời rơi vào những tia nước từ vòi tưới cũng phát sinh một cầu vồng...

Cầu vồng là thật hay giả? 7 màu của cầu vồng có tồn tại độc lập được không? — Cũng vậy, thân ngũ uẩn này có thật không? và 5 uẩn có thể tồn tại độc lập không? Đó là những bài thực tập đầu tiên, chúng ta có thể quán chiếu "vô thường" và "vô ngã" khi học về giáo lý 5 uẩn.

Thưa Anh Chị Em,
Thiền sư Đạo Hạnh thời nhà Lý có bài thi kệ được nhà thơ Phan Kế Bính dịch như sau:

**"Có thì có tự mây may
Không thì cả thế gian này
cũng không
Thử xem bóng nguyệt lòng
sông
Ai hay Không, Có, Có
Không là gì?"**

Thân 5 uẩn này cũng hư ảo như mặt trăng dưới lòng sông, cũng mong manh và dễ biến mất như cầu vồng; một cái sẩy tay, sẩy chân, một cơn gió độc, một trận thiên tai, một tai nạn giao thông v.v... đều có thể đưa đến cái chết: cuộc đời thật ngắn ngủi, vô thường. Đó là thông điệp mà đức Phật muốn dạy cho hàng đệ tử của ngài qua giáo lý 5 uẩn.

Giáo lý 5 uẩn cũng soi sáng cho chúng ta khái niệm về "Tánh Không" đơn giản, dễ hiểu nhất: thân tứ đại này của chúng ta không khác gì bóng trăng dưới lòng sông hay cầu vồng trên bầu trời: xuất hiện có điều kiện (nhân duyên hợp lại) và biến mất khi nhân và các duyên tan rã.

Ngoài ra, qua giáo lý 5 uẩn, chúng ta nhận thấy một cách sâu sắc rằng tất cả mọi người đều giống nhau; đều do 5 uẩn tụ hợp lại, sắc là phần vật chất và thọ, tưởng, hành, thức có thể gọi chung là phần tinh thần; như vậy, những cảm thọ hoàn toàn giống nhau (tham sống sợ chết, tham vui sợ khổ, v.v...) từ đó chúng ta tự dặn mình đừng bao giờ làm những gì mà ta không muốn người khác làm cho mình.

Giáo lý 5 uẩn còn dạy chúng ta tu 6 Căn (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý) khi tiếp xúc với 6 Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) sao cho:

Mắt thấy Sắc nhưng không đắm vào sắc, không chấp trước [nghĩa là nhìn thấy những sự vật hiện tượng quanh mình "như-nó-là" không thêm ý phân biệt của mình vào (yêu-ghét, lấy-bỏ)]

Tai nghe âm thanh thì thuần túy là "nghe" thôi, nghe khen không tham đắm, nghe chê không giận dữ v.v...

Tương tự như vậy đối với các căn khác—nghĩa là **giữ cho cái THẤY, cái NGHE v.v... được thanh tịnh.**

Còn **tu về Ý** thì thật khó vì Ý cũng chính là Tâm; nhưng đức Phật đã luôn dặn dò, nhắc nhở nên chúng ta phải ghi sâu trong lòng những câu Kệ trong Kinh Pháp Cú:

**Ý dẫn đầu các Pháp
Ý chủ, Ý tạo tác
Nếu nói hay hành động
với tâm ý ô nhiễm
khô nào sẽ theo ta
như xe theo con vật kéo**

**Ý dẫn đầu các pháp
Ý chủ, Ý tạo tác
Nếu nói hay hành động
với tâm ý thanh tịnh**

Thưa Anh Chị Em,
Đức Phật còn dạy một điều nữa là "Không phải 5 uẩn làm cho con người khổ mà sự chấp thủ 5 uẩn mới kéo cái Khổ đi theo" nên có bài kệ dặn chúng ta phải "đặt gánh nặng 5 uẩn xuống" mới có an lạc:

**5 uẩn là gánh nặng
kẻ gánh nặng là người!
Nhắc gánh nặng ấy lên
Ây là Khổ ở đời
Đặt gánh nặng ấy xuống
Chính là lạc ở đời**

"Đặt gánh nặng 5 uẩn xuống" có nghĩa là đừng chấp chặt ý kiến của mình, đừng có thành kiến với bất cứ ai, tập huấn luyện cái nhìn của mình cho rộng rãi, vô tư ... Chúng ta có thể gặp những người gọi là "bệnh tâm thần" cứ nói thao thao bất tuyệt về những chuyện đau khổ của mình... Chúng ta thương hại cho họ, nhưng không ngờ rằng có những lúc chúng ta cũng hành động giống y như họ, chỉ khác là không nói ra lời, môi không mấp má, không có âm thanh phát ra... mà thôi!

Thật vậy, rất nhiều khi, tuy miệng chúng ta không nói nhưng tâm ý cứ "lải nhải" hoải; ví dụ gặp chuyện bất như ý, không chịu nói ra, để khi không có ai thì "cầm rơm" không ra tiếng, một mình mình biết, một mình mình nghe! Hết trách người này đến trách người kia, giận người nọ v.v... như thế, đức Phật gọi là tâm ý ô nhiễm, không thanh tịnh.

Thưa Anh Chị Em,
Những phương pháp tu này chúng ta có thể thực hành ngay trong đời sống hằng ngày, trong mọi lúc: đi, đứng, nằm, ngồi, không có gì gọi là "mất thì giờ" cả... đó chính là "soi rọi lại mình" hay "tắm rửa Tâm" là công việc cũng cần thiết phải làm, y như tắm rửa cho thân thể được sạch sẽ mát mẻ vậy!

Kính chào tinh tấn.



HẠNH BỔ THÍ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam, Người Phật tử, đặc biệt là Huynh trưởng GDPT bất kỳ nói năng, suy nghĩ hay hành động cũng đều mang hai nội dung Tử Bi và Trí tuệ. Nếu chúng ta học thiên kinh vạn quyển, chúng ta đi lễ bái hăng trăm ngôi chùa... mà chúng ta không biết bổ thí, cúng dường, không biết mở rộng lòng mình ra đối với tha nhân thì việc học Phật Pháp của chúng ta sẽ trở nên vô ích.

Có người thắc mắc rằng: chúng ta đâu được giàu có như cư sĩ Cấp Cô Độc hay nữ thí chủ Visakha, thời đức Phật, để có thể bố thí cúng dường như các vị ấy, chúng ta cũng đâu có trí tuệ như các vị đại đệ tử Phật như tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả A nan... để bố thí Pháp; thậm chí chúng ta cũng đâu có giới Phật Pháp như chư Tăng đâu mà có thể giảng cho đồng bào, đồng nghiệp, đồng đạo v.v... về Phật Pháp được? — Xin thưa, nghèo như “bà già cúng đèn” cũng có thể bố thí được, bất lực như những người bệnh sắp chết cũng có thể hiến những cơ quan còn tốt của cơ thể mình như tim, gan, mắt, thận, v.v... cho những bệnh nhân đang cần, vậy thì tại sao chúng ta nghĩ rằng chúng ta không bố thí được, dù chỉ là một nụ cười thân ái, một lời nói dễ thương, một cử chỉ dịu dàng, triu mến, v.v... hay sao?

Các bạn còn nhớ câu chuyện có một người mù mắc bệnh nan y, khi đưa anh vào bệnh viện, nằm gần bên một bệnh nhân không bị mắc chứng bệnh nan y như mình nhưng phải nằm gập mình xuống, không thể nhìn thấy gì bên trên... Anh người mù an ủi bạn, đem niềm vui đến cho bạn bằng cách kể những câu chuyện tưởng tượng về đời sống bên ngoài bệnh viện... để anh bạn kia được sống vui, sống hạnh phúc, quên cái đau đớn thể xác trong thời gian trị liệu ... Cho đến một ngày kia anh người mù qua đời trong một giấc ngủ thanh thản. Anh bạn mới phát hiện ra người bạn tốt bụng cao thượng kia không những bị chứng bệnh nan y không còn sống được bao lâu nữa

mà anh ta còn bị mù không thấy gì hết! Một con người gần như “phế nhân” nhưng lại đem những ngày cuối cùng của đời mình ra để an ủi, khuyến khích người đồng cảnh ngộ bệnh hoạn như mình, chứ không ngồi than van cho số phận kém may mắn của mình!

Chúng ta thường nghe ca tụng tình cha mẹ đối với con cái, tình thầy trò, tình bạn... dù thứ tình cao thượng, đẹp đẽ... nhưng chúng ta thử ngừng lại một phút để suy gẫm xem: những người cha mẹ có thương con của người khác như con mình hay không? Những người cha mẹ, những người thầy, người bạn... có còn thương yêu con cái, học trò hay bạn bè một khi người con, người học trò, người bạn... đó bị gọi là “phản bội” với mình hay không? “Phản bội” theo định nghĩa thông thường của thế gian là đi ngược lại lòng tin của mình, sự dạy bảo của mình, con đường của mình v.v... Nói cách khác, tình thương của chúng ta—dù là tình mẫu tử—phần lớn đều là tình thương có điều kiện. Trái lại, lòng từ bi, tình thương trong Phật giáo, là tình thương vô điều kiện (unconditional love), còn gọi là **vô duyên tử**. Chư Phật, chư Bồ tát thương chúng sanh không phân biệt chúng sanh tốt hay xấu, thiện hay ác, có theo mình hay không, mà hễ chúng sanh nào đau khổ, kêu cứu thì các ngài đều tùy duyên mà cứu vớt, che chở, giúp đỡ... không có bất cứ phân biệt nào.

Người Phật tử chúng ta nhiều khi không hiểu hết ý nghĩa cao cả của sự bố thí—sự bố thí chân chính là bố thí không mong cầu bất cứ điều gì, đó là một việc cần phải làm để mở rộng lòng thương, lòng từ bi trong ta, đó là một phương tiện để tu tập chứ không phải là một sự trao đổi (bố thí mà mong cầu được đền đáp kiểu như “ăn một quả khế trả một cục vàng, may túi ba gang mà đựng”!) Thế cho nên mới nói lòng từ bi, sự bố thí của Phật giáo có khác với lòng tốt, sự bố thí trong nhân gian. Trong

nhân gian, bao giờ lòng tốt cũng đem theo lợi ích cho người có lòng tốt, cho ai cái gì sẽ được trả gấp 10 lần hơn! Còn theo Phật Pháp thì bố thí như vậy là bố thí mà có mong cầu, trái với lời dạy trong Luận Bảo Vương Tam Muội: **“Thi ân thì đừng cầu báo đáp, vì thi ân mà cầu báo đáp thì đó là mưu tính, là mua bán có lời chứ không phải là thi ân”**

Còn nữa, hồi Phật còn tại thế, vua Ba Tư Nặc (có thể xem là một đại thí chủ của đức Phật và Tăng đoàn) hỏi ngài rằng: trong thế gian có ai cúng dường Thế Tôn và Tăng đoàn của ngài bằng hay hơn trăm chưa? Đức Phật trả lời: có! Vua ngạc nhiên bạch Phật: Bạch Thế tôn, người đó là ai? giàu sang cỡ nào, đã cúng dường Thế tôn và Tăng đoàn của ngài những gì? xin đức Thế tôn cho trẫm biết để học hỏi. Đức Phật nói: đó là người nghèo nhất trong làng kia. Một hôm ta đi qua đó khát thực, anh ta đang đói nhưng đã trút hết bát cơm là phần ăn của anh ta vào bình bát của Như Lai; và một lần khác, nghe Tăng đoàn sắp xây cất tinh xá, anh ta đã dỡ một nửa căn nhà nhỏ của anh ta ra để cúng dường. Đại vương! Đại vương đã từng bố thí cúng dường cho ai một nửa giang sơn của mình hay chưa?

Nhà Vua im lặng chiêm nghiệm ý nghĩa thâm thúy sâu xa của sự bố thí, cúng dường, bài học mà đức Thế tôn vừa dạy cho ông!

Tóm lại, chúng ta đừng lo Phật Pháp lỗi thời vì ngay những điều rất xưa cũ, **như bố thí chẳng hạn**, cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm đức Phật đã dạy chư đệ tử của ngài trong nhiều Kinh, Kinh Kim Cang cũng có, mà ngày nay trong thế giới hiện đại văn minh này, chúng ta vẫn phải học lại ý nghĩa của Bồ thí và phương pháp bố thí chân chánh. Học hoài học mãi, không biết đến bao giờ tất cả Phật tử, nói hạn hẹp hơn, tất cả Anh Chị Em huynh trưởng chúng ta mới thấm nhuần tinh thần của Tình thương vô điều kiện.

Thân kính chúc Anh Chị Em luôn quán chiếu thâm sâu ý nghĩa của những bài Phật Pháp mà chúng ta đã được học từ khi còn là một đoàn sinh ngành Thiệu, để được “thâm nhập Kinh Tạng” như lời chúng ta thường đọc tụng trong ba “Tự Quy.”

Kính chào Tinh Tấn,
Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

BỔ THÍ VÀ BỔ THÍ BA LA MẬT

Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,

Tôn giả Ca Chiên Diên là một trong 10 đệ tử lớn của đức Thế Tôn, tôn giả có tài biện luận và thuyết phục người nghe rất tài tình, khiến cho họ hiểu rõ và tin nhận.

Một ngày kia tôn giả đi ra bờ sông, gặp một thiếu phụ đang ngồi than khóc. Bà kể cho tôn giả nghe hoàn cảnh khốn khổ của mình và nói rằng bây giờ bà chỉ muốn nhảy xuống sông tự tử cho thoát khỏi cảnh khổ đốn cùng tàn này.

Tôn giả Ca Chiên Diên hỏi rõ nguyên nhân của sự nghèo khổ rồi nói: tôi sẽ dạy cho bà một phương pháp thoát khỏi cảnh nghèo; đó là: hãy đem bán nó đi!

Thiếu phụ kinh ngạc hỏi: đem cái nghèo đi bán à? Ai mà chịu mua cái nghèo đây?

Tôn giả Ca Chiên Diên đáp: Hãy bán cho tôi! Bổ thí chính là để bán cái nghèo, chỉ có bổ thí mới có thể bán cái bần cùng mà mua cái giàu có an vui. Bà hãy bổ thí cho tôi một ít nước!

Nhưng người đàn bà này quá nghèo, không có cả một cái chén để đựng nước! Tôn giả Ca Chiên Diên liền đưa bình bát cho bà. Người thiếu phụ lấy bình bát múc nước, hai tay cung kính dâng cho tôn giả rồi vui vẻ trở về nhà, không còn ý định tự sát nữa.

Thưa Anh Chị Em,

Bổ thí có công năng to lớn như vậy, xin giới thiệu Anh Chị Em bài pháp thoại về "Bổ thí và bổ thí ba la mật" do Thầy Thái Hòa giảng_Thầy là cố vấn giáo hạnh của GDPT Việt Nam ở quốc nội và hải ngoại _ để Anh Chị Em cùng đọc và suy gẫm về ý nghĩa thâm thúy của 2 chữ "Bổ thí"

Trân trọng,

BBT

BỔ THÍ VÀ BỔ THÍ BA LA MẬT

(Thầy Thích Thái Hòa giảng cho Học chúng Văn Thù tại Thiền đường Tịnh Quang, chùa Phước Duyên - Huế, tối chủ nhật 01/11/2013)

I. BỔ THÍ

Bổ thí cơ bản có ba cách: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Đó là ba cách bổ thí căn bản của người Phật tử. Vì vậy, người Phật tử phải luôn thực tập các pháp bổ thí đó dưới hình thức này hay hình thức khác.

1. Tài thí

Tài thí là đem tài sản của mình ra để chia sẻ cho những người chung quanh hoặc có khi cho tiền hoặc cho một bữa cơm hay một bộ quần áo, làm nhà cho người ta ở hay dạy cho người ta làm ăn, cho họ vay vốn hoặc chỉ bày phương pháp làm kinh tế, xây một bệnh viện chữa bệnh giúp cho người nghèo... đó cũng gọi là tài thí.

Nếu trong bệnh viện xây để chữa bệnh đó, ta thiết lập được lớp thiền để người bệnh thực tập thiền quán, áp dụng vào cơn bệnh của mình rồi an tâm cho cơn bệnh giảm xuống hoặc tạo cho người bệnh có chỗ niệm Phật để tạo được sự tin tưởng và bệnh của họ giảm thiểu, đời sống tương lai của họ cao hơn, như vậy trong tài thí có pháp thí.

2. Pháp thí

Pháp thí là đem những sự học hỏi chánh pháp, sự thực hành chánh pháp của mình để chia sẻ cho những người chưa có cơ hội học hỏi. Mình học Phật pháp, thực hành Phật pháp, chia sẻ Phật pháp cho những người xung quanh, đồng thời phát tâm in kinh sách để ăn uống thì đó cũng gọi là pháp thí.

Pháp thí là đưa Phật pháp vào trong đời sống của những người xung quanh. Pháp thí phổ quát hơn tài thí, tài thí chỉ nhằm tới những người nghèo vật chất thôi, nhưng pháp thí thì mọi thành phần đều được hưởng. Bởi vì, có người tuy giàu vật chất, nhưng vẫn nghèo hiểu biết, nghèo tinh thần, nghèo tâm linh. Pháp thí rộng về không gian, phổ cập đối tượng và rộng luôn về mặt thời gian. Khi một người nhận được pháp và thực hành

pháp thì nó không chỉ giải quyết cho người đó hạnh phúc tạm thời mà còn giải quyết hạnh phúc lâu dài. Vì vậy, trong kinh nói "cúng dường pháp là cúng dường tối thượng, trong tất cả các sự cúng dường".

Việc giảng dạy Phật pháp, in kinh, in sách, in băng đĩa để lưu truyền Phật Pháp, hộ trì những vị hoằng pháp... tất cả những điều đó đều là phước đức không thể đo lường được.

Bản thân mình cũng vậy, có khi mình hiểu được lời Phật dạy mình thích thú, mình vui đến cả một ngày, một tháng, một năm... và có khi vui luôn cả một đời người, có khi thay đổi cả một đời người luôn. Còn mình đem cho người ta một bữa ăn, ăn xong rồi thôi, no một chút, mai đói lại liền, cho nên bổ thí pháp mới đem lại hạnh phúc cho người nhận thí lâu dài, nên bổ thí Pháp là tối thượng.

3. Vô úy thí

Vô úy thí là bổ thí sự không sợ hãi.

Sợ chết, sợ tai nạn, sợ bất hạnh...tất cả những cái sợ đó làm cho con người không có hạnh phúc. Người tu tập là biết làm thế nào cho có đạo lực và đem đạo lực tu hành của mình để che chở cho những người có nhiều sợ hãi, giúp cho họ đứng sợ hãi trước những bất trắc đó.

Sự sợ hãi lớn nhất của con người là sợ chết, cho nên mình tu học như thế nào để hiểu được ranh giới của sinh tử rồi mình thực hiện trong đời sống, biết đâu là nguồn gốc của sinh tử, mình biết cắt đứt cái duyên của sinh tử để sinh tử không còn xuất hiện ở trong đời sống của mình nữa, bổ thí như vậy gọi là vô úy thí.

Hiểu nhận duyên của nghiệp báo và chuyển hóa

Con người hoạt động được bởi những kinh mạch liên hệ với nhau, nếu kinh mạch không thông thì sẽ sinh bệnh; trời đất cũng như con người, đều có những qui luật, những mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu vi phạm những qui luật ấy thì không thể tạo ra được sự

thuận hòa trong đất trời.

Vì con người tham và vô minh, do trí năng hạn hẹp, do thấy cái lợi trước mắt nên chúng ta xây dựng nhiều nhà máy thủy điện. Điều này đã ảnh hưởng và làm kinh mạch của trời đất chậm lại, tắt nghẽn. Vì vậy, con người đã chịu nhiều thiệt hại do chính trí năng mình tạo ra.

Do con người không thấy được mối liên hệ giữa mình và người, giữa mình và trời đất, giữa mình với muôn vật, giữa mình với đời này đời sau; giữa đời này với đời trước, vì không thấy được sự liên hệ như vậy, nên sinh ra nhiều sự sợ hãi.

Khi thấy trời nổi giông bão là con người bắt đầu đi khẩn vái, cầu nguyện dứt lốt thần linh, nhưng thật ra vô ích, bởi vì mình chỉ biết khắc phục hậu quả mà không thấy nguyên nhân, nên cứ tưởng thần thánh quả trách và lại đi cầu cạnh xin xỏ, mà không biết do mình đã góp phần làm cho quy luật tự nhiên bị đảo lộn, thì cuối cùng mình phải chịu lấy hậu quả.

Giờ đây, mình phải làm thế nào để tu tập, để hướng dẫn cho người khác hiểu rõ về nhân quả nghiệp báo là cái của mình tạo ra, cho nên mình phải chịu lấy và nỗ lực chuyển hóa lấy, chứ không ai ban phát hay trừng phạt mình đâu.

Khi cộng đồng ý thức được như vậy và đều tu học để chuyển hóa hành động của mình, thì hành động của mình phù hợp với qui luật của trời đất và sự vận hành của trời đất phù hợp với mình, tạo ra thiên thời, địa lợi, nhân hòa thì thế giới hòa bình.

Bây giờ mình đem sự không sợ hãi chia sẻ cho những người khác, có nghĩa là hướng dẫn cho họ hiểu nhân quả nghiệp báo, liên hệ giữa mình với mọi người, giữa mình với trời đất... khiến họ nhận ra được sự và lý của nhân duyên nghiệp quả mà tu tập, đi đến sự giải thoát nên không còn sợ hãi.

Mình sinh ra một đứa con bệnh tật, nếu mình không hiểu nhân quả, không hiểu được nghiệp báo để hóa giải thì mình sẽ buồn chán.

Ví dụ như bé R, con trai của anh chị T, chính R là sự hóa giải trong gia đình, nhờ có R như vậy, nên anh chị T mới sống với nhau dễ thương; giả sử R sinh ra thông minh giỏi giang bình thường như các đứa bé khác, thì chưa chắc anh chị T đã hạnh phúc. Đôi khi mình không hiểu thấu đáo, rồi mình cho là bất hạnh, nhưng

chính sự bất hạnh đó mới tạo ra cái hạnh phúc khác để báo hòa.

Trong gia đình nào cũng có một người chịu đựng sự bất hạnh, không hình thức này thì cũng hình thức khác để có sự hóa giải.

Hiểu được như vậy, thì anh chị T lại càng thương bé R hơn và hiểu được như vậy thì mình sẽ từng bước một để tiến lên, chứ không có chi sợ hãi và mình sống rất thoải mái. Hiểu được như vậy, thì mình đem sự hiểu biết đó, sự không sợ hãi đó mà hiến tặng cho mọi người để mọi người thấy rõ, hiểu rõ nhân quả là nhân như vậy, duyên như vậy, thì quả báo như vậy.

Dưới nhà anh chị V-P, thì O Bé là chỗ hóa giải để các cháu con của anh chị V-P thành công. Mấy cháu thành công được là nhờ có O Bé, nhờ O chịu đựng và gánh vác để cho mấy cháu thành công và nếu nhận ra được điều đó, thì mấy cháu sẽ thương O nhiều hơn, vì O chịu đựng để cho các cháu vươn lên.

Hiểu được như vậy để khi đối đầu với khó khăn, mình bình thản không có chi sợ hãi, không sợ hãi, vì mình thấy được vấn đề, thấy được nhân quả nghiệp báo, thấy được sự báo hòa của cuộc sống, thấy được sự báo hòa của gia đình mình và khi thấy được như vậy, các thành viên trong gia đình mình mới biết ơn nhau và biết thương quý nhau, nếu không hiểu được điều đó, thì thị phi, được mất, hơn thua... xảy ra trong gia đình và gia đình khó mà có hạnh phúc.

Tác dụng của bố thí

Ngài Quán Thế Âm là vị bồ tát nổi tiếng về vô úy thí, vì tâm

từ bi của ngài lớn lắm, ngài đã ôm hết tất cả những sự sợ hãi, cho nên mỗi khi chúng sanh niệm danh hiệu ngài thì sự sợ hãi lắng xuống. Vì vậy, mình phải học tập ngài làm thế nào nhận ra điều đó để sống vui, sống mạnh, sống hoành tráng, tạo ra sự không sợ hãi để hiến tặng cho người - Đó là vô úy thí.

Tài thí là làm giàu đời sống vật chất cho mình ở hiện tại và tương lai, loại bỏ tâm bòn xén và tham lam nơi mình.

Pháp thí là nuôi dưỡng được chất liệu trí tuệ trong đời sống của mình và loại bỏ cái ngu dốt, ích kỷ của mình trong tương lai; mình biết mà không chia sẻ cái biết của mình cho người khác, thì sau đó mình sẽ trở thành kẻ kém cỏi và đưa tới tình trạng ngu đần.

Những người ngày nay đi xin là những người kiếp trước giàu có cực kỳ, nhưng do bần tiện quá nên hôm nay nghèo. Cho nên, đức Phật dạy "tài thí là để cho chúng sanh đã giàu lại giàu thêm và nghèo thì có cơ hội thay đổi".

Những người hôm nay quá ngu đần, nói mớ mà không hiểu một là ở kiếp trước họ thông minh cực kỳ nhưng do ích kỷ, giữ cái thông minh của mình mà không chia sẻ cho người khác nên tái sinh lại làm người ngu đần. Đức Phật sợ chúng sanh ngu đần trong tương lai nên ngài dạy bố thí pháp.

Người mà hôm nay, dụng đầu sợ đó là kiếp trước chuyên đi đe dọa, bắt nạt người khác, nên kiếp này sinh ra làm loài thỏ hay loài người nhát gan sợ hãi. Đây là hậu quả do dư báo của khủng bố đem lại.

Giờ đây mình phải thực tập ba hạnh như vậy để thành tựu



được ba đức tính:

Bồ thí tài vật để thành tựu đức tính từ bi.

Bồ thí pháp để thành tựu trí tuệ.

Bồ thí vô úy để thành tựu đức tính hùng dũng.

Vì vậy, tổ chức Gia Đình Phật Tử đã dựa trên tài thí, pháp thí và vô úy thí để rút ra Bi - Trí - Dũng cho Gia Đình Phật Tử.

Rất ít người biết Bi - Trí - Dũng có gốc rễ từ đâu, kể cả một số huynh trưởng trong Gia Đình Phật Tử.

Thực sự, Bi - Trí - Dũng được rút ra từ nơi pháp hành tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Cái "Dũng" của Phật giáo không phải là cầm quân ra giữa chiến trường, đánh thắng trận này trận khác. "Dũng" ở đây là bình thân trước cái sống và cái chết, bình thân trước sự thịnh suy, bình thân trước sự khen chê.

Vì sao như vậy? - Vì đường đi, lối về đã biết, nhân quả nghiệp báo đã rõ, không than trời trách đất, không oán trách cha mẹ, không oán trách ai cả.

Giữa vũ trụ này có vô số cõi trời sắc giới, vô sắc giới, vô số thế giới, tại sao mình sinh vào thế giới này làm gì? Mình sinh vào thế giới nào, quốc gia nào, xứ sở nào, là vì mình có liên hệ đến nhân duyên nghiệp báo với thế giới đó, với quốc gia đó và với xứ sở đó.

Như ngày hôm qua, Thầy cùng một số anh chị đi từ thiện tại Tứ Hiệp, có một Phật tử đã nói một cách hùng tráng rằng: "Chúng con ở đây không có ánh sáng Phật pháp, vì đây là nơi biên địa hạ tiện....", đó cũng là cái "Dũng", vị đó dám xác nhận chỗ đứng của mình, cái quả báo kém may mắn của mình để từ đó vươn lên, họ không từ chối quả báo kém cõi, họ chấp nhận cái quả báo đó để vươn lên, đó là "Dũng."

II. BỒ THÍ BA-LA-MẬT

Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí với tâm không còn chấp ngã và chấp pháp. Nếu bồ thí với tâm chấp ngã, thì tâm tham, tâm sân, tâm si và tâm kiêu mạn nơi ta càng lúc càng tăng trưởng. Chính tâm ấy tạo ra sự khổ đau và thất vọng cho ta, chứ không phải ai khác. Bồ thí với tâm chấp pháp, thì những tri kiến sai lầm nơi tâm ta càng lúc càng lớn mạnh, khiến ta rơi vào tà kiến và kiến thủ kiến. Chính những kiến chấp này đẩy ta đi vào bóng tối của vô minh, chứ không phải thần thánh nào xua đẩy.

Tài thí, pháp thí, vô úy thí



đi từ bồ thí Ba-la-mật, là sự bồ thí vắng mặt sự chấp ngã, bồ thí mà cảm ơn người nhận thí, đó là bồ thí Ba-la-mật, vì sao cảm ơn? Nếu mình bồ thí mà không có người nhận, thì hạnh bồ thí của mình làm sao thành tựu được. Thường thường mình đi bồ thí là vênh vang ta là kẻ bồ thí, nhưng nếu không có người nhận, thì sự bồ thí của mình có thành không? Cho nên người Việt Nam mình có câu rất là hay: "*Thương người như thể thương thân*"

Thương người chính là thương bản thân mình, bồ thí cho người mà có người nhận tức là chính mình đang thương mình, thương những cái tốt đẹp của mình, người nhận có nghĩa là họ nhận của mình 100.000 đồng hay 200.000 đồng... giá trị vật chất rất ít, nhưng mình nhận lại ở họ giá trị tinh thần, giá trị tinh thần rất nhiều.

Họ nhận nơi mình 100.000 đồng hay 200.000 đồng có thể tâm thức họ không thay đổi chi cả, nhưng mà mình đem tâm từ bi, tâm thương yêu mà hiến tặng cho họ, thì tâm thức của mình thay đổi và thành tựu về mặt giá trị tinh thần quá lớn, trong lúc người nhận chỉ thành tựu rất ít thôi, như vậy ai cảm ơn ai?

Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí không còn bản ngã, biết cảm ơn người đang nhận của mình, đang nhận cho mình, đó là bồ thí vô ngã, vắng mặt hoàn toàn ngã tưởng. Bồ thí như vậy, đức Phật dạy là công đức vô lượng. Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí vô ngã, bồ thí

không còn có ý niệm về ngã.

Trong chùa có thùng phước sương là vậy, nhưng cúng dường vô danh, vô ngã không phải dễ, nhiều tiền hay ít tiền đều bỏ vào thùng phước sương, có vị bỏ vào thùng phước sương dù chỉ một đồng, nhưng có thành tâm thì phước đức cũng vô lượng.

Người có trí tuệ, nếu khi thấy cúng dường công khai có lợi lạc cho chúng sinh, thì họ cúng công khai, nếu khi thấy cúng im lặng bỏ vào thùng phước sương mà có lợi cho chúng sinh thì họ cúng dường im lặng, có khi họ thấy cúng dường trực tiếp cho vị trú trì có lợi lạc cho chúng sinh thì họ cúng dường trực tiếp, có khi họ thấy cúng dường trực tiếp cho thầy Tỷ kheo mà có lợi lạc cho chúng sinh thì họ cúng dường trực tiếp cho thầy Tỷ kheo. Đó là bồ thí Ba-la-mật, họ không kẹt ở nơi sự cúng dường cách này hay cách khác, nơi này hay nơi khác.

Tóm lại, Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí với tâm đại bi, hoàn toàn vắng mặt mọi sự chấp thủ ngã và chấp thủ pháp. Bồ thí với tâm này là lấy trí tuệ làm gốc, làm chất xúc tác, nên phước đức không thể đo lường. Hạnh bồ thí này là hạnh bồ thí của các vị Bồ tát Đại sĩ thường thực hành và hạnh ấy thường được chư Phật ca ngợi là hạnh bồ thí tối thượng.

Đó là sự chia sẻ pháp thoại hôm nay đến Học chúng Văn Thù Sư Lợi.

(Phật tử Tâm Ý và Hoàng Anh kính hiến tả)

ĐẠO PHẬT HẤP DẪN TRONG THẾ GIỚI NGÀY NAY

Tuệ Uyển dịch

(theo bản Revised excerpt from authors **Berzin, Alexander and Chodron, Thubten.**
Glimpse of Reality. Singapore: Amitabha Buddhist Centre, 1999)

HỎI: Năm nay giáo sư đã từng thực hiện một hành trình giảng dạy đến hai mươi sáu quốc gia. Xin hãy chia sẻ với chúng tôi về những suy tư của giáo sư về vấn đề Đạo Phật đang lan truyền đến những vùng mới mẻ như thế nào?

ĐÁP: Phật giáo đang lan truyền một cách nhanh chóng khắp thế giới hiện nay. Có những trung tâm Phật Pháp ở nhiều quốc gia Âu châu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Nam Phi, Úc, Á châu, v.v... Chúng ta thấy những người Phật tử ở Âu châu không chỉ ở những nước tư bản Tây phương, mà cũng ở những xứ xã hội chủ nghĩa ở miền Đông. Thí dụ, Ba Lan có khoảng năm nghìn Phật tử hoạt động tích cực.

Đạo Phật lôi cuốn rất nhiều đến thế giới hiện đại do nền tảng lý trí và khoa học của nó. Đức Phật đã nói, "Đừng tin tưởng bất cứ điều gì mà ta nói chỉ vì biểu lộ sự tôn kính ta, mà hãy thử nghiệm nó cho chính các con, phân tích nó, giống như các con đang mua vàng." Con người hiện đại ngày nay thích một sự tiếp cận không vô đoán như thế.

Có nhiều cuộc đối thoại giữa những nhà khoa học và lãnh tụ Phật giáo, như Đức Đạt Lai Lạt Ma. Cùng với nhau họ đang thảo luận và khảo sát thực tại là gì. Đức Phật nói rằng tất cả những rắc rối xảy ra từ sự không hiểu biết thực tại, từ sự mê mờ trong nhận định này. Nếu chúng ta nhận thức, tinh thức về vấn đề chúng ta là ai, và thế giới cùng chúng ta tồn tại như thế nào, chúng ta sẽ không tạo nên những vấn nạn rắc rối từ sự mê lầm của chúng ta. Đạo Phật có một thái độ cực kỳ cởi mở trong sự thẩm tra chân lý là gì. Thí dụ, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã từng nói rằng nếu những nhà khoa học có thể chứng minh rằng điều gì đây mà Đức Phật hay hàng đệ tử của Thế Tôn đã dạy là sai hay chỉ là mê tín, Ngài sẽ rất vui lòng và quyết bỏ nó ra khỏi giáo lý nhà Phật. Một sự tiếp cận như thế sẽ rất hấp dẫn đối với người phương Tây.

Từ việc học hỏi những đạo sư trong quá khứ đã thích ứng Đạo Phật đến nền văn hóa của mỗi xã hội mà nó lan truyền tới, thì đây chỉ là tự nhiên; những đạo sư ngày nay cần trình bày Đạo Phật trong những quốc gia khác nhau trên thế giới hiện đại trong những phương cách khác nhau một cách nhẹ nhàng, hay hơi khác biệt mà thôi. Trong tổng quát, Đạo Phật nhấn mạnh một sự giải thích sáng tỏ. Tuy nhiên, trong phạm vi này, những điểm khác biệt và



những tiếp cận khác biệt cần sự nhấn mạnh hơn tùy theo những nét văn hóa đặc thù.

Đức Phật đã dạy những phương pháp đa dạng vô cùng, đơn giản chỉ vì con người cũng vô cùng khác biệt. Không phải mỗi người đều suy nghĩ trong cùng một cách. Hãy xem một thí dụ về thực phẩm. Nếu chỉ có một loại thực phẩm duy nhất thuận tiện trong một thành phố, nó sẽ không thích ứng đến mọi người. Trái lại, nếu có những loại thực phẩm khác nhau có thể có những hương vị

phong phú, mọi người có thể tìm thấy điều gì đây hấp dẫn. Giống như thế, Đức Phật đã dạy những pháp môn đa dạng và rộng rãi cho con người với một đặc trưng bao la về hương vị dùng để cho con người phát triển và tăng trưởng chính họ. Cuối cùng, đối tượng của Đạo Phật là để chiến thắng tất cả những sự giới hạn và những vấn nạn cùng để thực chứng tất cả những khả năng của chúng ta vì thế chúng ta có thể phát triển chính mình đến trình độ mà chúng ta có thể giúp đỡ mọi người tối đa trong phạm vi sẵn có của mình.

Trong một số quốc gia phương Tây nhấn mạnh về tâm lý học, chẳng hạn như Thụy Sĩ và Hoa Kỳ, những vị thầy thường trình bày Đạo Phật từ quan điểm của tâm lý học. Trong những nước khác nơi con người thích liên hệ một sự tiếp cận sùng mộ nguyên cầu, chẳng hạn như Nam Âu châu và Mỹ châu La tinh, những vị thầy có khuynh hướng trình bày Đạo Phật trong một hình thức cầu nguyện. Con người ở đây rất thích tụng niệm, và người ta có thể làm điều ấy trong sự thực hành Phật Pháp. Tuy vậy, những người ở Bắc Âu, không quá thích tụng niệm nhiều như thế. Những vị thầy có khuynh hướng nhấn mạnh sự tiếp cận tri thức ở đây.

Nhiều người ở Đông Âu ở trong một tình cảnh rất buồn rầu. Giáo lý Đạo Phật lôi cuốn họ vô cùng bởi vì nhiều người thấy đời sống của họ là trống rỗng. Cho dù họ làm việc cật lực trong nghề nghiệp của họ hay không dường như chẳng làm nên điều gì khác biệt. Họ không thấy kết quả nào. Phật giáo, trái lại, hướng dẫn họ những phương pháp để họ hành động trên chính họ, để mang đến những kết quả làm nên một sự khác biệt trong những phẩm chất của đời sống của họ. Điều này làm cho người ta cảm kích và hăng hái một cách không thể tưởng để lao vào những sự thực tập một cách trọn

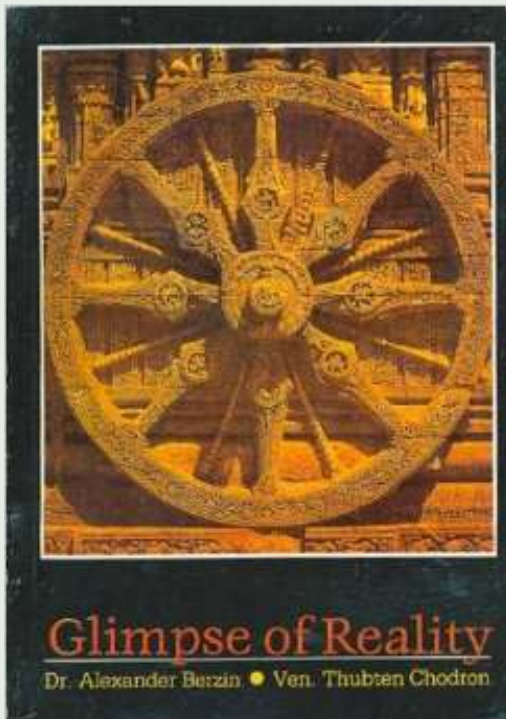
ven chẳng hạn như đánh lễ phủ phục hàng nghìn lần.

Trong cách này, Đạo Phật thích ứng với văn hóa và tinh thần của những người trong mỗi xã hội, trong khi bảo tồn những giáo thuyết quan trọng của Đức Phật. Giáo nghĩa chính không thay đổi – khuyến khích là để chiến thắng những vấn nạn và giới hạn của chúng ta để nhận chân những khả năng của chúng ta. Cho dù hành giả làm điều này với sự nhấn mạnh hơn về sự tiếp cận tâm lý học, tri thức, khoa học, hay sùng mộ thì tùy thuộc vào mỗi nền văn hóa.

HỎI: Đạo Phật đang thích ứng như thế nào đến thế kỷ hai mươi một trong phổ quát?

ĐÁP: Phật giáo đang thích nghi bằng sự nhấn mạnh một sự tiếp cận dựa trên lý trí và có chứng mực với khoa học đến giáo thuyết của nó. Đạo Phật có một sự giải thích rõ ràng về kinh nghiệm cuộc sống mang đến như thế nào và đối phó với chúng như thế nào trong một hình thức khả dĩ nhất. Sau đó, Đạo Phật nói rằng đừng chấp nhận bất cứ điều gì trong sự tín ngưỡng mù quáng; hãy tự suy nghĩ, thẩm tra nó và để thấy nếu nó thực sự có ý nghĩa và hợp lý hay không. Điều này giống như khoa học yêu cầu chúng ta xác minh những kết quả của một thí nghiệm bằng sự lặp lại nó của chính chúng ta; và chỉ chấp nhận những kết quả như sự thật. Con người hiện đại không thích mua điều gì đây mà không thử nghiệm chúng; họ không mua một chiếc xe nếu không thử nó. Giống như thế, họ sẽ không chuyển đổi sang một tôn giáo hay một triết lý của đời sống mà không kiểm nghiệm nó trước tiên để thấy nó có thực sự có ý nghĩa và thông tuệ hay không. Điều này làm cho Đạo Phật thật là hấp dẫn đến nhiều người của thế kỷ hai mươi mốt. Phật giáo cởi mở với sự khảo sát của khoa học và mời thỉnh mọi người thẩm tra nó trong cách ấy.

Tuệ Uyển (The Buddhist Translation Group)



The Appeal of Buddhism in the Modern World

(Revised excerpt from **Berzin, Alexander and Chodron, Thubten. *Glimpse of Reality***. Singapore: Amitabha Buddhist Centre, 1999)

Question: This year you have been on a teaching tour to twenty-six countries. Please share with us your observations of how Buddhism is spreading to new places.

Answer: Buddhism is spreading rapidly around the world now. There are Buddhist centers in many European countries, North America, South America, South Africa, Australasia, and so on. We find Buddhists in Europe not only in the Western capitalist countries, but also in the socialist countries of the East. For example, Poland has about five thousand active Buddhists.

Buddhism appeals very much to the modern world because it is reasonable and scientifically based. Buddha said, "Do not believe in anything that I say just out of respect for me, but test it for yourself, analyze it, as if you were buying gold." Modern-day people like such a nondogmatic approach.

There are many dialogues between scientists and Buddhist leaders, such as His Holiness the Dalai Lama. Together they are discussing and investigating what is reality. Buddha said that all problems come from not understanding reality, from being confused in this regard. If we were aware of who we are and how the world and we exist, we would not create problems out of our confusion. Buddhism has an extremely open attitude in examining what is true. For example, His Holiness the Dalai Lama has said that if scientists can prove that something Buddha or his followers taught is incorrect or just superstition, he would be happy and willing to drop it from Buddhism. Such an approach is very attractive to Western people.

Since learned masters of the past have adapted Buddhism to the culture of each society to which it has spread, it is only natural that teachers today need to present Buddhism in different modern countries in slightly different ways. In general, Buddhism emphasizes a rational explanation. Within this context, however, different points and approaches need more emphasis depending on predominant cultural traits.

Buddha taught such a variety of methods, simply because people vary so much. Not everyone thinks in the same way. Consider the example of food. If there were only one type of food available in a city, it would not appeal to everyone. If, on the other hand, different foods could be had with varied flavors, everyone could find something appealing. Likewise, Buddha taught a large variety of methods for people with a wide spectrum of tastes to use to develop themselves and grow. After all, the objective of Buddhism is to overcome all our limitations and problems and to realize all our potentials so that we can develop ourselves to the point at which we can help everyone as much as is possible.

In some Western countries that emphasize psychology, such as Switzerland and the United States, teachers usually present Buddhism from the point of view of psychology. In other countries where people prefer a devotional approach, such as many



Southern European lands and in Latin America, teachers tend to present Buddhism in a devotional manner. People there like to chant very much, and one can do that in Buddhist practice. People in Northern European countries, however, do not enjoy chanting as much. Teachers tend to emphasize an intellectual approach to Buddhism there.

Many people in Eastern Europe are in a very sad situation. The Buddhist teachings appeal to them greatly because many find their lives empty. Whether they work hard at their jobs or not seems to make no difference. They see no results. Buddhism, in contrast, teaches them methods for working on themselves, which do bring results that make a difference in the qualities of their lives. This makes people unbelievably appreciative and enthusiastic to throw themselves fully into practices such as making thousands of prostrations.

In this way, Buddhism adapts itself to the culture and the mentality of the people in each society, while preserving the major teachings of Buddha. The principal teachings are not changed – the aim is to overcome our problems and limitations and to realize our potentials. Whether practitioners do this with more emphasis on the psychological, intellectual, scientific, or devotional approach depends on the culture.

Question: How is Buddhism adapting to the twentieth century in general?

Answer: Buddhism is adapting by emphasizing a rational scientific approach to its teachings. Buddhism gives a clear explanation of how life's experiences come about and how to deal with them in the best manner possible. Then it says do not accept anything on blind faith; think for yourself, test it out and see if it actually does make sense. This resembles science asking us to verify the results of an experiment by repeating it ourselves, and only then to accept the results as fact. Modern people do not like buying something without examining it; they would not buy a car without testing it. Likewise, they will not turn to another religion or philosophy of life without checking it first to see if it really makes sense. That is what makes Buddhism so appealing to many people of the twentieth century. Buddhism is open to scientific investigation and invites people to examine it in that way.

SOURCE IN ENGLISH: http://www.berzinarchives.com/web/en/archives/approaching_buddhism/world_today/

TA VỀ THĂM NÀNG

Năm nay ta lại thăm nàng
 Nhìn dòng sông thăm sóng vàng kim cương
 Nhìn sông thấy dáng vô thường
 Đã bao năm vẫn dòng sông hiền hòa
 Dưới cầu nước chảy trôi hoa
 Nhưng lòng vẫn thấy nhạt nhòa chiều phai
 Có lần đi dạo ban mai
 Vẫn dòng sông ấy tháng ngày qua đi
 Tuổi vào đời lúc xuân thì
 Nếp hai tà áo những khi qua cầu
 Gió mai nắng sớm nhạt màu
 Những năm tháng ấy in sâu tâm hồn
 Nhìn dòng nước thăm thom hơn
 Lăn tăn ngọn sóng gió dôn li ti
 Tâm ta trống lặng vô vi
 Dừng chân thân ý nghĩ gì hôm nay
 Người dân Huế thoáng vai gầy
 Cầu cho xứ Huế mai này tươi hơn
 Nàng thơ vẫn ngự tâm hồn
 Lời thơ vẫn chảy xanh dòng Hương Giang
 Dù cho trôi dạt mây ngàn
 Quê nhà là chốn lang thang tìm về

Sóng ngâm giữ lại bên tê
 Chiều hiu hiu gió đê mê lòng người
 Bút tiên thư họa cho đời
 Hương bay nổi nhớ ghi vài lời thơ

Về đây nhớ lại Huế xưa
 Dáng ai thấp thoáng như vừa đứng trông
 Thôi thì giữ chút tân ngân
 Cho đây trông đấy cho gần dặm xa...

thơ HỒ HƯƠNG LỘC



Song Hồ Hư Ảnh Trăng Cài Sắc-Không

TÂM NGUYÊN

(Cuối năm đọc một bài thơ của Tịnh Liên)

*Kìa ai ẩn náu trên lầu
Chép kinh đến thuở bạc đầu, cốc xong
(Nghiêm X. Hồng)*

Những ngày cuối năm này, những thi ảnh—đẹp như tâm hồn kẻ đọc sách vừa bước ra khỏi sách u huyền, thông dong tản bộ, bên suối đôi đũa được tắm trong cái mệnh mang đạo lý, hay phố thị đang được phủ trong một thứ nắng như mơ— trong mấy bài thơ của bác Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng lại đến với tôi. Chúng ngân nga tâm sự và rải trước tôi những dấu chân về một cõi tịch mặc đơn sơ, thuần khiết, dịu dàng. Tôi nhẹ nhàng bước theo ông để nghe lại tình thơ, tứ thơ và hồn thơ dâng cao về một cõi bằng bạc của mây, nắng và Huyền Âm

*Người về bút áng mây hồng
Đệt y trăm sắc nào nùng lòng ai
Tôi về mơ giấc mơ dài
Song hồ hư ảnh trăng cài Sắc-Không*

Người từ buổi nào đã muốn bút áng mây hồng, để đệt y trăm sắc? Từ buổi con trăng đầu non đã úa, đã tàn phai nét nguyệt, và màu trăng đã chuyển? Hay áng mây hồng đã không còn hứa hẹn những giải tóc nguyên sơ, trinh bạch, ứng hồng trong những hoàng hôn hút mắt ngất ngây; không còn hứa hẹn những khung trời sáng lạn, tinh khôi và có khả năng đưa cõi người ta về những chân trời của hạnh phúc, an lạc, thái bình, mà chìm đắm trong những cơn mê đầy thịnh nộ, tàn phá? Riêng tôi, từ độ ấy, cũng đã khởi ý nguyện rũ bỏ, rũ bỏ những muện phiền, những tranh đua, để về nằm mơ giấc mơ dài, khi đã thấy con trăng non ngày kia—bên song cửa đã mời gọi cái Thấy, đã cài lên cửa ý nghĩa Sắc-Không “bất dị” huyền hồ, cho tôi ngộ mãi, ngắm mãi, mà tương tư, mà khởi đi bước chân về “cổ quận”

Người về bước nhỏ thông dong

Ngậm ngùi tình muện vương lòng đỏ quyền



*Tôi về mở sách u huyền
Mưa hoa lã đăng mấy
miền tịch dương*

Và người lên đường, “về”, bước phỏ thông dong. Tiếng gọi của đồ quyền ngày ấy nhiều khi vẫn vang lên từng chập; cảnh Xuân thu, cảnh Chiến quốc vẫn thường khi trở dậy; tiếng vó ngựa biên thủy, tiếng súng gươm giao tranh, tiếng hò la binh tướng. tiếng phèng la, trống trận vẫn nhiều khi vang vang trong giấc ngủ. Đây là bốn phận, đây là trách nhiệm, tiếng gọi sơn hà và ý thức kẻ sĩ. Bên cạnh đó, tôi, trong bể tắc lịch sử, trong nguội lạnh si mê công hầu khanh tướng, muốn về mở sách u huyền, và thường thấy mưa hoa trên quốc độ những người con Phật, như hoa Mạn Thù sa, trang nghiêm rải trong những buổi giảng kinh ngật đất, để thính chúng ngổ lên, nghe trong lòng màu nhiệm.

Người về nhật nọ hướng dương

*Tô thêm khoe mắt cô nương
Huyền âm*

*Tôi về khép cánh hư không
Bồ đoàn che khắp nửa vòng
trần duyên*

Bốn câu hay tuyệt. Vâng, cũng như người đi nhật nọ hướng dương, để tô lên khoe mắt cô nương Huyền âm, tôi cũng lặng lẽ dọn lại cõi lòng. Về lại căn nhà xưa bé nhỏ, khoác lên mình chiếc áo lam, chậm rãi khép cửa, thấp nén nhang, đánh nhẹ tiếng chuông, quay về. Từ đó đọc tụng

kinh cho mình, cho căn nhà, cho nắng bên song, chim ngoài vườn, kiến tìm ăn, và người ngoài chợ; khép lại nửa vòng trần duyên.

*Người về tiệc rượu đào điền
Chê ly quá nhỏ, hài sen rút
đầy
Tôi về tia nhánh trúc gầy
Đèn khuya rải bóng với đầy
Hoa Nghiêm*

Và tiếp theo là bốn câu cũng thật hay nổi bật. Đã quá rõ rồi: ở tiệc rượu kia, người cũng chỉ thấy phần lớn là những sự đào điền. Hư vô chảy trong dòng rượu, hư vô pha trong tiếng nói, tiếng cười, lợi danh phù thế sao vẫn quay mòng những não trạng, tâm thức kia. Thôi cho người được quay về, rút đầy hài sen. Ta khước phong lưu vị thị cường (Tổ Như). Xin khước lại. Tôi thì xin về “quy ẩn”, chỉ để chép kinh thôi, và tâm sự với Hoa Nghiêm, với ảnh trong kính, với Sự Lý viên dung. Đèn khuya rải bóng với đầy Hoa Nghiêm

*Người về lia suối tịch nhiên
Chênh vênh gót ngọc, đào
điền nọ cười*

*Tôi về gập áng mây trời
Ôm trăng đỏ giấc bên đôi Tào
khê.*

Rồi dòng đời thay đổi, hoàn cảnh chuyển dời, trong đau khổ người phải lìa suối tịch nhiên. Gió tây cuốn cỏ bông về một phương trời đảo điền khác, người phải tạm dừng bước trên nẻo về cõi trạm nhiên tịch lặng, để dẫn liều trong “cuộc chơi” mới, nên ta tạm chia tay giữa đường,

*“Xin chào nhau giữa con
đường*

*“Mùa Xuân phía trước, miên
trường phía sau” (Bùi Giáng)*

nhưng tôi tin chắc, đóa hướng dương ngày xưa vẫn hằng ấp ủ, vẫn hằng ước những hạt giống Giác ngộ, để một ngày nào đó, người sẽ cùng tôi sum họp, sẽ cùng tôi bước theo Ni sư Hương Tràng, hay ngài Chân Nguyên, để

cùng tiến về phương trời Giải thoát, hẹn nhau cùng dạo chơi trên Huyền ngàn bát ngát, vô ưu.

Lại yêu biết mấy câu này, "Tôi về gấp áng mây trời." Vàng, ơn cha mẹ, ơn Tổ quốc đã gắng làm tròn; thành bại chẳng biết nói sao cho thỏa, nhưng thôi xin gác lại, giữa cuộc thế trùng vây, trong bao mê đắm và bế tắc lịch sử, nhiều nhương, khi từ cõi Tâm có tiếng gọi thiết tha của một cõi khác—ảo diệu và thập phần nhiệm mầu, thanh u kỳ lạ hơn—hợp hơn với cõi lòng tôi lúc này, trong chiêm bao hằng réo gọi.

*Chắc chi thiên hạ đời nay
Mà đem non nước làm rầy
chiêm bao"* (Nguyễn Trãi)

Nên, về thôi. Gấp lại áng mây trời. Bỏ lại hết lợi danh, vinh lộc. Bỏ lại hết, dù nơi một góc trời cũng có những cụm mây túm tụ, tiêu dao, mộng mị để có thể ngủ, có thể ngủ nơi đó—rời nhà những sợi tơ, đẹp tựa tơ trời trắng. Nhưng, lắm khi những cụm mây và ta cũng xám ứa sâu muộn. Với bao nỗi đời, bao hệ lụy, tranh đua, vướng mắc. Bỏ lại hết vướng mắc trần gian, từ buổi vàng trắng nguyên sơ, thanh tịnh, vắng vặc treo trên song cửa gọi mời về cõi của Huyền nhai, Mật xứ, của vách đá-đầu-non- trầm tư quán chiếu, để tìm về cõi bao la không cùng của Chân Không-Điêu Hữu.

Kết án, ngồi nghe hơi thở, và theo hơi thở, Ngã, Vật đều quên.

*Tưởng niệm Hoa Tạng Trầm Tư
Hiền Giả NXH
Cuối năm Quý Tị 2013
Tâm Nguyên*

* Tôi với Bác Tịnh Liên Nghiệm Xuân Hồng có chút giao tình như hai bác cháu cùng nghiên cứu đạo Phật, tuy hướng đi của hai người khác nhau và bác hơn tôi khoảng 4 thập niên. Bác hay tặng sách bác viết cho tôi. Cách đây khoảng 30 năm, chúng tôi thỉnh thoảng lại gặp nhau đâu đó, thường là những tiệm sách vùng Nam Calif. Gặp Bác lúc nào cũng thường thấy nụ cười hiền hậu, áo quần tề chỉnh, tư thái rất mực thông dong. Lúc gặp, bác lúc nào cũng bảo, "Đi đâu thế (hay Làm gì thế), sao đẹp trai thế này?" Tôi chỉ biết im lặng cười, cúi đầu chào bác và thăm hỏi. Một đôi lần ghé nhà bác xin sách, hai bác cháu cùng "đàm luận" qua về đạo Phật. Bác cũng chính là người, cùng với nhà văn Doãn Q. Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Hoàng



MẸ XẢ TÓC—TRỌN ĐỜI THƯƠNG MẸ!

*Mẹ mãi sống cuộc đời như thị
Bao yêu thương tận tụy với khoan dung
Mẹ đẹp tựa tranh, thơ, ruộng, biển, muôn trùng
Cuộc đời Mẹ từ bi, tâm hoàn hảo*

*Nay xả tóc Mẹ xả luôn phiền não
Hạt Bồ Đề tỉnh giác niệm Nam mô
Nguyện Mẹ sống đời chúng con bớt khổ
Liễu vô thường, bến Mẹ làm yêu thương*

*Ôi nhân gian mộng mị khôn lường
Con còn Mẹ dù xác thân gây guộc
Con còn Mẹ, cõi ba ngàn thông thuộc
Xả tóc này, như xả cõi xa xăm!*

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

thơ

Văn Chí, Xuân Vũ, Trần Lê (b/sĩ Trần Ngọc Ninh), Võ Phiến v.v..., bên cạnh A.Solzhenitsyn, M. Djilas, A. Koestler, R. Aron v.v... đã chỉ cho tôi thấy thế nào là chủ nghĩa, con người C/Sản. Nhất là bác, về chiến lược và phân tích bản chất của chủ nghĩa này. Có ba quyển của bác mà tôi đọc đi, đọc lại là "Cách Mạng và Hành Động" (1962), "Lịch trình diễn tiến của phong trào quốc gia Việt Nam" (1959), và "Đi Tìm Một Căn Bản Tư Tưởng" (1957).

Những ngày cuối năm, bỗng thường nhớ những câu thơ Bác viết và Bác, nên có bài viết này.

Sau đây là vài link về vài bài viết, tiểu sử và video giảng kinh Hoa Nghiệm của Bác.

www.tuvienquangduc.com.au/tacgia/nghiemxuanhong.html
<http://www.phatam.com/video/>

http://www.tinh-lien-nghiem-xuan-hong/kinh-hoa-nghiem-30-107-tinh-lien-nghiem-xuan-hong-qi-ang-giai-video_09fdcb151.html

<http://www.buddhismtoday.com/viet/vanhoc/nghiemxuanhong.htm>

<http://www.nguoviet.com/absolutenm2/templates/viewarticlesNVO.aspx?articleid=130608&zoneid=257#.UuFeDdLTns0>

Nguyên tác "Bội Tâm Hành", bài thơ được đọc có thể tìm thấy ở link này:

<http://poem.tkaraoke.com/17532/Boi-Tam-Hanh.html>

THOÁNG BÓNG CHA HIỀN

(Cảm tác trong chuyến bay về Thọ Tang Cha)

Cả tháng nay con hướng về quê cũ
Lòng băng khuâng nhớ ơn đức sinh thành
Con trần trọc trải bao đêm không ngủ
Hồn chập chờn mộng đẹp thưở Xuân xanh...
 Bên Cha Mẹ, tuổi thân tiên hạnh phúc
 Con sướng vui mê mãi học thành tài
 Bao tình thương dành cho người con út
 Vun bồi con, mong xán lạn tương lai.
Cha chở con đến trường Thôn Gia Lạc
Cha công con khi qua suối, qua khe
Con lành lặn, Cha mặc toàn bao cát
Con cơm ngon, Cha cơm trộn muối mè.
 Cha vỡ đất khai hoang trồng ngô đậu
 Anh Sáu con đã chết bởi trúng Bom
 Việc nặng nhọc, sức con chưa làm nổi
 Kiếp nông phu, mồ hôi trộn bát cơm.
Con còn nhớ nơi Sân trắng mỗi bữa
Ráng cho qua con bị cục long đong
Bát cơm Cha, củ mì hơn một nửa
Nhường phần con, miếng con được no lòng.
 Cha đi cúng đem về con xôi bánh
 Lộc đàn na thí chủ gói dành con
 Cha bù đắp cho con thêm sức mạnh
 Vì nhà nghèo không có miếng ăn ngon.
Có khi cha trúng kềm gai đau nhức
Chân Cha sưng, đi cà nhắc nặng nề
Thương Cha lắm, nước mắt con rưng rức
Biết làm sao, cảnh lam lũ miền quê?!
 Con cảm nhận Tình Cha như núi Thái
 Bao hi sinh, bao đau khổ không màng
 Cha che giấu, sợ con hay ái ngại
 Nuốt niềm đau, Cha chẳng tiếng oán than.
Cha Mẹ vui nhìn người con khôn lớn
Thương quà con khi con được điểm mười
Ngắm nhìn con chạy đang tăng đùa giỡn.
Quên nhọc nhằn, mắt rạng rỡ cười tươi.
 Cha không chịu ký vào Hợp Tác Xã
 Bị xiềng gông dẫn đi mấy hôm liền
 Ba mẫu ruộng bị tịch thu tất cả
 Con xót lòng, lo lắng mãi không yên...
Sau đạo đó, Cha trở thành lãnh trí
Công dã tràng xe cát chẳng còn chi !
 Cha buông xuôi, đời biết về đâu nhỉ?
 Cha trở thành gã hành khát lang thang !
 Cảnh cơ hàn mây đen sâu giăng phủ
 Bao năm ròng con tìm lối thoát ra
 Suy cùng tột, lòng dạn lòng tự nhủ
 Tốt nhất là chọn chí hướng xuất gia.
Thật khó lắm, thưa trình sao phải lẽ ?
Là út cũng được yêu quý nhất nhà
Sao đành để Mẹ Cha mình gặt lệ

Ngày lại ngày trông ngóng đưa con xa?
Nhưng cuối cùng song thân đành ưng chịu
Không nuôi con thành bác sỹ, kỹ sư
Sống tu niệm nên Mẹ Cha vốn hiểu
Quý nào bằng con noi dấu Bốn Sư?
 Thế là con vào Nguyên Thiều tu học
 Say Đạo mầu, quên chuỗi tháng ngày qua.
 Nền gạch cũ, ngoài hiên Cha Mẹ khóc
 Tim tâm can với nỗi nhớ thiết tha.
Tám năm trời tu học nơi xứ Phật
Con noi gương Bồ Tát Tất Đạt Đa
Lòng tan nát khi hay tin Mẹ mất !
Gác việc Trường, con tất tả về nhà.
 Rồi chín năm hành Đạo nơi xứ Mỹ
 Giờ hay tin Cha yếu sức mẫn phần
 Con về ngay, chẳng đắn đo suy nghĩ
 Còn gì hơn được nhìn mặt Phụ Thân ?
Cha, Cha ơi ! Sao không chờ tháng nữa?
Để con sắp xếp việc bên này
Về phụng dưỡng cho Cha già mỗi bữa
Đền ơn Cha giáo dưỡng tự xưa nay .
 Ngôi phi cơ mà con đang chơi với
 Thôi còn chi, cả hai đáng sanh thành ?!
 Đền lặn tắt trong mỗi mòn chờ đợi
 Uống công con học mãi miết, thành danh!
Cội thung huyền đã cổ tàn, gãy đổ
Bao phong sương vùi dập đến xác xơ
Rồi mai đây khói hương nơi phần Mộ
Ôm hờ không con bầu vùi thân thờ !
 Cha Mẹ ơi ! Nợ ân tình cao cả
 Vì chúng con mà lao khổ trọn đời
 Chúng con biết làm sao đây đáp trả ?
 Kiếp mò côi lòng trống vắng chơi vơi !
Khó con lắm giữa đường Đời - đường Đạo
Đôi vai con sao gánh trọn cả hai ?
Dù rất muốn làm người con hiếu thảo
Bước vân du con vẫn phải xa hoài.
 Phút bi ai, xin đề đầu kiền thỉnh
 Chư Tăng Ni, bao Phật tử thương tình
 Đồng cầu nguyện cho hồn Cha giác tỉnh
 Cánh Tây Phương, Linh sớm được vãng sinh.
Thôi đà khép một hành trình nhân thế
Tình cha- con nay gãy gánh phân ly
Con dấn lòng nuốt vào tim dòng lệ
Để tinh tâm cầu nguyện Phật từ bi :
 Tiếp độ Cha tiêu trừ bao nghiệp chướng
 Thoát trần lao, vượt ra khỏi luân hồi
 An tình Cha suốt đời con niệm tưởng
 Bóng Cha hiền đời bước kẻ đơn côi...

Hồng Kông, chuyến bay về thọ tang Cha
Ngày 27 tháng Chạp, Quý Ty (2014)
Con của Cha: Đoàn Văn Thừa (Thích Đồng Trí)

THÍCH ĐỒNG TRÍ

Ngày Xưa...

VÕ DOẢN NHÃN

(lược trích)

Tôi sẽ nói gì, sẽ viết gì về chuyện gọi là "Ngày xưa" ấy? Ôi, chuyện nhiều lắm kể e không xuể, kể e không hết chỉ ngại canh khuya đèn lụn bắc, chỉ ngại canh khuya nguyệt sắp tàn, ngày xưa chuyện kể rất bình an, ngày xưa kể chuyện như trong mộng. Ngày xưa có anh Trương Chi... trong truyện ngắn "Bà Mẹ Lê" của nhà văn Thạch Lam trong tác phẩm văn xuôi " Gió đầu mùa " Ngày xưa có cô Bé Lộ Lem... Ngày xưa có con Tấm con Cám bị bà dì ghẻ ác nghiệt đối xử rất tàn nhẫn cay nghiệt; Ngày xưa có nàng My Châu có chàng Trọng Thủy... Tôi có một chuyện Ngày xưa, tác giả là tu sĩ Phạm Thiên Thư. Một nhận định chủ quan khiến tôi nghĩ rằng bài viết tùy bút "Ngày xưa" có thể đem lại cho tôi một số ý tưởng ít nhiều súc tích.

*Ngày xưa có gã tử quan,
Lên non tìm động hoa vàng
ngủ say.*

*Làm chi gởi nhắc ngày xưa ấy
Vỗ về giấc điệp nguyệt sương
khuya.*

*Nấm mộ bên cầu rầu cỏ áy,
Rêu phong nước chảy giọt
đầm ìa.*

Ngày xưa có hai anh em nhà kia cùng yêu thương bỗng đầu chia lìa, nhạc phẩm có lẽ của nhạc sĩ Lê Thương, lâu quá không nhớ, có lẽ bài hát ấy được phổ nhạc theo truyện cổ tích dân gian "Hòn vọng phu, người đàn bà bỗng con trông chồng hóa thành đá" (giống tình cảnh y hệt ngày nay người đàn ông mạo hiểm giương thuyền ra khơi đánh bắt cá tôm mực, không may bị bọn ngư dân Trung quốc bắt, cướp sạch hải sản, chiếm đoạt ngư thuyền, giết hại ngư dân vô tội)

Ngày xưa kia, nơi đây đã từng vang hình bóng, đôi quần thoa đem máu đào hòa nước sông nhà. Ngày trước nhạc phẩm ấy là Giọng sông Hát, của nhạc sĩ Hoàng Quý chuyên sáng tác

những nhạc phẩm mang tính chất lịch sử. Giọng sông nhỏ hiền hòa bắt nguồn từ sông cầu bà Vệ chảy xuôi qua bến nước trôi qua bến Đất đầy nước toàn cát, tôi đã từng tưởng tượng từ thời ấu trĩ là Giọng sông Hát, nơi đây hai vị nữ anh hùng Trưng Trắc Trưng Nhị đã liều mình vì đại nghĩa. Ngày nay, Giọng sông Hát được đổi thành nhạc phẩm Ngày xưa. Bóng cờ lau, Chùa Hương, đặc biệt Cô láng giềng không pha một chút nào tính chất lịch sử một bản hùng ca, hoàn toàn diễn tả những tình cảm riêng tư. Tôi không biết bài hát Trên sông Lô do nhạc sĩ nào sáng tác chỉ biết người thầy giáo ngày trước đã đọc lại chép lại phải học thuộc bài hát ấy vào năm lớp Nhứt 1948, lời bài hát ấy cũng có Ngày xưa.. rõ ràng không sai không khác một chữ:

*"Ngày xưa Bạch Đằng Giang
đã ghi những chiến công anh
dũng. Trải qua bao năm tháng
nước xanh còn nhuộm máu quân
thù.*

*Ngày nay trên sông Lô thể
nơi theo gương xưa trong sáng.
Bao chiến binh Việt Nam quyết
tâm dẹp tan lũ sài lang."*

Trở lại Ngày xưa tức Giọng sông Hát của Hoàng Quý, xin trích một câu:

*"Ngày xưa kia nơi đây đã
từng vang hình bóng. Đôi quần
thoa đem máu đào hòa nước sông
nhà."*

Tôi chỉ nhớ hai câu thơ rất đẹp và rất trữ tình của nhà thơ đã mất Phạm Thiên Thư: Ngày xưa Hoàng Thị.

*Em tan trường về
Đường mưa nhỏ nhỏ,
Chim non giấu mỏ
Dưới cội hoa vàng.*

Xin trở lại một đoạn ca dao Ngày xưa nói lên nỗi ốm o bệnh hoạn của một người chồng bám víu trông đợi chăm sóc thuốc thang của người vợ suốt đời lam lũ tận tụy một nắng hai sương phục vụ chăm sóc nhưng hồi ôi tình trạng hiện nay đã đổi khác: một đức lang quân đã lén lút trở về thành sau bao ngày chiến đấu ném mìn năm gai giờ này đã vỡ mộng.

*Ngày xưa anh búng anh beo,
Tay búng chén thuốc lại đèo
múi chanh.*

*Bây giờ anh tốt anh lành,
Anh âu duyên mới anh tình
phụ tôi.*

*Ngày xưa có gã tử quan,
Lên non tìm động hoa vàng
ngủ say.*

Ngày xưa ngày xưa, lâu lắm rồi, không thể xác định thời điểm đánh dấu cột mốc của thời gian. Ngày xưa ngày xưa đã chìm sâu trong sương mù của quá khứ, trong sương mù thời tiền sử.

Ngày xưa có gã... Cần phải



xác định danh từ gã. Có thể nói gã là một danh từ tương đối bất định, danh từ chỉ một tên không được xác định rõ ràng cụ thể. Gã chỉ một người hiển nhiên là một đàn ông, không thể chỉ một người phụ nữ, một người đàn bà. Gã, tôi nghĩ là một người đàn ông trẻ tuổi, sống độc thân không gia đình hàng họ thân thích. Tôi xin viết lại một đoạn văn tương đối ngắn thuật lại một người đàn ông không biết tên chỉ biết gọi là gã, một kẻ bị xử hình của nhà văn mang ít nhiều tính chất xã hội: Émile Zola:

"Trong khi tôi bước đi vội vàng trên triền vắng vẻ, tôi chợt thấy một người chậm rãi từ dưới triền đồi đi lên. Đầu gã đội một vòng gai, vai gã mang một vật nặng. Một dòng máu chan hòa trên mặt. Gã đi một cách khổ sở, loạng choạng từng bước." Theo thiên nghĩ: nếu không phải là Jésus Christ đã chết trên cây thánh giá, gã là một người đàn ông đã "tử vì đạo, phải chăng người đàn ông ấy đã tử vì đạo họ và tên là Trương Bửu Diệp chết năm 1949?"

Vậy, người đàn bà ấy muốn được gọi sẽ gọi là gì? Là Bà? Không được, bởi người đàn bà đã có chồng, lập nên gia thất. Là Cô, là chị, là em cũng không ổn vì những cung cách xưng hô như thế nghe chừng thân mật quá và hơi suồng sã. Và lại, cô, chị, em là những nhân vật đã có chồng, biết đầu đây.

Có lẽ người đàn bà được nhắc đến là á hợp tình hợp lý hơn cả. Á Hầu, người đàn bà, người phụ nữ được đề cập trong tác phẩm của nhà văn Đỗ Tôn trong Tự Lực Văn Đoàn. Thị, nghe chừng vẫn không ổn (Thị Nở, nhân vật của nhà văn Nam Cao): ám chỉ một nhân vật phụ nữ xấu ma chê quỷ hờn, vừa vớ học ngữ nghĩa vừa nghèo khổ. Nhà thị lại nghèo, nếu trái lại, ít nhất có một người đàn ông khổ sở. Nhà thị lại một nhà giồng giống một nhà có má hùi, cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh một vật gì rất tởm.

Nguyễn Trãi, lúc về trí sĩ, chiêu chiêu thả bộ bên đường lánh xa thể cớ chán triều đình giành tranh đấu đá quyền lực. Một hôm, Nguyễn Trãi tình cờ gặp cô gái bán chiếu nom còn rất trẻ, dáng người xinh xắn, bèn ngỏ lời thăm hỏi kín đáo cốt ý chòng ghẹo nhưng không kém lời thơ tao nhã đứng đắn:

*Á ở đâu, đi bán chiếu gon,
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?*



*Xuân xanh chừng được bao
nhiều tuổi?*

*Đã có chồng chưa, được
mấy con?*

Á, chỉ một người con gái còn rất trẻ chưa chồng, danh từ này còn được chỉ là cô, cũng đủ gọi để chỉ một người con gái có lẽ chưa lập gia đình chưa thành gia thất. Nguyễn Trãi gọi là á có thể gọi là cô một cách gọi một người con gái Nguyễn thị Lộ:

*Cô ở nơi nào bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?*

*Xuân xanh chừng được bao
nhiều tuổi?*

*Đã có chồng chưa. được
mấy con?*

Văn nghệ thi ca ngày trước có một bộ môn thi ca rất được truyền tụng là hát nói còn gọi ca trù. Chu Mạnh Trinh, Dương Khuê, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương rất sành điệu về nghệ thuật hát nói hay ca trù này. Người con gái có khả năng biết tài hát nói được mệnh danh là "cô đào hát" hay "à đào". Xã hội Việt Nam ngày trước thường được đánh giá được xếp loại vào hạng khá khắt khe là cô đào hát hoặc hát á đào. Họ thường bị dè bĩ chê bai lên án là những kẻ "xướng ca vô loài." Ngay cả Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến và cụ Nghệ Văn Đình Dương Khuê trong bài thơ Khóc Bạn đã xem thú vui "hát á đào" được đánh giá vào đẳng cấp thấp trong giai tầng xã hội:

*"Thú vui con hát lựa chiếu
cầm xoang." (Khóc bạn)*

Không phải con gái thiếu nữ nào cũng được chọn được sung được tuyển vô làm cô đào làm thành hát á đào đâu. Phải được huấn luyện phải được dạy dỗ giáo dục một thời gian mới được hành nghề: hành nghề cô đào, hành nghề hát á đào. Hành nghề, cô gái phải biết chút ít nhan sắc, phải biết hát biết ca và nhất là phải biết chiêu chuộng chinh phục khách mua vui. Đã không ít cô hát á đào trước đó làm nghề hát bỗng đột nhiên trở

thành khách mua vui nên vợ nên chồng. Trường hợp rõ nét nhất là trường hợp nhà thơ nổi tiếng Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu lâm vào một nghịch cảnh khá éo le Thân phụ của Tản Đà vốn ngày trước là một huyện quan đã kết duyên làm nàng hầu, bà ấy vốn ngày trước là một cô đào hát. Bà ấy sinh được một con trai là Nguyễn khắc Hiếu. Lớn lên Hiếu vỡ lẽ gốc gác lai lịch của mình và lấy làm xót xa thân phận hoàn cảnh. Từ đó, Hiếu tìm hiểu lai lịch tính chất của kiếp cầm ca gốc gác của "hát á đào," nhan đề tác phẩm là Đào nương ca.

*Ngày xưa có gã từ quan,
Lên non tìm động hoa vàng
ngủ say.*

Không biết ngày xưa ấy là từ thuở nào, từ lúc nào. Chỉ biết ngày xưa ấy thuộc về quá khứ xa lẫn lẩn, chỉ biết ngày xưa có gã. Cũng không biết rõ gã lai lịch gốc gác như thế nào, chỉ biết gã là một người thuộc nam giới, tuổi còn trẻ, còn phong độ, không gia đình vợ con, sống độc thân, thích lẳng du lang bạt tứ ngàng xưa có Lưu Thần Nguyễn Triệu và Từ Thức. Lưu Thần Nguyễn Triệu là hai bạn đồng hương sống cùng làng chán cảnh sống một hôm rủ nhau hái được thảo tìm thuốc trường sinh, một huyền thoại dân gian được nhạc sĩ Văn Cao sáng tác trở thành nhạc phẩm nổi tiếng:

*"Tiếng ai hát chiều nay vang
lừng trên sóng. Nhớ Lưu Nguyễn
ngày xưa lạc tới Đào Nguyên." Đó là đoạn 1 trong nhạc phẩm Thiên Thai. Đoạn cuối kết thúc nhạc phẩm Thiên Thai bằng nhạc khúc réo rắt đờn dập với nhạc thức Rê trưởng D trầm buồn thiết tha xa vắng điệu vợ, hình ảnh một bầy tiên nữ yếu điệu thướt tha trong vũ khúc Nghê Thường:*

*"Gió hắt trầm tiếng ca. Tiếng
phách còn lảng xa. Nhắc chi ngày
xưa ấy thêm se buồn lòng ta."*

Tên của gã là chi, không biết, biết tên thật của gã điều ấy không quan trọng. Đạo khả đạo, phi thường đạo. Danh khả danh, phi thường danh. Biết được một điều, gã có lần xuất sĩ ra làm quan. Chúc vụ hành tẩu chạy việc giấy má thơ từ công văn? Chúc vụ tư mã chuyên giữ gìn chăm sóc ngựa? Ấy thế gã đã đậu học vị cử nhân được bổ vào hành tẩu trong kinh đô rông rã suốt mười lăm mười sáu năm trời, lương bổng không đủ ăn, không được thăng quan tiến chức gì ráo trọi, muốn về quê hương làm ăn cũng không được, thôi xin rũ áo từ quan đỡ rách việc. Kể từ giờ phút này công danh sự nghiệp tiền tài của gã tựa

áng mây trôi biến dạng thiên hình vạn trạng, rong chơi phi chí giang hồ lãng tử có khác chi viên quan Từ Thức rũ áo từ quan lánh xa đường thế tục. Đi đâu? Gã sẽ lên non một mình một thể hành trang độ nhật khoác vai mong tìm một miền đất lạ vắng bóng loài người: Đường Lên Non, nhạc phẩm của cổ nhạc sĩ Xuân Tiên, gã sẽ lên non. Gã sẽ làm gì? Chưa biết, nhưng chắc chắn gã sẽ không bị cưỡng bức làm khổ sai lao động, sẽ không được lao động học tập cải tạo. Gã sẽ lên non hi vọng khám phá một phát minh từ trước tới giờ gã chỉ ước mơ, chỉ ước mơ suông không bao giờ trở thành hiện thực. Cách nay chẳng lâu lắc gì, từ lúc rũ áo từ quan, gã có đi lễ hội chùa nhân dịp lễ Thanh Minh. Lúc đi ngang sân trước tam quan gã nhác thấy một cô gái bị một người trong chùa tóm áo giữ lại không cho cô đi. Hỏi, người trong chùa cho biết cô gái đã vô ý bẻ gãy một cành hoa đào trắng, người trong chùa bắt đền tiền nhưng cô gái không có tiền.

Nghe sự tình được kể lẽ xong, gã đề nghị nộp phạt trả công người giữ chùa bằng cách cõng chiếc khoác ngoài còn tương đối mới trao cho người giữ chùa. Người giữ chùa miễn cưỡng chấp thuận, cô gái bấy giờ được tự do, quà quả trở lại đường cũ, không một lời cảm ơn trang nghĩa hiệp, bên ngực áo còn cài lại một đóa hoa đào màu trắng. Gã tiếp tục tham quan, không bận tâm người con gái gã ra tay cứu giúp.

*Ngày xưa có gã nghèo ngao,
Lên non tìm động hoa đào
ngủ say.*

Gã lên non tìm động hoa vàng ngủ say. Gã đi xa phưởng phổ thị thành xa hoa náo nhiệt bon chen chạp giệt. Gã lên non hái lá cây tìm thuốc chỉ là cái cố sợ thiên hạ người đời cười chê dị nghị dư luận búa rìu.

Không ngờ gã gặp lại người con gái gã đã cứu thoát khỏi cành đào gã đã cõng áo xin chuộc người giữ chùa, gã đã nhận ra ngay người con gái ấy, âu cũng là duyên.

"Động hoa đào! Động hoa đào!" Gã từ quan lăm lăm. Chỉ động hoa đào, chỉ một rừng hoa sắc trắng như bông tựa tuyết như mây. Mọi chân, gã nằm ngửa trong động hoa, nhắm mắt ngủ say lúc nào chẳng biết. Gã chiêm bao thấy người đẹp ngày trước tái hiện, xinh đẹp bội phần, trên chiếc áo vẫn còn gắn bông hoa đào năm trước, hoài niệm tuy kín đáo nhưng ẩn giấu biết bao tình



cảm chứa chan sâu sắc:

Đào hoa lưu thủy y nhiên tại.

Người tiên gán áo hoa đào niềm nở hân hoan đón đả chào hỏi gã, nhắc nhớ chuyện ngày trước, biến cố trước cổng tam quan. Rót ly rượu đào, người tiên bước tới gã, nghiêng mình cung kính ngỏ lời mời rượu. Gã khôn khéo từ chối:

- Tại hạ không biết uống rượu bao giờ. Và, tại hạ từ sáng tới giờ, tại hạ chưa có thức gì trong bụng.

- Chàng đừng ngại, rượu bồ đào sẽ không khi nào say. Uống một ly con rượu bồ đào, chàng sẽ không hề thấy đói.

Giai nhân kính cẩn bưng ly bồ đào tữu, nhoèn miệng cười, hàm răng trắng phau như ngọc lựu:

- Thiếp được diễm phúc đền đáp tạ ơn chàng đã chiếu cố cứu thiếp thoát nạn ngày trước. Nếu không có lòng quảng đại của người quân tử, thiếp tất bị phiền toái rắc rối phiền hà của người giữ cửa tam quan. Để cảm tạ tấm lòng quảng đại, thiếp mạn phép cùng chàng một ly đối ẩm bồ đào làm duyên hạnh ngộ. Thiếp vô phép được phép uống trước, tiên chú, hậu khách.

Gã nâng ly rượu bồ đào uống theo nữ chủ nhân mặc dù từ sáng sớm tới giờ, gã chẳng có chút gì trong bụng. Và, xưa nay gã chẳng biết mùi vị của rượu là gì, thôi thì mạo hiểm một phen đánh bạo một lần.

Sau khi cạn chén, gã cảm thấy cảm giác lâng lâng men rượu ngọt ngào khiến gã bắt đầu nửa tỉnh nửa say. Người ngọc thấy thế, bước lại gần cạnh chỗ ngồi khiến gã bàng hoàng ngây ngất để rồi nhắm mắt thiếp đi

không còn biết vũ trụ trời đất gì nữa.

Mặt trời hoàng hôn. Gã mở bừng mắt. Gã tự hỏi đây là đâu. Động hoa đào vẫn còn đây, sức nức mùi hương, nhưng hơi ôi, người tiên đã mất, mùi hoa đào gã vẫn cảm phảng phất mùi hương chần gối mùi tiên lần tục.

*Đào hoa lưu thủy y nhiên tại.
Bất kiến đương thời khuyến tử nhân.*

Xin tạm dịch:

Hoa đào nước chảy còn nguyên đó.

Chẳng thấy người tiên chuốc chén nồng.

Cáo biệt người tiên sầu cũng lớn.

Hoa đào thơm ngát ngủ no tròn.

Khách trần luyến tiếc đào mơn mớn.

Tình giấc Vu Sơn hóa mộng con.

Trên đây là hai câu kết trong bài thơ thất ngôn bát cú của thi sĩ Tào Đường, đề thơ "Tái đáo Thiên Thai." Tôi xin kết thúc bài tùy bút Ngày xưa, tiếc là tôi không thể nhớ đủ bốn câu còn lại, hai câu thực, hai câu luận.

"Tái đáo Thiên Thai phỏng Ngọc Chân.

Thương đài bạch thạch dĩ thành trần.

*Đào hoa lưu thủy y nhiên tại.
Bất kiến đương thời khuyến tử nhân.*

Trở lại Thiên Thai kiếm Ngọc Chân.

Rêu xanh đá trắng hóa hồng trần.

Hoa đào nước chảy còn nguyên đó.

Chẳng thấy người tiên chuốc chén nồng.

Vương Quốc Thành Thật

(Truyện xã hội giả tưởng)

ĐÀO VĂN BÌNH



Văn Sinh là một cựu sinh viên Văn Khoa thiên về Triết Đông cho nên tính khí cũng có hơi bất thường. Bất thường ở đây không có nghĩa là “mát dầy” mà ưa suy nghĩ về những gì con người không suy nghĩ hoặc những gì mà cả xã hội cho rằng “Ồi dào! Đời là thế, suy nghĩ làm gì cho mệt!”

Vào ngày 29-4-1975 khi còn đang chạy đôn chạy đáo tại Bến Bạch Đằng giữa cơn hoảng loạn cực độ của Sài Gòn thì may mắn gặp một ông bạn thiếu úy hải quân, thấy Văn Sinh còn đang ngỡ ngác như con nai vàng, bèn quát “Giờ này mà mày còn ở đây, điếc không sợ súng hả?” Thế là Văn Sinh hồi hả phóng lên tàu, theo dòng người di tản tiến ra Biển Đông.

Sau khi định cư vào Mỹ, hai năm vật lộn với tiếng Anh qua chương trình ESL (1), sau đó học bốn năm đại học rồi cũng lấy được bằng kỹ sư điện tử, đời sống tương đối ổn định.

Vì tính khí bất thường cho nên Văn Sinh ưa suy nghĩ về những gì vẫn vợ chẳng hạn như vấn đề thành thực của con người. Câu hỏi “lớn” mà chàng đặt ra là tại sao con người không bao giờ thành thực với nhau mà toàn là những điều giả dối. Giả dối trong cách sống, trong lời ăn tiếng nói đã đành mà còn giả dối ngay cả trong tiếng khóc tiếng cười nữa. Nhớ lại thời thơ ấu Văn Sinh cũng không khỏi bực bội cả với bố mẹ mình. Có một lần ông cụ bà cụ dẫn Văn Sinh đi ăn cơm tại một nhà của bà bạn. Suốt bữa cơm bà cụ cứ khen nức nở, nào là “Anh chị nấu cơm khéo quá!” Thế nhưng khi về nhà thì cũng chính cụ lại phàn nàn “Canh thì mặn chát. Bún thì khô. Chả thì ướp chưa đậm đà và nướng cháy khét!” Lúc đó vì còn bé cho nên chàng không hiểu gì cả. Thế nhưng bây giờ thì chàng thắc mắc tự hỏi tại sao lúc đó bà cụ không nói thẳng cho chủ nhà biết để lần sau họ rút kinh nghiệm nấu ăn khéo hơn? Còn chuyện bà cụ nữa. Có một lần người bạn trai

mời chị đi chơi. Không hiểu vì lý do gì mà chị trả lời là chị mắc bận cho nên không đi được. Thế nhưng cũng tối hôm đó khi tâm sự với mấy đứa em, chị nói muốn đi lắm nhưng sợ xấu hổ cho nên trả lời là bận. Văn Sinh tức quá nói “Tại sao chị không nói thẳng cho anh ấy biết là chị muốn đi với anh nhưng mắc cỡ. Chị trả lời như thế làm anh ấy tưởng rằng chị không “thương” anh ấy khiến câu chuyện có thể đi vào đổ vỡ. Tại sao chị không nói thẳng ý nghĩ của mình?”

Còn chuyện cộng đồng ở đây nữa. Người ta khen nhau giả dối, “mặc áo thụng vái nhau” quá nhiều, nhất là các buổi ra mắt sách. Trên sân khấu ông giới thiệu đang hăng hái ca ngợi ông bà tác giả: Đây là một tác phẩm có giá trị nhất. Thơ của bà đây có thể sánh ngang với các thi hào trên thế giới. Truyện ngắn của ông đây là những truyện ngắn hay nhất tại hải ngoại mà tôi đọc được. Không hiểu ông giới thiệu này đã đọc hết mấy ngàn truyện ngắn xuất bản ở hải ngoại chưa mà kết luận như vậy? Còn bên dưới thì khán giả vỗ tay vang dội. Thế nhưng sau khi về nhà, đọc sơ qua vài trang người ta quẳng cuốn sách vào sọt rác rồi lau bầu “Văn thơ dở ẹc như thế mà cũng đòi viết!” Thế là Văn Sinh lại thắc mắc tự hỏi tại sao người ta không can đảm nói ra sự thực? Cứ cái kiểu khen bừa bãi, vuốt đuôi như thế này, các ông bà tác giả nói trên tưởng mình viết văn hay, làm thơ giỏi, lại cho ra thêm dăm ba cuốn sách nữa có phải làm khổ thiên hạ không?

Rồi ngoài xã hội biết bao kẻ “tội lỗi đầy mình” hoặc phi đạo đức thế mà khi gặp nhau, vì sợ đụng chạm, sợ thù oán, người ta cũng cứ bắt tay, nói cười thân thiết, chẳng ai dám nói thật ý nghĩ của mình. Nói tóm lại, cái xấu xa, cái hủ lậu, cái tồi tệ, cái bất nhân, cái hợm hĩnh, cái kiêu căng phách lối, cái sai trái cứ

được nuôi dưỡng từ đời này sang đời khác để làm khổ con người. Theo Văn Sinh xã hội muốn tiến lên, muốn hoàn thiện, muốn có đạo đức thì mọi người phải thành thật nói lên ý nghĩ của mình, kể cả khuyết điểm của chính mình để tu sửa.

Hơn ba mươi tuổi rồi mà vẫn chưa vợ con. Có thể vì tính tình thẳng thắn quá mà các cô e ngại chẳng? Vì sống độc thân cho nên Văn Sinh chẳng bận bịu chuyện gia đình. Trong những lúc rảnh rỗi thì giải trí duy nhất vẫn là đọc sách và thể thao. Hồi còn ở Việt Nam chàng mê môn bóng tròn nhưng kể từ khi qua Mỹ lại thích môn bóng bầu dục vì cho rằng môn túc cầu có vẻ boring (2) quá.

Hôm nay là ngày Chủ Nhật, cũng như thường lệ, vì vào mùa Super Bowl (3) cho nên Văn Sinh không thể bỏ qua buổi tranh tài nào. Chàng mở máy truyền hình, ngồi dựa lưng vào chiếc ghế bành để thưởng thức các pha ném bóng, chụp bóng ngoạn mục. Thế nhưng đêm qua đi làm overtime (4) về trễ cho nên sau vài phút mắt chàng nặng trĩu và thiếp đi vào giấc ngủ trưa lúc nào không hay. Vừa chớp mắt, Văn Sinh thấy từ xa ào tới hai người cao lớn, nắm tay chàng chạy như đồng như gió. Văn Sinh kinh hãi nhắm nghiền đôi mắt cho đến khi hai người dừng lại. Mở mắt ra, chàng thấy mình đang đứng trước một công thành cao vút, hòa vào tận mây xanh. Còn chưa hoàn hồn và cũng chẳng biết đây là nơi nao thì cửa thành sịch mở. Một vị cao lớn, mặt mũi trang nghiêm, sắc phục như một võ quan, bước tới, cúi chào, nói:

- Thưa Đức Ông. Chúng tôi đã nghe nói về đức độ của Đức Ông ở hạ giới. Thành thật là đức tính cao quý nhất trong các tiêu chuẩn đạo đức. Thiếu thành thật thì mọi giá trị dù thiêng liêng cách mấy cũng xup đổ. Vì Đức Ông là người thành thật hiếm có ở hạ giới nên hôm nay chúng tôi mời Đức Ông tới thăm viếng Vương Quốc

Thành Thật của chúng tôi một lần cho biết. Xin lỗi, chúng tôi đã làm Đức Ông kinh sợ.

Chẳng biết ắt giáp gì, và lại trước tình thế này Văn Sinh không còn cách nào khác hơn là bước theo vị sứ giả vào bên trong. Đi được một đôi chàng lấy lại bình tĩnh. Trước vẻ hiền từ, cung kính và hiếu khách của vị sứ giả, chàng mạnh dạn lên tiếng hỏi:

- Tại sao gọi đây là Vương Quốc Thành Thật?

Vị sứ giả kính cẩn đáp:

- Thưa Đức Ông, vương quốc này do một vị ở Đông Phương lập cách đây năm ngàn năm. Vị này nổi tiếng là dám nói lên tất cả sự thật về mình, về vợ mình, con mình và về cả ông vua nữa. Nhưng khi nói lên sự thật về ông vua thì nhà vua nổi giận, chém đầu. Do uy đức rúng động Trời Đất đó mà ngài lập được vương quốc này. Tất cả những người thành thật ở hạ giới khi chết, nếu có lời nguyện sẽ được thoát sanh về đây. Nói tóm lại đây là vương quốc của những người thành thật chung sống với nhau. Chính vì toàn dân là người thành thật cho nên bao nhiêu khuyết điểm, bao lỗi lầm đều được phơi bày cho nên Vương Quốc mỗi ngày mỗi tiến bộ, mỗi đẹp. Lần hồi Đức Ông sẽ thấy.

Giống như những người phải bỏ nước ra đi định cư vào một xứ lạ. Mỗi khi thấy người đồng hương từ trại tiếp cư tới hoặc trong nước mới qua, người ta đều háo hức mời về nhà đãi đằng để tỏ lòng hiếu khách và hỏi han đủ điều. Ở vương quốc này cũng vậy. Văn Sinh được một gia đình khẩn khoản mời, dĩ nhiên là ăn uống linh đình, hỏi han đủ chuyện ở dưới trần gian. Sau bữa tiệc, bà chủ nhà mời khách qua phòng bên cạnh để vui chơi. Là vợ một ông bác sĩ nhiều tiền lắm của, không biết làm gì vào lúc xế chiều cho nên nổi hứng muốn trở thành ca sĩ. Bà sắm một đàn máy Karaoke tối tân ở nhà tập luyện và thường xuyên trình diễn ở các buổi sinh hoạt hội đoàn, ra mắt sách. Nhiều khi bà còn cho tiền người ta để được hát trong các Show vận nghệ ở địa phương. Để biểu diễn cái giọng oanh vàng của mình, bà hát luôn một lúc ba bản. Mỗi khi bà hát xong một bản thì tiếng vỗ tay đồm độp nổi lên. Cuối cùng thì Văn Sinh được mời lên phát biểu ý kiến với tư cách của vị khách quý. Dù tin tưởng đây là Vương Quốc Thành Thật, tất cả mọi người sẽ hoan hỉ lắng nghe lời nói trung thực, nhưng

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO



VÔ THƯỜNG

*Lời vàng tỏa rạng khắp muôn nơi
Hãy ngắm thiên nhiên ngắm cuộc đời
Xuân tới lộc chồi vươn nét thắm
Hạ về hoa lá khoác màu tươi
Thu sang vàng vọt cảnh tàn úa
Đông đến trụi trơ cảnh rụng rơi
“Thành,” “Trụ” để rồi qua “Hoại,” “Diệt”
Vô thường vạn vật thể nhân ơi!*

chàng vẫn cẩn thận rào trước đón sau:

- Thưa bà, đây là Vương Quốc Thành Thật vậy bà có cho phép tôi nói thật ý nghĩ của mình không?

Nở một nụ cười duyên dáng và tin tưởng, bà chủ nhà nói:

- Xin anh cứ tự nhiên. Chúng mình đều là người trí thức cả mà.

Được lời như cời tấm lòng, chàng hăng hái nói:

- Thưa bà, về bữa tiệc của bà thì tôi thật cảm ơn. Nhưng còn giọng hát của bà thì thành thực mà nói... nó nặng như cái búa tạ vậy. Nếu bà hát để ru con thì thẳng cu hoặc con bé cũng khóc thét lên mà thức dậy! Theo tôi nghĩ bà nên trở về cái thiên chức tề gia nội trợ thì tốt hơn. Xin để cái nghề hát này cho các cô ca sĩ chuyên nghiệp. Hát như thế này, bà Thái Thanh mà nghe được chắc bà ấy té xỉu mất!

Nghe Văn Sinh nói thế mặt bà chủ nhà xụ hẳn xuống. Còn thực khách thì chưng hửng nhìn chàng, rồi nhìn bà chủ nhà, không ai nói với ai nửa lời. Kể từ giờ phút đó bữa tiệc trở nên ảm đạm như một đám ma.

Ngày hôm sau, cũng do lời giới thiệu của vị sứ giả, Văn Sinh được mời tham dự một buổi ra mắt thơ. Trên sân khấu ông giới thiệu đang hăng say ca ngợi tác giả. Nào là tử nhỏ bầy, tám tuổi đã biết làm thơ. Thiếu niên đã tham gia vào

các thi văn đoàn tình nhà. Qua tới đây thường xuyên cộng tác với rất nhiều tờ báo ở địa phương. Thơ của tác giả đây đã được đăng trên nhiều đặc san của các hội ái hữu v.v... Và ngày hôm nay, tác giả cho ra đời một tập thơ, một tác phẩm có tầm vóc lớn ở Vương Quốc. Kèm theo đó là một cuốn băng phổ thơ của chính tác giả do một số ca sĩ khá nổi tiếng hát. Thời buổi bấy giờ tại Vương Quốc Thành Thật đang có phong trào một số người sau khi làm được vài bài thơ hoặc một tập thơ đã nhờ vả hoặc cho tiền các nhạc sĩ chuyên sống bằng nghề phổ nhạc để phổ những bài thơ đó. Rồi thì chính nhà thơ lại cho tiền để các ca sĩ hát các bản nhạc đó rồi thu vào CD không ngoài mục đích chấp cánh thêm cho thơ của mình. Và Văn Sinh được tác giả trân trọng ký tặng một tập thơ và một CD. Sau khi liếc nhìn qua một vài trang, Văn Sinh nhăn mặt, lắc đầu quảy quảy. Rồi khi được mời lên phát biểu ý kiến với tư cách một vị khách quý từ trần gian tới. Với “kinh nghiệm đau thương” thu thập được từ bữa tiệc trước, chàng e dè nói:

- Kính thưa quý vị. Thật hân hạnh cho tôi được phát biểu trước quý vị. Sở dĩ tôi được mời thăm vương quốc ngày hôm nay cũng chỉ vì đức tính thành thật của tôi. Còn quý vị đây là con dân của Vương Quốc Thành Thật chắc chắn phải yêu chuộng sự thật. Vậy quý vị có sẵn lòng nghe lời nói thành thật không?

Nghe Văn Sinh nói thế tất cả rõ lên với những tiếng cười hả hê để bày tỏ tâm lòng cởi mở, hiểu khách của người địa phương. Họ nhao nhao nói:

- Ôi dào! Như thế thì còn gì quý bằng? Chúng tôi là con dân của Vương Quốc Thành Thật thì chúng tôi phải quý trọng sự thật và nói lên sự thật chứ. Xin ông cứ tự nhiên. Sự thật dù phũ phàng đến đâu chẳng nữa chúng tôi vẫn chấp nhận như thường. Đó là tôn chỉ và giá trị của vương quốc này mà.

Nghe đám đông nói thế Văn Sinh vững dạ và cứ thẳng ruột ngựa nói:

- Thưa quý vị. Mới đọc vài bài thơ trong cuốn sách tôi thấy dấu hỏi-ngã tác giả đánh lộn từng phèo. Chính tả thì còn thua học sinh Lớp Nhất. "diễm tuyệt" thì viết thành "diêm tuyệt", "viên mộng" thì viết thành "viêm mộng," "đài các" thì viết thành "đài cát"! Toàn là thơ tặng vợ, chúc mừng thương thọ, chúc mừng đám cưới, mừng con vừa mới ra trường, mừng thăng cháu nội đầy tháng, mừng vừa thi đậu quốc tịch Mỹ v.v...Hình ảnh trong thơ thì nghèo nàn. Chữ thơ thì mòn vẹt. Ý thơ thì trống rỗng và sáo! Nếu dùng để tặng bạn bè, con cháu, đọc chơi, tán dóc trong các tiệc cưới thì được. Nói thật với quý vị, nếu thơ này đem in thành sách để gia nhập làng văn chương, ra mắt độc giả thì các Cụ Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Khuyến, Bà Đoàn Thị Điểm, các Ông Vũ Hoàng Chương, Phạm Thiên Thư sẽ khóc thét lên mà chết! Đây là cảm nghĩ chân thật của tôi, xin quý vị bỏ qua cho!

Lời nói của Văn Sinh như trái bom nổ giữa hội trường nhưng không hiểu sao tất cả đều im lặng, im lặng đến nghẹt thở. Rồi tiếng thảm thì nhỏ to giữa người này người kia cứ lan rộng. Người ta liếc nhìn Văn Sinh như nhìn một sinh vật lạ hoặc một gã điên không biết chừng. Còn ông tác giả thì trông thật thảm hại. Ông ta đứng chết trân như Từ Hải, miệng cười như mếu. Buổi ra mắt sách đang vui như Tết bỗng trở nên căng thẳng, ngọt ngào. Vị sứ giả thấy vậy vội vàng nói lời cáo lỗi với ban tổ chức rồi kéo Văn Sinh ra khỏi hội trường.

Ngày hôm sau, tại một thành phố xa xôi, có lẽ chưa biết gì về những "rắc rối" do Văn Sinh tạo ra cho bà vợ ông bác sĩ, cho nhà thơ vừa mới ra mắt sách cho nên đã hoan hỉ mời Văn Sinh tới tham dự tiệc khai trương của một thẩm mỹ viện. Vì làm nghề thẩm

mỹ cho nên bà chủ có nhu cầu sửa sang sắc đẹp. Ở tuổi ngoài sáu mươi nhưng bà lại cố sửa khuôn mặt của bà cho thật trẻ với má lúm đồng tiền và đôi môi cánh phượng. Quan khách hôm đó phần lớn là mấy ông bà chủ báo có đăng quảng cáo của bà trên trang nhất, một số nhà văn, nhà thơ, hội đoàn mà bà có tặng tiền trong các buổi ra mắt sách, hoặc trong các sinh hoạt lễ Tết. Dĩ nhiên là họ khen bà hết mình. Nào là "chị trẻ mãi không già", "chị đẹp như cô gái băm mấy vạn đời!" Để chứng tỏ mình trẻ thật, trong khi tiếp khách, bà chủ nhà luôn có động tác, cử chỉ, giọng nói, nhí nhảnh, những nhẹo của tuổi "băm mí". Văn Sinh ngồi đó mà đỏ bừng cả mặt, đã toan ra dấu cho vị sứ giả để cáo từ. Nhưng ngay lúc ấy vị nữ chủ nhân cảm thấy biểu diễn sự trẻ trung như thế cũng vừa đủ, vỗ tay để quan khách chú ý rồi long trọng nói:

- Thưa quý vị và quý bạn. Hôm nay chúng ta hân hạnh đón tiếp một vị khách từ hạ giới tới thăm. Ở dưới trần gian nước Mỹ nổi tiếng vì giàu có, còn Vương Quốc của chúng ta cũng hãnh diện vì con dân đều là người thành thật, yêu chuộng sự thật và kính trọng sự thật. Sau đây tôi xin long trọng giới thiệu vị khách quý đó và mong ông sẽ cho chúng ta một vài cảm nghĩ thành thật về Vương Quốc để ghi nhớ như một kỷ niệm đẹp.

Với kinh nghiệm đau đớn có từ hai lần gặp gỡ trước, Văn Sinh đã toan theo thói đời, nói lời đầu môi chót lưỡi, khen ngợi giả dối để đẹp lòng tất cả. Gây rắc rối làm chi? Thế nhưng Văn Sinh tự hỏi: Chẳng lẽ vương quốc này là Vương Quốc Giả Dối? Cái bảng hiệu Vương Quốc Thành Thật kia phải chăng chỉ là bảng quảng cáo, còn bên trong thì bán đồ rơm? Thật vô lý! Trần thế là cõi đời ô trọc mà còn biết bao nhiêu người thành thật, bao Hiền-Thánh. Chẳng lẽ cả xứ này không có ai là người thành thật sao? Chính vì suy nghĩ như vậy cho nên chàng chẳng sợ gì mà không nói:

- Xin cảm ơn bà chủ, xin cảm ơn quý vị đã ưu ái cho tôi được gặp gỡ quý vị ngày hôm nay. Kính thưa quý vị. Trong hai ngày qua, dù chưa đi thăm hết, nhưng tôi nhận thấy đây là một vương quốc đẹp, thật nhân ái và hiền hòa. Tuy nhiên có một điều tôi còn thắc mắc là không biết đây có thật sự là Vương Quốc Thành Thật hay không?

Nghe Văn Sinh nói thế tất cả cùng tranh nhau nói:

- Sao ông nói thế? Đây là Vương Quốc Thành Thật! Chúng tôi là những người thành thật. Điều đó có nghĩa là chúng tôi quý trọng sự thật do người khác nói ra dù đó là sự thật đau lòng đi nữa. Vậy xin ông cứ thẳng thắn. Chúng tôi muốn được lắng nghe người ở thế giới khác nói lời chân thực về vương quốc của chúng tôi.

Nghe khách nói thế Văn Sinh cảm thấy mình có thể gặp hên chuyển này. Chàng nói ngay:

- Thưa quý vị. Ở dưới trần gian chúng tôi đã khổ về nạn sửa sang sắc đẹp qua các thủ thuật bơm, hút, căng, kéo. Tôi tưởng đã lên tới đây rồi thì cần gì phải sửa sang sắc đẹp nữa? Điều đó không có nghĩa là tôi lên án hoặc khắt khe với việc sửa sang sắc đẹp. Người sinh ra trời bắt xấu, người bị thương tật, tai nạn, chiến tranh phá hủy bộ mặt, giải phẫu thẩm mỹ là điều tốt lành. Thế nhưng một bà sáu mươi lăm, giải phẫu để trở thành cô gái băm lăm là một ảo tưởng. Quý vị có thể bơm mộng, bơm ngực, căng da mặt nhưng quý vị có thể căng da cổ, căng da tay, sửa cái lưng còng, sửa cái dáng đi lom khom, sửa cái giọng nói ồ ề của bà già sáu lăm không? Thật không có gì kinh hoàng hơn khi nghe giọng nói ồ ề của một bà già thốt ra từ miệng cô gái trẻ! Nó giống như bà phủ thủy đội lốt cô gái vậy! Hơn thế nữa tại xứ Việt Nam trong bài hát Cô Hàng Cà Phê có câu rất nổi tiếng "Má lúm đồng tiền trông xinh ghê!" Khi ông nhạc sĩ làm bản nhạc này là ông muốn ca ngợi vẻ ngây thơ của cô gái ở tuổi mười chín, đôi mươi. Nay một bà già sáu mươi lăm cũng có má lúm đồng tiền thì...cha mẹ ơi! Chẳng khác nào râu ông nọ cắm cằm bà kia! Quý vị có thấy như vậy không? Nếu thấy vậy xin quý vị bỏ qua cho những lời nói lỗ măng của tôi.

Khi Văn Sinh nói dứt lời thì mọi người cùng ò lên. Rồi tiếng ồn ào tắt lịm. Mọi con mắt đều hướng về bà chủ nhà. Bà chủ nhà mặt đỏ gay, ngúng nguẩy bỏ vào trong. Còn thực khách sau đó, không hiểu sao cũng từ từ cáo lui để lại Văn Sinh và vị sứ giả đứng đó ngơ ngác nhìn nhau.

Ngày hôm sau khi trời vừa hừng sáng, Văn Sinh mới vừa thức dậy thì vị sứ giả đã bước vào sứ quán. Với vẻ mặt không được vui, ông ta nói:

- Xin Đức Ông tha lỗi cho việc thăm viếng đột ngột này.

Đáng lý ra chúng tôi phải lưu giữ Đức Ông lại đây chơi cả tháng trời. Tuy nhiên...

Nói tới đây ông ta dừng lại rồi nói tiếp với giọng nuối tiếc:

- Có vài cú điện thoại khiếu nại của dân chúng nói rằng Đức Ông lên đây với âm mưu... phá hoại sự đoàn kết cộng đồng!

Nghe nói thế Văn Sinh mặt đỏ tía tai. Chàng nổi cáu nói:

- Tôi mà phá hoại cộng đồng à? Ở đây cũng có nạn "chụp mũ" sao?

Vẫn với giọng nói hiền hòa và lễ độ, vị sư giả đáp:

- Chúng tôi hiểu rõ đức độ của Đức Ông. Dĩ nhiên Đức Ông không bao giờ phá hoại sự đoàn kết cộng đồng cả. Tuy nhiên vì muốn trấn an dân chúng cho nên chúng tôi buộc lòng đưa tiễn Đức Ông. Xin Đức Ông tha lỗi.

Nói xong vị sư giả từ từ hướng dẫn Văn Sinh ra Cổng Tiền Khách. Trên đường đi vị quá bức tức trong người Văn Sinh vắn hỏi:

- Tôi hỏi thật ngài. Có phải đây là Vương Quốc Thành Thật hay là Vương Quốc Lừa Dối? Xin ngài nói cho tôi rõ.

Vẫn với thái độ cung kính, vị sư giả mỉm cười đáp:

- Thưa Đức Ông. Dĩ nhiên đây là Vương Quốc Thành Thật. Là người học rộng, hiểu biết nhiều, quán thông kim cổ hẳn Đức Ông quá rõ con dân của vương quốc này cũng như con người dưới trần gian họ chỉ là phàm phu. Điều đó có nghĩa là họ sống bằng ảo tưởng. Loài vật không không sống bằng ảo tưởng nhưng con người lại sống bằng ảo tưởng. Ảo tưởng là đặc hữu của con người, là niềm hoài vọng thiết tha về những cái gì đó không có hoặc không thực. Ở buổi khai thiên lập địa con người ít sống bằng ảo tưởng. Thế giới càng văn minh, nhu cầu vật chất càng nhiều, con người càng sống với ảo tưởng. Ảo tưởng về sự giàu sang, trí thức, về vẻ đẹp, về tài năng, về đức độ, về quyền uy, về chân lý, về thánh thiện. Chính những ảo tưởng này đã cho con người và cả con dân của Vương Quốc Thành Thật sức mạnh để sống. Cho nên khi một người nào đó nói lên sự thực...tức đập đổ ảo tưởng của họ thì họ phản kích không ngoài mục đích bảo vệ giá trị con người của họ...dù giá trị này không hề có. Ở cõi trần gian, những người không nói lên sự thực có thể vì hèn nhát, giả dối, song cũng có thể vì độ lượng, hiểu biết. **Là con người ai cũng náo nức muốn biết sự thực về người khác nhưng lại dẫu**

nhệm sự thực về mình. Không có gì ghê gớm cho bằng bị người ta vạch trần sự thực. Ngay cả hàng tu sĩ cũng sẽ nổi điên lên. Họ có thể trả thù chúng ta, chụp mũ chúng ta, giết hại chúng ta nếu chúng ta nói lên sự thực về họ, về tôn giáo của họ. Cho nên cả Thế Giới Ta Bà và Vương Quốc Thành Thật này người ta đang ru ngủ nhau trong ảo tưởng...tức bằng sự lừa dối...để mà sinh tồn, để mà vui vẻ với nhau. Chính vì thế mà ý nghĩa của Vương Quốc Thành Thật không thể dùng lý lẽ thông thường mà phải dùng nhãn giới **Sắc-Không** của nhà Phật mới có thể hiểu hết được.

Nghe vị sư giả nói thế, với bốn năm mươi trong môn Triết Học Đông Phương ở Đại Học Văn Khoa, Văn Sinh ngộ ra ngay. Chàng quay qua vắn vị sư giả rồi cảm phục nói:

- Sự hiểu biết của ngài quả trời đất khôn lường. Còn sự hiểu biết của tôi chỉ như nằm lá trong rừng.

Vẫn với thái độ khiêm cung, vị sư giả đáp:

- Xin Đức Ông đừng khiêm tốn. **Kiến thức là điều phải có nhưng đức độ thì quý giá hơn nhiều.** Chúng tôi rất cung kính với đức độ của Đức Ông. Những lời mà Đức Ông nói hoàn toàn vì lòng thành thật, không vì đồ kỵ, không vì thương ghét. Những lời nói đó chưa có kết quả ngay hôm nay, nhưng nó sẽ có kết quả trong mai sau. Thế Giới Ta Bà cũng như Vương Quốc Thành Thật này cũng còn phải huân tập có khi...cả ngàn năm nữa mới có thể tiến tới sự hoàn thiện. Xin đa tạ sự thăm viếng của Đức Ông.

Nói xong vị sư giả ra lệnh "tiễn khách". Nhận được lệnh, hai vị cận vệ tiến tới nhắc Văn Sinh lên vai rồi phóng chạy như đông như gió. Khi Văn Sinh đã được đặt vào lòng chiếc ghế bành trở lại thì cũng là lúc chàng tỉnh dậy cùng với những tiếng touch down! touch down! (5) ồn ào vang lên.

Vừa dụi mắt, vừa lắc lắc đầu cho tỉnh ngủ, Văn Sinh tắt vội chiếc truyền hình cho đầu óc thanh thản. Hồi tưởng lại giấc mơ, chàng bán tín, bán nghi. Có thể do làm việc quá độ, đầu óc mệt mỏi nên đâm ra mơ mộng, giấc mơ vừa rồi chỉ là chuyện vớ vẩn, hơi đầu mà tin. Nhưng với đầu óc của một triết gia ưa đặt ngược vấn đề, Văn Sinh lại cho rằng có thể có một vương quốc như thế. Ngoài hành tinh này,

vũ trụ còn bao nhiêu thứ mà con người chưa hề biết tới? Nhớ lại những buổi thăm viếng trên Vương Quốc Thành Thật mờ hồ trong người chàng toát ra. Chàng tự trách tại sao mình có thể đại dốt, nói năng không giữ mồm giữ miệng để chạm tự ái người ta như vậy? Tuy nhiên giờ đây chàng cảm thấy yên ổn là không còn phải đối đầu với bà vợ ông bác sĩ, tác giả tập thơ, bà chủ thẩm mỹ viện nữa.

Cuộc đối đáp với vị sư giả làm chàng đau đầu. Rồi chàng tự cất vấn cả chính mình. Phải chăng khát vọng về sự thành thực cũng chỉ là một ảo tưởng? Nếu như nó đã là một ảo tưởng thì việc đòi hỏi người ta nói lên sự thực và chấp nhận sự thực cũng là một ảo tưởng? Nếu lý luận như vậy thì chính Văn Sinh trong bao năm qua đã sống với ảo tưởng mà chàng không hề hay biết. Với ý nghĩ mình sống trong ảo tưởng Văn Sinh phá lên cười. Cười một hồi chàng lẩm bẫm: "Có thể mình chỉ là một anh gàn, sống trên mây... từ đó làm khổ mình và khổ người không biết chừng?"

Nhớ lại những rắc rối gặp phải trên Vương Quốc Thành Thật chàng thấy "Đúng rồi"! Chàng nhắc lại một lần nữa "Đúng rồi, trên cái cõi đời ô trọc này, thẳng cha nào đòi hỏi người ta phải tôn trọng sự thực, nói ra sự thực về mình thì đúng là một gã điên!"

Kể từ đó Văn Sinh từ giờ cái "triết lý thành thật" không còn gàn gàn, dở dở như xưa nữa và sống bình thường như mọi người.

Đào Văn Bình

Cước chú:

- (1) English as Second Language (ESL): Anh Văn là ngôn ngữ thứ hai, không phải ngôn ngữ chính của những người nhập cư hoặc bố mẹ không nói tiếng Anh.
- (2) Buồn nản
- (3) Mùa tranh tài bóng bầu dục
- (4) Làm thêm giờ



Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

DỤNG TÂM KINH

Hoà thượng miền mật tưng Tâm Kinh, chú tiểu ngồi bên lầy dùi gỗ nhẹ vào sư phụ, lần đầu thầy vẫn lặng lẽ tưng, gỗ lần hai thầy liếc nhẹ, lần thứ ba thầy khế trách:

- Có việc gì vậy con?

Chú tiểu láu lỉnh mỉm cười trả lời:

- Sắc tức thị không.

Đến giờ thọ trai, đích thân hòa thượng dọn mâm lên bàn nhưng tuyệt nhiên không có thức ăn. Thầy gọi chú tiểu dùng cơm, thầy bưng chén không ăn như mọi ngày. Chừng giây phút sau chú tiểu không còn kiên nhẫn nữa bèn nói:

- Bạch thầy không có đồ ăn làm sao ăn?

- Không tức thị sắc! Hòa thượng cười mỉm trả lời.

Chú tiểu sụp lạy:

- Bạch thầy con xin sám hối.

ĐÃY BẠC

Hai người yêu nhau, đồng ý đi đến kết hôn. Ngày cưới thật rình rang, họ hàng hai bên, bạn bè... chúc mừng trăm năm hạnh phúc. Đêm khuya tính sổ tiền mừng cưới... nhiều quá, chú rể bảo:

- Anh giữ tiền này để xây dựng hạnh phúc hai ta.

- Không! em phải giữ tiền này, vì em nội trợ biết chi tiêu và sắm sửa - Cô dâu nói.

Hai bên không ai nhường ai, ban đầu còn anh - em, dần dần ông - bà, rồi mày - tao... đêm động phòng biến thành đêm động tâm, động khẩu, động thủ... Sáng ra hai bên quyết định xé bỏ khế ước kết hôn. Có người biết chuyện bèn cảm thán rằng:

- Vợ chồng nặng nợ nhẹ tình

Đã bạc ở giữa chúng mình hết duyên.

ĐỘ

Ông tăng hành thiền dọc bờ sông vắng, chợt thấy cô gái ủ rũ bên bờ trông có vẻ tuyệt vọng, ông tăng bèn hỏi:

- Cô làm gì nơi hoang vắng này?

Cô gái không trả lời; thầy hỏi đến lần thứ ba thì cô nức nở:

- Thưa thầy con bị phụ tình, bây giờ con đau khổ quá không còn thiết sống nữa!

Cô gái dứt lời, ông tăng bèn khóc rống lên:

- Bần tăng tôi ở trong chùa bên sông này đã mấy mươi năm, thờ sư phụ hết lòng vậy mà hôm nay sư phụ tôi đuổi tôi đi, bây giờ tôi không nơi nương tựa, không thầy trò... tôi cảm thấy tuyệt vọng nên đến khúc sông này gỡ mình.

Cô gái nghe xong rất đổi bối rối, kinh ngạc bèn thưa:

- Ở đây thiếu gì chùa, sao thầy không tìm chùa khác, hoà thượng khác mà thờ?

- Cô đã biết vậy sao còn đến đây toan tự tử - ông tăng nghiêm giọng khiển trách.

Cô gái ngẫm nghĩ giây lát bèn nói:

- Con xin tạ ơn thầy - cô gái chấp tay bái thầy rồi quay đi.

Cõi Riêng

*Trà khuya bên chái hiên nhà,
Gió hiu hắt thổi trắng tà mái tây.
Kể từ vào giữa chôn này,
Phong ba mấy độ buồn lây lát lòng.
Thăng trầm bao nỗi long đong,
Mây trôi bèo dạt theo vòng tử sinh.
Góc riêng ta chỉ một mình,
Ngâm câu lục bát nhớ hình bóng xưa.
Trăng tàn tiếng vạc xa đưa,
Thoảng nghe hơi lạnh đêm mưa gợi buồn.*

thơ

QUỲNH DAO



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÁNH CANH CHAY

Cách pha bột cho bánh canh:

3 cup bột gạo tẻ
1 cup bột năng
2 cup nước sôi
1/2 muỗng cafe' muối
2 muỗng cafe' dầu ăn

Cách làm:

Cho 2 thứ bột vào máy Kitchen Aid dùng cái hook speed số 3 trộn bột cho đều , nấu nước thật sôi cho muối, 1 muỗng cafe' dầu ăn hòa tan, đổ nước sôi từ từ vô bột. nhồi khoảng 5 phút thấy cục bột mịn màng, đem bột chia làm 4 phần vo tròn, bắt nồi nước thật sôi, rồi vặn lửa medium, cho bột vào khuôn ép bột xuống nồi nước sôi, nếu thấy trong khuôn bột còn phân nửa thì cho viên bột tiếp tục vô ép, làm như vậy bột không bị gián đoạn thì cọng bánh canh dài như cọng bún, thấy bánh canh nổi trên mặt nước, vớt bánh canh ra cho vào thau nước lạnh xả nước cho sạch bột, để ráo nước rồi cho 1 muỗng cafe' dầu trộn đều, cọng bánh canh sẽ mượt và không bị dính với nhau.

Recipe nấu bánh canh chay:

Nấu nước lèo với
2 củ carot
1 củ củ sắn
1 củ bắp cải
1 củ hành tây
1 muỗng canh cải tan xại rửa sạch, phi dầu
1 muỗng canh bột nêm nấm
1 muỗng canh nước mắm chay
1 cục đường phèn nhỏ
1/2 muỗng cafe' muối (tùy ý)
1 hộp nấm rơm.
Tất cả rau cải thái nhỏ cho vào nồi nấu sôi khoảng 30 phút, thấy rau cải mềm vớt ra, vặn lửa nhỏ cho nồi nước lèo được trong, cho bột nêm, nước mắm chay, đường và cải tan xại, nấm rơm, nêm vừa ăn là được.



Nhân cho bánh canh:

2 miếng tàu hủ chiên thái lát.
1 khúc ham chay chiên, thái lát
1 gói tôm chay thái lát
1 gói vò viên chay (tùy ý)
2 củ chút hành củ đỏ băm nhỏ
Bắc dầu cho một chút hành phi vàng, cho tôm chay và vò viên xào nêm một chút bột nêm nấm, tiêu.

Bánh canh bỏ vào tô với một ít nước lèo cho vào microwave hâm nóng đem ra xếp nhân lên trên với vài cọng hành lá, nấu nước lèo thật sôi, đổ vô tô bánh canh thì nước lèo sẽ trong và bánh canh không làm đục nước.



Bánh canh chay mới nấu xong:



Chân Thiện Mỹ (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Ý THỨC MỚI

Nguyễn Tiên Yên dịch

Bài dịch dưới đây là *Lời Nói Đầu* trong tác phẩm “**Ý THỨC MỚI – Phạm Công Thiện, Tư tưởng gia Việt Nam**” của tác giả Nohira Munehiro.

(Nguyên tác 野平宗弘 『新しい意識 — ベトナムの亡命思想家フナム・コン・ティエン —』, Iwanami Shoten xuất bản, 2009)

Bản dịch Việt ngữ sẽ xuất bản trong năm 2014.

LỜI NÓI ĐẦU

Sách này sẽ cố gắng giới thiệu đến người đọc tiếng Nhật về nhân vật Phạm Công Thiện (1941–[2011]) – một tư tưởng gia, một thi sĩ đã xuất hiện tại Nam Việt Nam (tức Việt Nam Cộng Hòa) thời chiến tranh Việt Nam, cũng như muốn làm sáng tỏ tư tưởng được cho là khó hiểu trong các tác phẩm của ông.

Phạm Công Thiện là một trí thức Phật giáo đại biểu cho Nam Việt Nam thời chiến tranh Việt Nam. Từ khoảng giữa thập niên 1960 trở đi, khi những trước tác của ông liên tục xuất bản, thì tiếng tăm ông lan rộng đến mức trở thành một hiện tượng thịnh hành với tên gọi *hiện tượng Phạm Công Thiện*, thậm chí còn được tôn sùng như *thần tượng* của giới trẻ đang sống trong tuyệt vọng chiến tranh ①. Thế nhưng đột nhiên ông mất tích khỏi Việt Nam vào năm 1970. Có thi sĩ gọi ông là *ngôi sao băng* ②.

Về một Phạm Công Thiện như *ngôi sao băng* đột ngột xuất hiện ở Việt Nam, xé toang đêm tối của thời đại chiến tranh rồi bất ngờ biến mất, hầu như không được biết đến ngoài lãnh thổ Việt Nam, và ngay ở Việt Nam hiện tại cũng chưa có được một đánh giá nghiêm cẩn ③. Tuy nhiên, theo như tôi thấy, ông không những mười phần xứng đáng để nghiên cứu lại như là nhân vật đã cật vấn rất căn nguyên về địa ngục chiến tranh Việt Nam ngay tại đất nước đương sự, mà tôi cho rằng tư tưởng ông đưa ra chứa đầy tính trọng yếu không thể nào bỏ qua được đối với chúng ta những kẻ đang sống trong thế giới hôm nay mà toàn thể địa cầu đã bị phủ kín bởi tri thức cận đại và khoa học kỹ thuật có nguồn gốc từ Tây phương. Cho nên, lẽ thường, tôi phải giới thiệu ông qua cách giải thích của riêng mình đối với tư tưởng nan giải của ông.

Điều trọng yếu cần phải quan tâm khi nghiên cứu tư tưởng Phạm Công Thiện đó chính là những tác phẩm mà ông đã viết, còn mấy thứ như kinh nghiệm từng trải, quá trình học tập hay công ăn việc làm chỉ dừng ở mức yếu tố thứ yếu. Tuy nhiên, với một nhân vật có thể nói gần như vô danh tại Nhật Bản, dầu sao chẳng nữa trước tiên hết, tôi muốn giới thiệu thật đơn giản coi Phạm Công Thiện là nhân vật như thế nào. Để vậy, có lẽ phương pháp tốt nhất là trích dẫn nguyên văn mấy lời tự giới thiệu bản thân rất khác thường do chính ông viết vào những năm giữa tuổi 20. Trong thi tập **Ngày Sinh của Rắn** xuất bản năm 1966, bài tự giới thiệu được viết như sau.



Phạm Công-Thiện
Poet, writer, philosopher
(1941-2011)

*“Sinh vào năm rằm, bên dòng sông Cửu long, vì tranh luận học vấn với giáo sư, nên bỏ học trường lúc 13 tuổi, viết sách lúc 14 tuổi; làm giáo sư sinh ngữ từ lúc 16 tuổi đến 20 tuổi tại những trường ở Sài Gòn, Mỹ Tho, Đà Lạt, Nha Trang; quyển sách khảo luận đầu tiên được xuất bản vào lúc 16 tuổi ④, viết quyển **Ý thức mới trong Văn nghệ và Triết học** vào lúc 20 tuổi; học triết lý tại trường đại học Yale, đề trình tiểu luận *Ý niệm về chân lý trong tư tưởng Platon và Heidegger* tại hội thảo triết lý ở Yale; tiếp tục học triết lý tại trường đại học Columbia, khinh bỉ giáo sư và bỏ học bổng của Viện Giáo Dục Quốc Tế, bị viện mời đi gặp bác sĩ phân tâm học, được mời khéo vào nhà thương điên, lại tranh luận với bác sĩ phân tâm học về giá trị và giới hạn của phân tâm học hiện đại, chỉ trích đời sống nông cạn của Mỹ quốc, sống lang thang lây lất ở xóm nghệ sĩ Greenwich Village tại New York; đã gặp Henry Miller, tại Pacific Palisades ở California, được Henry Miller nhận là Rimbaud lại ở thế kỷ XX, sau đó được một văn sĩ Do thái cho tiền để trốn qua Paris không giấy tờ, không hành lý, sống bơ phờ ở Bretagne, học văn chương tại trường đại học Rennes, khinh bỉ giáo sư, rồi lại bỏ đi và sống lang thang lây lất khắp hang cùng ngõ hẻm ở Paris, làm clochard đi ăn mày, ngủ dưới cầu, ngủ trên vỉa hè, đời lang thang đong và bỏ làm luận án tiến sĩ tại Pháp, được Henry Miller gửi tiền nuôi sống và được Henry Miller cho tiền rời bỏ Paris để sống lang thang giang hồ tại Thụy Sĩ, Ý đại lợi, Ba tư, Hy Lạp, Thái Lan, vân vân. Lúc ở Paris thì nhập bọn với nhóm nghệ sĩ trẻ ở Popoff, la cà vất vưởng ở xóm Saint Séverin và Saint Germain des Prés, đã gặp Krishnamurti hai lần tại Square Rapp. Hiện đang sống chờ đợi điên và chờ đợi chết, triệt để đứng ngoài tất cả ý thức hệ chính trị, đứng ngoài mọi sự tranh chấp tôn giáo, khinh bỉ tất cả văn hóa nhân loại, thù ghét tất cả mọi tổ chức xã hội, vô cùng kiêu hãnh, chỉ đi một mình và tự nhận là thiên tài độc nhất của Việt Nam.”*

Thật đúng với những gì tôi đã cảm nhận từ đoạn văn trên, Phạm Công Thiện – hay *hậu thân của Rimbaud* – là người nổi tiếng có lời nói hành vi cực kỳ quá khích ở Nam Việt Nam nửa sau thập niên 1960. Không chừng chính từ mấy câu tự giới thiệu này mà ông bị mang ấn tượng phải chăng đây chỉ là một nhân vật ma mãnh tự xưng *thiên tài*, rồi thì nói năng ba hoa, liều lĩnh chống đối quyền uy. Có điều, tất cả không gì khác ngoài ngộ nhận.

Từ thừa thiếu thời Phạm Công Thiện đã đọc thông hiểu một lượng khổng lồ sách vở cổ kim Đông Tây bằng nguyên ngữ, và có đáng về bác học đến nỗi người trong thiên hạ phải gọi là *thần đồng*, là *thiên tài*. Nhưng đâu chỉ dừng lại ở bấy nhiêu đó. Ông còn đấu tay đôi với tư tưởng của Nietzsche, Heidegger, Henry Miller, Suzuki Daisetz, Long Thụ; ông lại mao hiểm phá hoại nền tảng suy tư siêu hình học Tây phương – nơi khởi nguồn của chiến tranh

cận đại cũng như phân tâm học; ở chỗ tận cùng của ý thức và tồn tại ông tìm thấy tư tưởng *hồ thẳm* cần phải đối chọi với *địa ngục* (naraka) của thời đại chính là chiến tranh Việt Nam. Hơn nữa, giống như Henry Miller, sự minh tuệ của ông luôn gắn liền với đời người. Ông không bị cầm tù trong 'vọng niệm' như là 'thường thức' và 'tập quán' - những thứ do thế giới ngôn ngữ hiện tại tạo ra đã trói buộc đời sống con người, ông đốt cháy đời sống tự do của mình, ông sống y nguyên như vốn có. Đoạn tự giới thiệu trên đã bày tỏ chân thật điều đó.

Như chính ông cũng đã ý thức được bản thân "chỉ đi một mình," trong lòng thét gào rất chính trực và cực cùng cô độc bất chấp bị thế gian cự tuyệt không chút đồng cảm. Vậy thì cái tư tưởng đó thật sự là như thế nào? Bắt đầu từ đây, tôi sẽ đuổi theo quỹ đạo của *ngôi sao băng* này.

- Cấu thành của sách

Đoạn văn tự giới thiệu của Phạm Công Thiện dừng lại ở những ghi chép cho đến giữa tuổi hai mươi khi tập thơ được xuất bản, nhưng ở Chương Mở Đầu, một lần nữa, tôi sẽ hết sức tóm tắt theo trình tự thời gian và muốn giới thiệu thật đơn giản về cuộc đời phiêu bạt từ lúc mới sinh cho đến tận hiện tại của ông ⑤, chủ yếu dựa trên những gì ông đã viết trong các trước tác của mình.

Chương Mở Đầu giới thiệu cuộc đời ông đầy những thăng trầm, chỉ bấy nhiêu đó cũng thú vị lắm rồi, nhưng điểm mấu chốt của sách này nói chung không gì ngoài đương đầu với sự khó hiểu, và làm sáng tỏ tư tưởng của ông mà hầu như đã không được đặt thành vấn đề đích đáng. Có điều, chính vì tư tưởng của ông triển khai trên tiền đề là phải thông bác từng chữ Đông Tây kim cổ, vì thế nếu không có một tri thức tiền đề cơ sở thì chắc chắn sẽ cảm thấy khó hiểu. Hơn nữa thuật ngữ mà ông sử dụng, ví dụ như thuật ngữ chủ yếu là *Tính* chẳng hạn, thoạt nhìn có vẻ đơn thuần nhưng thực ra bên trong ẩn chứa ý nghĩa độc đáo hoàn toàn khác với thông thường. Sẽ rất khó thâm nhập vào tư tưởng của ông nếu như không hiểu được những thuật ngữ như vậy có ý nghĩa ra sao, dù xét trên bề mặt hay xét về hình thức đi nữa, cho nên ngay từ đầu nhất thiết phải nát óc với những thuật ngữ độc đáo của ông coi chúng mang ý nghĩa là gì. Ví thế, Chương Một sẽ lấy vấn đề 'ông đã suy nghĩ về chiến tranh Việt Nam như thế nào' làm manh mối để giải thích về ý nghĩa của thuật ngữ chủ yếu *Tính* mà ông sử dụng. Sau đó, sẽ khảo sát xoay quanh sự lãnh hội của ông về 'tư tưởng Heidegger' và 'Thiền' - là hai thứ đã làm tiền đề nghĩ ra thuật ngữ đó.

Chương Hai lấy trực chính là thuật ngữ *Tính* và *Việt*, tôi chọn ra *Im lặng Hồ thẳm* tác phẩm đại biểu của nửa sau thập niên 1960 đã đề xuất *tư tưởng Việt Nam* độc đáo ở thời đại chiến tranh Việt Nam, và cố gắng đọc hiểu trước tác nan giải này. Ngoài *Tính* và *Việt* vừa nói, còn tiến hành khảo sát chú trọng vào những cụm từ hay danh từ riêng mà

tôi cho là tối quan trọng trong trước tác này như *Im lặng Hồ thẳm* cũng là tên của trước tác; như *Dịch hoả pháp* - chữ mà Phạm Công Thiện chọn làm dịch ngữ cho 'Dialektik' của Long Thụ đối kháng lại *Biện chứng pháp*; và như *Không Lộ* - cũng là tên của một Thiền sư Việt Nam thời xưa. Ngoài ra, từ Chương Hai trở đi sẽ tích cực sử dụng Lý luận Phân tiết Ý nghĩa Ngôn ngữ của Giáo sư Izutsu Toshihiko để cố gắng làm rõ ràng thêm về 'tư tưởng' của Phạm Công Thiện đã coi thuật ngữ *Tính* đóng vai trò trung tâm.

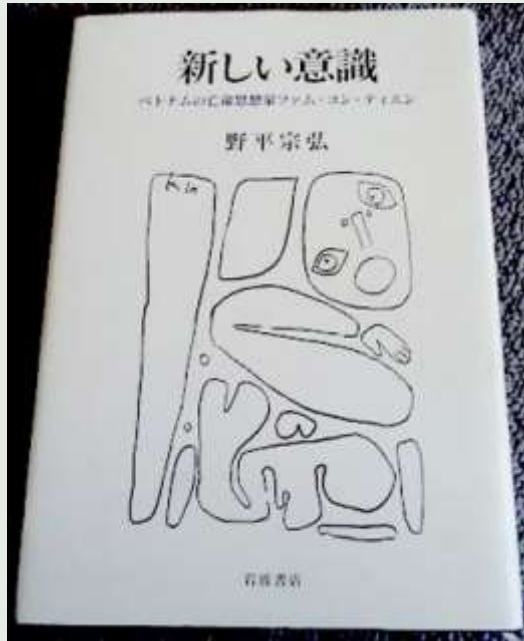
Chương Ba sẽ luận về, 'tính liên quan tư tưởng giữa Henry Miller, Heidegger và Phật giáo mà Phạm Công Thiện đã tìm ra', và, 'sự hình thành tư tưởng độc đáo của Phạm Công Thiện khởi từ đó'. Cụ thể

trước hết, liên quan đến *Thư ngỏ gửi Henry Miller* tố cáo trạng huống chiến tranh Việt Nam, sẽ khảo sát về vấn đề nguyên do tại sao Phạm Công Thiện đã hỏi Miller câu hỏi tồn tại luận còn nặng ảnh hưởng của Heidegger. Tiếp theo, cần cứ trên tư tưởng của Heidegger và Miller mà truy tìm chân ý của *mệnh đề* tào bạo của Phạm Công Thiện *Sein của Heidegger chính là Cunt của Miller*. Rồi khảo sát *tư tưởng Việt Nam của Cái và Con* - mà Phạm Công Thiện đã đề xướng - nghĩa là như thế nào, dĩ nhiên có liên quan mật thiết đến ý nghĩa của *mệnh đề* trên, nhưng ở đây ông đã lựa chọn *Cái* và *Con* gần gũi hơn trong tiếng Việt.

Từ những khảo sát về tư tưởng của Phạm Công Thiện cho đến đây, Chương Bốn chuyển sang khảo sát đặt trọng điểm vào sáng tác của ông. Tôi sẽ chọn ra những

sáng tác cụ thể của ông - người coi mình không phải tư tưởng gia cũng chẳng phải triết gia mà là một thi sĩ, và suy nghĩ xem có thể tìm thấy tư tưởng gì ở đó, thêm thay đổi với ông *thơ* và *nhà thơ* mang ý nghĩa gì? Trước hết, Phạm Công Thiện là người đã phê phán Siêu hình học Tây phương như là nguyên nhân căn bản của chiến tranh Việt nam, như vậy ông đối chọi như thế nào đối với Tự ngã cận đại được hình thành ở nửa đầu thế kỷ XX trong văn học Việt Nam thông qua thuộc địa hóa của thực dân Pháp, đó là 'khảo sát phương diện phá hoại trong tác phẩm của ông' đặt trọng tâm vào tác phẩm *Mặt Trời Không Bao Giờ Có Thực*. Kế tiếp, Phạm Công Thiện đã lý giải như thế nào về mối quan hệ giữa làm thơ và quê hương để rồi biến nó thành tác phẩm, đó là 'khảo sát phương diện sáng tạo trong tác phẩm của ông'. Rồi ngược về tận nguồn cơn làm thơ mà đối với ông được gọi là *Thơ* hay *Nguồn Trong Trẻo* viết hoa, để từ đó nhìn xem thi nhân làm thơ và tư tưởng về quê hương như thế nào bằng tiếng mẹ đẻ, nhờ đó mới suy nghĩ về quan hệ tính căn nguyên của 'ngôn ngữ', 'thế giới' và 'thi nhân'.

Ở Chương Kết Thúc sẽ nhìn lại những khảo sát từ đầu, chỉ ra cho thấy bước đi của cuộc đời Phạm Công Thiện, là bước đi hướng về *chỗ đông nhất* - hiện đang tiềm phục có thể siêu việt thời đại cũng





như hai bờ Đông-Tây, nó hình như được đánh dấu nghĩa là *Tâm* cũng là *Nguồn Trong Trào*; và là sự mạo hiểm mà con người hiện đại hướng về chỗ bên trong bản thân mình vẫn đang chưa biết.

① Trần Tuấn Kiệt đã viết như sau về mối quan hệ giữa trước tác của Phạm Công Thiện với giới trẻ trong chiến tranh Việt Nam. "**Y thức Bùng Vỡ, Y thức Mới** đầy phần nộ, cuồng bạo của Phạm công Thiện được tuổi trẻ đón nhận ồ ạt, ấy cũng vì tâm hồn người trai trẻ trong sóng gió muốn nương vào chiếc bè gỗ trên sóng gió mà đỡ bớt chới với trong Mê cung địa ngục." (Trần Tuấn Kiệt, **Tác Giả Tác Phẩm**, Đời sống và tác phẩm các văn nghệ sĩ Việt Nam, Sài Gòn, 1973, tr. 26-27).

② Lời mô tả Phạm Công Thiện của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền. Nhà văn Mai Thảo ghi như sau trong hồi tưởng của ông.

"Tôi nhớ bây giờ là cuối năm 1970. Phạm Công Thiện, trong tư cách khoa trưởng Văn khoa Đại học Vạn Hạnh, lên đường đi Âu châu dự một hội nghị đại học quốc tế rồi đi luôn không bao giờ còn trở về Việt Nam nữa. Hết thầy chúng tôi đều sững sờ, khó hiểu. Riêng Thanh Tâm Tuyền không. Bảo tôi: "Anh phải nhìn thấy sớm muộn rồi Phạm Công Thiện cũng phải một lần bỏ đi như thế, đi hẳn thật xa, mất tích. Có như vậy mới đúng là Phạm Công Thiện. Chúng ta ít nhiều là những định tinh. Hẳn hơn là một hành tinh. Hẳn là một ngôi sao băng".

(Mai Thảo, **Chân Dung: mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam**, Văn Khoa xuất bản, California, 1985, tr. 146-147).

③ Hiện tại trên homepage *talawas* – một diễn đàn văn hóa tư tưởng nghệ thuật của Việt Nam hiện đại do nhà văn Phạm Thị Hoài sống ở Đức làm tổng biên tập, có đăng tải một số tác phẩm xuất bản trước đây tại Nam Việt Nam của Phạm Công Thiện như **Y thức mới trong Văn nghệ và Triết học**, **Mặt trời Không bao giờ Có Thực**, **Hồ thăm Tư tưởng**, **Im lặng Hồ thăm**, các bản dịch Heidegger **Triết lý là gì?**, **Về Thế tính của Chân lý** đã được số hóa từ năm 2006. Có thể duyệt xem tại địa chỉ <http://www.talawas.org/>.

④ (nd) Tác giả bỏ sót không dịch câu này.

⑤ (nd) Chú ý hiện tại ở đây là tính đến thời điểm sách này được xuất bản vào tháng 6 năm 2009, tức khoảng 2 năm trước khi Phạm Công Thiện qua đời tại Mỹ.

thơ

CHÂN LÝ PHẬT GIÁO

*Phật pháp từ trí tuệ
Không mê tín dị đoan
Phải tự mình quan sát
Chứng nghiệm đúng mới tin.*

*Phật pháp không bắt buộc
Do duyên nghiệp mỗi người
Tùy duyên mà hóa độ
Giáo lý thật tuyệt vời!*

*Trùng trùng do duyên khởi
Vũ trụ được tạo nên
Chúng sinh lại xuất hiện
Tất cả đều do duyên...*

*Luật luân hồi, nhân quả
Đời vô thường - sắc không
Chịu sinh, trụ, hoại, diệt
Cả vũ trụ mênh mông.*

*Thân con người vô ngã
Không chấp - sống an vui
Cuộc đời này giả tạm
Cố chấp - mãi ngậm ngùi...!*

*Cuộc đời luôn đau khổ
Nếu còn tham, sân, si!
Thân tâm thường an lạc
Nếu hi, xả, từ, bi.*

*Thuyết chân không diệu hữu
Khoa học đã chứng minh
Không thượng đế tạo dựng!
Do duyên hợp tạo thành.*

*Sau nhiều ngày nhập định
Trí tuệ Phật sáng ngời
Lời dạy đúng chân lý
Giáo pháp thật cao siêu.*

MINH LƯƠNG
TRƯỜNG MINH SUNG

Rong Chơi

thơ : Đặng Thị Quế Phượng
phổ nhạc: Nguyễn Quyết Thắng

♩ = 80

Nghiêng nghiêng hoa rụng đầu ngày Sân
chùa lảng tiếng sương bay bênh bông Hương
trời nhè nhẹ sắc không Hối ra ta
vẫn nặng lòng tràn gian Phố xưa rụng
hết hoa vàng Tả tôi còn lại hai
hàng cây sông Bước chân em có nghe
buồn Lên non dòm cánh hạc bay ngút
ngàn Còn ta hoài kiếp lang thang
Thiên thu dần bước hoang đàng rong chơi

Đọc bài “Ký Thanh Phong Am Tặng Đức Sơn”

LAM NGUYỄN

Ngài Trần Thái Tông (陳)宗太 (1277-1218) là vị vua anh minh đời nhà Trần và là một Thiền sư lỗi lạc, tên là Trần Cảnh, quê Túc Mặc, phủ Thiên Trường, Nam Định. Ông có công lớn trong việc ổn định xã hội lúc bấy giờ và đồng thời lãnh đạo toàn dân chống xâm lược Nguyên Mông, đem lại chiến thắng vẻ vang cho dân tộc! Ngoài việc lo cho đất nước Ngài còn nghiên cứu kinh điển Phật-giáo nên đã viết nhiều thơ, kệ cũng như những tác phẩm văn học về triết học Phật-giáo rất nổi tiếng!

Đọc thơ đã khó mà đọc thơ Thiền lại khó hơn nhưng sao hôm nay chúng tôi dám đem sự nhận xét thô thiển mà trình cùng độc giả! Thưa quý vị, vì yêu thơ nên trót cùng thơ cũng như vì yêu thơ Thiền nên mạo muội trình làng chút kiến thức nông cạn này mong thứ giả bố tức phần thiếu sót để chúng tôi được thụ giáo thêm!

Bài thơ Ký Thanh Phong Am Tặng Đức Sơn như sau:

寄山德僧庵風清

風庭照月關松打

心清淒共景風期

箇識人無味滋中

付明到樂僧山與

陳宗太

Âm Hán Việt:

Ký Thanh Phong Am Tặng Đức Sơn

Phong đả tùng quan nguyệt chiếu đình,

Tâm kỳ phong cảnh cộng thể thanh.

Cá trung tư vị vô nhân thức,

Phó dữ sơn Tăng lạc đáo minh.

(Trần Thái Tông)

Chúng tôi dịch:

Gửi Nhà Sư Đức Sơn Ở Am Thanh Phong

Gió đập cửa tùng, trăng chiếu sân,

Lòng mong phong cảnh lặng hồng trần.

Ai hay thú vị đầy trong cả,

Để mặc Sư vui đến sáng trưng!

(Lam Nguyễn)

Câu thứ nhất:

Phong đả tùng quan, nguyệt chiếu đình

風庭照月,關松打

Có phải tác giả muốn nói mặc dù mưa sa, gió táp thì cây tùng—tiêu biểu cho người quân tử—mà quân tử ở đây tại cổng “tam quan” nêu biểu tượng người tu theo Đạo Phật đã thâm ngộ nên không dao động trước nghịch cảnh; biết được điều này nhờ chữ “đả 打” khác với chữ “đáo 到” nếu tác giả dùng chữ đáo 到. Theo thiển ý của chúng tôi chữ “đả 打” là quấy phá, thể mà trăng vẫn chiếu sáng ở trước sân “nguyệt chiếu đình”! Đây có phải là Ngài Thái Tông ca ngợi đức hạnh của vị Sư ở Am Thanh Phong không?

Câu thứ hai:

Tâm kỳ phong cảnh cộng thể thanh

心清淒共景風期

Lòng người hèn ước cùng cảnh vật trong tâm trạng tĩnh lặng và thanh an! Nói lên sự an lạc vô biên của vị Sư Đức Sơn nhưng chính là tả nỗi lòng của tác giả trước cảnh tượng này.

Rồi đến câu thứ ba:

Cá trung tư vị vô nhân thức,

箇識人無味滋中

Tại sao Ngài Thái Tông lại bảo “tư vị vô nhân thức”? Có phải Thiền Sư Trần Thái Tông nhắc lại cho độc giả rõ ý “uống nước tự biết ấm lạnh”? Hai chữ “tư vị 滋

”味 đã diễn tả hương vị Thiền đậm đà mà chỉ người đã giác ngộ mới thấy được cái hạnh phúc đó!

Câu thứ tư:

Phó dữ sơn Tăng lạc đáo minh.

付明到樂僧山與

trong câu cuối này chữ “đáo 到” thật là “diệu xứ”! Nó mang nghĩa “rất rạo” vì chữ “minh 明” không chỉ có nghĩa là buổi sáng mà còn chỉ cho tâm ngộ đạo!

Nói tóm lại, bài “Ký Thanh Phong Am Tặng Đức Sơn” mang ý nghĩa “vạn vật đồng nhất thể,” con người và vạn vật cùng hòa điệu; không phân biệt nhân-ngã. Phải là người trải qua kinh nghiệm tâm linh mới viết bài thơ này một cách sâu sắc nên câu chữ đã dứt mà ý còn dài!



DƯỢC THẢO

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Dược thảo đã giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe con người từ nhiều ngàn năm, khi mà y học tây phương chưa xuất hiện. Dược thảo dùng cây thuốc để phòng bệnh và chữa bệnh.

Theo cơ quan Y tế Thế giới, một sản phẩm được coi là dược thảo khi thành phần chính gồm một bộ phận của thảo mộc nằm ở trên không hoặc ở dưới đất, trong hình dạng nguyên thủy hay sau khi được chế biến. Khi có pha lẫn hoá chất hay khoáng chất thì sản phẩm đó không còn là dược thảo nữa.

Cũng theo cơ quan này, hiện nay có tới 80% dân chúng trên thế giới dùng dược thảo. Kỹ nghệ chế biến dược thảo, bốc thuốc rất phát triển, thịnh vượng, thu vào nhiều chục tỷ mỹ kim.

Riêng tại Hoa Kỳ, vào năm 1998, dân chúng Hoa Kỳ tiêu hơn 4 tỷ mỹ kim để mua các loại dược thảo. Từ năm 1990 tới 1997, số người dùng dược thảo tăng 380%, số người đi khám bác sĩ giảm, mà số người đi khám bệnh thầy thuốc không chính thống lại tăng.

Dược thảo được bày bán khắp nơi, đôi khi ngay cả trong tiệm chuyên bán âu dược. Những môn thuốc của Mẹ Thiên Nhiên như lá, củ, rễ, vỏ, hoa đã mau chóng trở nên phương tiện trị liệu ưa thích của người dân. Họ mua để chữa các bệnh như cảm cúm, đau nhức, tiểu đường, tới bệnh trầm trọng hơn như ung thư các loại, tê liệt tứ chi.

Với cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) thì dược thảo được xếp hạng thực phẩm phụ, như đã quy định trong Dietary Supplement Health and Education Act năm 1994. Dược thảo được bày bán không cần thử nghiệm, nghiên cứu như âu dược, mặc dù dược thảo có tính cách trị bệnh và cũng có tác dụng phụ. Dược thảo không được quảng cáo là có công dụng trị bệnh mà chỉ được nói chung chung về ích lợi của sản phẩm, thí dụ thuốc làm lợi tiểu tiện, bổ gan, tăng cường miễn nhiễm...

Khi thuốc bị coi là không an toàn thì cơ quan này sẽ không cho bày bán.

Đa số dược thảo hiện có trên thị trường đều được sản xuất theo kinh nghiệm đã dùng hoặc dựa vào những bài thuốc được lưu truyền trong giòng họ và được coi như đáng tin cậy. Vì

dược thảo không được cơ quan FDA cấp bằng đặc quyền chế tạo, nên các nhà sản xuất không chịu bỏ vốn cho chi phí nghiên cứu khoa học như âu dược. Ngoài ra còn các vị lương y cổ truyền tiếp tục chẩn mạch, bốc thuốc phục vụ bệnh nhân.

Để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của dân chúng, chính quyền các quốc gia cũng bắt đầu lưu ý, dành ngân khoản, lập cơ quan nghiên cứu công dụng và an toàn của dược thảo.

Gần đây, viện National Institutes of Health, Hoa Kỳ, đã thành lập một trung tâm nghiên cứu về dược thảo cũng như các phương tiện trị liệu không chính thống, và đã dành nhiều ngân khoản cho việc nghiên cứu này. Đó là do áp lực của người tiêu thụ dược thảo mỗi ngày một tăng, vì nhiều lý do như:

- âu dược quá đắt, đôi khi không công hiệu, mà lại có nhiều tác dụng có hại, không muốn;
- dân chúng thích dược thảo có nguồn gốc trực tiếp từ cây cỏ hơn là âu dược hóa chất;
- bất bình với nhóm tài phiệt bao thầu quản trị y tế giới hạn việc sử dụng tây y để kiếm nhiều lợi nhuận.

Năm 2008, Cơ quan Y tế Thế giới cũng lập một ủy ban để phối hợp với các quốc gia ngõ hầu hệ thống hóa và hữu hiệu hóa môn trị bệnh cổ truyền giá trị này.

Một vài đặc điểm về dược thảo

Trước khi dùng dược thảo để trị bệnh, tưởng cũng nên tìm hiểu một vài dữ kiện về loại thuốc này:

1. Sự an toàn của dược thảo.

Ý kiến chung coi dược thảo an toàn hơn âu dược, ít gây chứng bệnh phụ và rất ít khi gây tai nạn tử vong.

Tuy nhiên dược thảo vẫn là một loại thuốc, khi dùng ta cần cẩn thận, không nên nghĩ vì nó là cây thiên nhiên thì không có hại.

Cam thảo (licorice) là một trong những thuốc cây cỏ dùng nhiều nhất trên khắp thế giới để chữa bệnh loét bao tử, ho, suyễn, nhưng nếu dùng lâu ngày, có thể gây cao huyết áp, nhức đầu, mệt mỏi. Khi mới dùng lần đầu, nên dùng với phân lượng nhỏ rồi tăng dần cho tới liều chỉ dẫn bởi nhà sản xuất.

Một thí dụ khác là cà phê, một loại họ thảo ta dùng mỗi buổi sáng để nâng cao tinh thần. Nếu uống hai ly mỗi sáng thì có tác dụng tốt như ý muốn, năm ly là có nhức đầu, nóng nảy, 15 ly thì bắt đầu thấy ù tai, chóng mặt.

Dược thảo bán trên thị trường không được thử nghiệm về sự tinh khiết và hiệu nghiệm, nên đôi khi có lẫn chất không cần như phấn hoa, phấn lá có thể gây dị ứng hoặc cây thuốc đã bị hư mục.

2. Công hiệu của dược thảo.

Các nhà sản xuất cũng như hơn 4 tỉ người đang dùng dược thảo đều cho là cây thuốc công hiệu trong việc trị bệnh và ngừa bệnh. Đã có nhiều nghiên cứu khoa học hỗ trợ ý kiến này.

Có điều là tác dụng của dược thảo thường từ



từ, nhẹ nhàng, cần thời gian lâu để có hiệu quả, do đó tốt trong việc phòng bệnh.

Dược thảo, với nhiều chất thuốc khác nhau, có tác dụng vào nhiều bộ phận cơ thể hơn là âu dược, với một dược chất có tác dụng tập trung vào một số dấu hiệu triệu chứng hoặc một bệnh.

Dược thảo thường không đủ mạnh để trị cấp cứu, nhất là các bệnh do vi khuẩn gây ra, do đó kháng sinh vẫn là thuốc căn bản.

3. Dược thảo không gây ghiền.

Thường thường cây thuốc gây ghiền như cây á phiện, cần sa... không được phép bán công khai tại tiệm thuốc âu dược hay tiệm thuốc thiên nhiên.

Ngoài ra dược thảo không có kích thích tố hay chất chống viêm steroid, nhưng một vài dược thảo có tác dụng hỗ trợ sự sản xuất các chất này trong cơ thể.

4. Nguồn gốc dược thảo.

Theo các nhà sản xuất, thì dược thảo đều do cây cỏ được trồng trong môi trường có kiểm soát, đôi khi không dùng hoá chất diệt sâu bọ, cỏ dại hoặc phân bón nên phẩm chất tốt, thiên nhiên. Nhiều khi cây mọc hoang cũng được dùng để chế thành thuốc.

5. Chọn lựa dược thảo

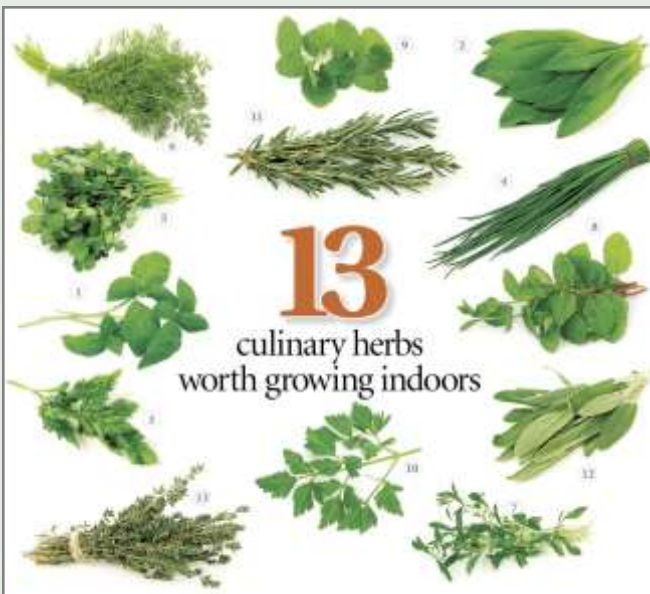
Như đã nói ở trên, nhà sản xuất không cần chứng minh sự an toàn và công hiệu của dược thảo khi tung ra thị trường, mà chỉ khi nào có chuyện xảy ra thì thuốc đó mới bị bỏ đi.

Tiêu chuẩn bào chế của mỗi nhà sản xuất đều khác nhau, nên tỷ lệ dược liệu đều thay đổi. Tỷ lệ này cũng thay đổi tùy theo cây cỏ được trồng ở địa phương nào, được hái vào mùa nào, được tồn trữ ra sao và phần nào (rễ, thân hay lá) của cây được xử dụng để chế thuốc.

Những điều này gây khó khăn không ít cho người tiêu thụ khi mua thuốc. Vì thế các nhà sản xuất đã tổ hợp với nhau để thống nhất bào chế.

Khi mua, nên lựa sản phẩm do sự liên kết với các công ty ở Âu châu, vì thường thường họ có cơ sở nghiên cứu đầy đủ về phân lượng, tinh khiết và công hiệu.

Cũng nên lựa sản phẩm cũng có nhãn hiệu với chỉ dẫn cách dùng, tác dụng phụ, loại cây cỏ, ngày hết hạn.



Những điều cần lưu ý khi dùng dược thảo

Tại Hoa Kỳ, Tây y được xây dựng trên căn bản sinh hóa học tiên bộ. Cơ quan Thực Phẩm và Dược Phẩm, với nhiệm vụ điều hợp thực dược phẩm, bảo vệ sức khoẻ con người, thường nhìn dược thảo với con mắt dè dặt, nghiêm khắc. Họ cho là dược thảo không có công dụng trị liệu và nguy hiểm.

Một luật gia than phiền là hiện giờ có hai chế độ dược phẩm: một chế độ muốn dược bày bán phải chứng minh có công hiệu trị liệu và tuân theo luật lệ; chế độ kia dược bán tự do, không cần kê khai giá trị.

Bác sĩ Marcia Angel, Chủ bút tập san Y học uy tín New England Journal of Medicine khẩn khoản kêu nài dân chúng đừng tự chữa bệnh, dùng dược thảo vì thuốc có nhiều thành phần không khai báo được pha thêm vào như chì, thạch tín, rất nguy hiểm.

Còn giáo sư dược khoa nổi danh Varro Tyler cho là sự nghiên cứu về dược thảo của các quốc gia Âu Châu rất đáng tin cậy, tuy nhiên, độc tính dài hạn của thuốc cần được theo dõi, tác dụng phụ có hại thường được che dấu, giảm thiểu.

Dù vậy, dược thảo vẫn được người dân tiêu thụ, vì niềm tin có bệnh thì vái tứ phương, vì có ngay khi cần, không phải mất công lấy hẹn, ngồi chờ bác sĩ, cũng như khi gặp trọng bệnh mà Tây Y bó tay. Tuy nhiên cũng nên lưu ý mấy điều để tránh chuyện chẳng lành:

1- Thông báo cho bác sĩ nếu đang dùng dược thảo để tránh tác dụng không tốt giữa âu dược và thuốc cỏ cây. Không dùng ginkgo biloba (bạch quả) với thuốc trị đau nhức Aspirin, thuốc ngừa tai biến não Ticlid, Persantine; âu dược trị trầm cảm với St John Wort...

2- Không dùng dược thảo khi mang thai, nuôi con bằng sữa mẹ, không cho con nhỏ dùng dược thảo vì ở trẻ em và thai nhi, gan chưa đủ sức vô hiệu hóa độc chất của dược thảo. Xin đan cử một thí dụ: khi uống một ly cà phê, người lớn chỉ cần 5 giờ để loại khỏi cơ thể mà con nít cần đến cả 80 giờ.

3- Tuy dược thảo có nguồn gốc thiên nhiên nhưng không thiên nhiên với cơ thể con người. Cho nên thuốc có thể gây bất lợi khi dùng, nhất là vì thiếu kiểm soát nên thành phần không thống nhất, phẩm chất không tinh khiết, đôi khi pha lẫn chất có hại cho cơ thể.

4- Không nên dùng dược thảo quá dăm tuần lễ vì an toàn dùng dài hạn chưa được chứng minh, cũng như không dùng quá nhiều vì nguy cơ gây độc cho gan và thận. Cũng không nên dùng nhiều dược thảo khác nhau một lúc vì tác dụng tương phản của thuốc.

5- Dược thảo cũng có tác dụng phụ như bạch quả gây xuất huyết; mã hoàng (ephedra) gây tăng huyết áp, nhức đầu, rối loạn nhịp tim; St John wort làm chóng mặt, mệt mỏi khô miệng, mất định hướng...

Và cuối cùng là không nên quá tin tưởng ở lời quảng cáo, giới thiệu của nhà sản xuất vì những lời này không được cơ quan trách nhiệm xác định giá trị, đồng thời cũng nên tìm hiểu về đặc tính trị liệu của loại dược thảo đang dùng.

Vì sau khi dùng mà "thuốc" không công hiệu hoặc có tác dụng không muốn thì ta còn "kiến tập thể", để đòi bồi thường. Chứ chẳng lẽ lại "ngậm miệng", chịu đau.

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC
www.bsnguyenyduc.com

DINH DƯỠNG CHAY NGĂN NGỪA BỆNH TẬT

Tâm Diệu

Ở Việt Nam, đạo Phật, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hào, và đạo Hindu đều khuyến khích tín đồ ăn chay. Dù rằng mỗi tôn giáo đều có sự khác biệt về mục đích hay trong cách ăn chay.

Hoặc ăn chay kỳ, hoặc ăn chay trường, hoặc ăn chay tuyệt đối (không trứng) hoặc ăn chay không tuyệt đối. Đa số ăn chay vì tôn giáo, vì một lời nguyện nào đó, nhưng cũng có người ăn chay vì sức khỏe, ăn chay vì thói quen, vì kinh tế hay vì phong trào. Thế nhưng hiện nay tại các quốc gia tiên tiến trên thế giới đang có phong trào ăn chay, phát xuất từ những nhận thức mới về bảo vệ môi trường, bảo vệ sức vật, và nhất là những chứng minh khoa học, ăn chay có nhiều lợi ích cho sức khỏe.

Theo tin BBC news, tại thành phố Ghent (Bi), chiến dịch ăn chay đang được triển khai rầm rộ nhằm khuyến khích người dân mỗi tuần một ngày ăn chay để bảo vệ môi trường và chống lại hiện tượng biến đổi khí hậu. Đây là thành phố đầu tiên ở châu Âu và có lẽ là thành phố đầu tiên trên thế giới có cách làm mới này. Thành phố Ghent lâu nay nổi tiếng thân thiện với môi trường vì đã có nhiều hành động bảo vệ môi trường như sản xuất điện bằng sức gió và khuyến khích dân chúng di chuyển bằng xe đạp. Và nay, thêm một hành động nữa - Thứ năm hàng tuần sẽ là ngày không ăn thịt, hoặc ngày "Ăn chay". Ông Tom Balthazar, Nghị viên Hội đồng Nhân dân thành phố cho biết: "Có 5 lý do khiến chúng tôi đưa ra chiến dịch này, trong đó quan trọng nhất là vì môi trường. Thực tế cho thấy, ngành công nghiệp sản xuất thịt quy mô lớn có ảnh hưởng rất tiêu cực tới môi trường, ngành này thải ra 18% khí thải gây hiệu ứng nhà kính, và chúng ta cần khắc phục điều này vì tương lai". Ông Balthazar cũng cho rằng, ăn chay sẽ giúp tiết kiệm nguồn nước, vì để sản xuất 1 kg thịt tốn rất nhiều nước. Ngoài ra, ăn ít thịt hay không ăn thịt cũng sẽ rất tốt cho sức khỏe, vì giảm nguy cơ bị bệnh tim, tiểu đường và béo phì.

Quyết định trên của Hội đồng Nhân dân thành phố Ghent đã nói lên nhiều ý nghĩa và tầm quan trọng của việc ăn chay thời nay. Riêng đối với đạo Phật, từ xưa cho đến nay, việc ăn chay cũng không ra ngoài mục đích chính là bảo vệ môi trường và bảo vệ chúng sinh đang sinh sống trong môi trường đó. Ăn chay là tôn trọng và bảo vệ sự sống của chúng sinh đồng thời là một phương pháp tu tập tâm hằng ngày của người theo đạo Phật để phát triển và nuôi dưỡng tâm từ bi, nhắc nhở người ăn chay, mỗi ngày mỗi gieo trồng hạt giống từ bi, giúp cho tâm mỗi ngày một từ bi hơn, mỗi ngày một cảm thông hơn, bên nhạy hơn, trước nỗi khổ đau của chúng sinh. Thực phẩm từ nguồn thực vật không chỉ là nguồn nuôi dưỡng thân thể vật chất mà còn là thực phẩm nuôi dưỡng tâm từ bi và từ bi chính là mảnh đất màu mỡ giúp cho trí tuệ nảy mầm và phát triển.

Đối với đạo Phật, cho rằng ăn chay để gìn giữ sức khỏe là không đúng. Ăn chay, nếu đem lại một thân thể khỏe mạnh thì chỉ là phó sản mà thôi. Tuy nhiên, muốn được phó sản tốt, việc ăn chay cần phải đúng phương pháp dinh dưỡng mới đem lại kết

quả tốt cho sức khỏe. Điều này đã được xác nhận qua bản tuyên bố chung của các hiệp hội dinh dưỡng, Hoa Kỳ, Canada và Pháp (APSARES): "Các lối ăn chay (kể cả ăn toàn chay) nếu được thực hiện đúng đắn sẽ rất tốt cho sức khỏe, thích hợp trên phương diện dinh dưỡng và hiệu quả trên phương diện phòng ngừa và trị liệu một số bệnh tật".

Vậy ăn chay như thế nào mới là đúng phương pháp?

Ăn chay được xem là đúng phương pháp khi thực phẩm cung cấp cho cơ thể chúng ta đủ các chất dinh dưỡng cần thiết và tạo ra một số nhiệt lượng calories đủ cho cơ thể hoạt động và tăng trưởng và cũng không quá ít để bị suy nhược. Nói một cách khác là quân bình nhiệt lượng calories giữa cung và cầu của cơ thể. Tổng nhiệt lượng calories hấp thu mỗi ngày không nên quá lớn.

Dù ăn chay theo loại nào thì dưới góc độ dinh dưỡng cũng phải hội đủ **bốn nguyên tắc cơ bản**:

Thứ nhất: Ăn nhiều và thường xuyên dùng các thực phẩm rau, đậu, ngũ cốc gạo lứt và trái cây có tiềm năng chống ung thư: Những loại rau có màu đậm như xanh đậm, vàng và đỏ, có chứa phytochemicals: beta carotene, caroten-oids, dithiolthiones, lycopene, lutein, genistein, isoflavones; vitamin C, E, folic acid, calcium, và nhiều chất bổ dưỡng khác, như broccoli, bí rợ (kabocha), khoai lang (sweet potato, yam), cà rốt, cà chua, hạt đậu nành, v.v... Những thứ này đều có tác dụng nâng cao khả năng loại tế bào chống tế bào ung thư, chống lại sự tấn công của sự ố xít hóa, đồng thời có tác dụng thúc đẩy nhu động của ruột, thải bỏ nhanh chất độc hại ra khỏi cơ thể. Những thức ăn khác như hành, tỏi, cần tây có chứa chất allyl sulfides cùng những thức ăn có chứa nhiều chất selenium, axit folic, và những loại có chứa nhiều chất molybdenum, như bí đỏ, rau cải trắng vân vân cũng có tác dụng chống ung thư.

Thứ hai: Ăn đa dạng nhiều loại thực phẩm: Trong thức ăn thiếu một thành phần nào đó lâu dài



để gây ung thư như thiếu các loại vitamin A, vitamin B2, vitamin C, vitamin E, và chất xơ, trong thời gian dài có thể dẫn đến ung thư ruột và ung thư dạ dày. Vì vậy trong khẩu phần ăn hàng ngày cần phải làm cho cơ thể hấp thu đủ các loại chất dinh dưỡng, vitamin, chất khoáng, chất xơ, và nước đầy đủ mới có thể sống khỏe mạnh, chống được bệnh tật, nhất là bệnh ung thư. Nên nhớ là không có bất kỳ một loại thực phẩm đơn độc nào bao hàm đầy đủ các chất dinh dưỡng mà cơ thể cần đến. Chẳng hạn như cam cho nhiều sinh tố C nhưng lại không có sinh tố B12.

Thứ ba: Ăn các loại thực phẩm càng ít chế biến hoặc chưa chế biến càng có lợi về dinh dưỡng. Cứ qua một lần chế biến thì chất dinh dưỡng của thực phẩm bị giảm đi do quá trình chuyển hóa. Ví dụ như gạo được chế biến cho trắng vì qua quá trình đánh bóng gạo, đã làm mất đi rất nhiều chất dinh dưỡng nằm ngoài vỏ hạt gạo. Các loại ngũ cốc khác cũng vậy và thực phẩm tươi tốt hơn thực phẩm đóng hộp.

Thứ tư: Nên thay đổi thói quen ăn uống không hợp lý, như thích ăn các thức ăn quá cay, quá chua, quá nóng, quá lạnh hoặc quá cứng, ăn như vậy sẽ kích thích hệ thống ruột và niêm mạc dạ dày, dễ sinh viêm, hình thành những ổ loét, tạo cơ sở sinh bệnh ung thư. Tránh ăn nhanh, nuốt vội, làm cho nước bọt không tiết ra đầy đủ, gây trở ngại cho tiêu hóa và không phát huy được tác dụng chống ung thư của nước bọt. Tránh ăn nhiều và thường xuyên các loại thức ăn chiên, nướng, hun khói cũng như các loại dưa muối, vì những thức ăn này có thể sinh ra chất gây mầm mống ung thư.

Yếu tố cân bằng dinh dưỡng là điều cần thiết. Hiệp hội ăn chay Hoa Kỳ đề nghị chúng ta nên ăn nhiều thực phẩm loại whole grains, rau xanh (vegetables) đậu (legumes), trái cây tươi (fruits) và ăn ít những thức ăn có chứa nhiều chất béo, chất ngọt và chất muối. Một vị bác sĩ chuyên khoa về dinh dưỡng đề nghị một tỷ lệ hợp lý về dinh dưỡng chay là 4/6 hay 3/7 để chúng ta dễ nhớ. Tỷ lệ này có nghĩa là 4 phần hay 3 phần whole grains và 6 phần hay 7 phần rau xanh, đậu và trái cây tươi. (người cao tuổi, không hoạt động nhiều nên áp dụng tỷ lệ 3/7 – chú thích của người biên tập)

Dưới đây là bốn nhóm thực phẩm áp dụng cho người ăn chay:

Nhóm cốc nguyên chất (whole grains), bao gồm gạo lứt tẻ (brown rice), gạo lứt nếp (sweet brown rice), bánh mì lát làm bằng bột lúa mì nguyên chất (whole wheat), bột mì nguyên chất (whole flour), yến mạch xay (rolled oats), hạt kê (millet) và lúa mạch (barley). Những thứ này chứa nhiều chất xơ, đường complex carbohydrates, và có một số chất sinh tố vitamin B, vitamin E, chất khoáng minerals, protein và hầu như không có chất béo.

Nhóm đậu (Legumes), bao gồm các loại đậu khô như đậu nành, đậu xanh, đậu đỏ, đậu ngự, đậu đen, đậu lentil, đậu pinto, đậu lima, đậu navy, đậu hà lan, đậu tây cô ve và đậu tươi như đậu hà lan (snow peas), đậu ngọt (snap peas), đậu que, đậu đũa. Có nhiều loại đậu đặc biệt cho một địa phương nào đó như đậu pinto ở các quốc gia vùng Trung Nam Mỹ châu, đậu đen ở Mexico, navy beans ở Anh quốc và Boston. Đậu là loại thực phẩm chứa nhiều protein, chất xơ, đường carbohydrate, chất sắt và calcium.

Nhóm rau (Vegetables), bao gồm rất nhiều loại rau, như bông cải trắng (cauliflower), bông cải xanh (broccoli), bắp cải (green cabbage), cải bắp



Bình Yên

*Cần gì phải kiếm bình yên?
Trong ta đã chẳng thật yên bình à?
Tự đừng ý nghĩ thoáng qua
Kéo ta quay quắt giữa ta bà, đời*

*Giật mình tỉnh giấc mộng hời
Ồ!
Ra là khắp mọi nơi yên bình*

TRỊNH GIA MỸ

thơ

thảo (Chinese cabbage), cải xanh (mustard green), cải ngọt (yu choy), cần tàu (Chinese celery), xà lách xanh (green leaf), xà lách búp (lettuce), xà lách Boston (Boston lettuce), củ sắn (jicama), bí lông (moqua), bí rợ (kabocha), củ cải trắng (daikon), khoai mỳ (yucca) khoai lang (sweet potato, yam)...v.v., nhưng nhiều bổ dưỡng nhất vẫn là broccoli. Chỉ một cup broccoli cắt nhỏ cung cấp 90% hàm lượng vitamin A dưới dạng beta carotene cần thiết hằng ngày, 200% hàm lượng vitamin C, 25% chất xơ cần thiết, và một số lượng nhỏ calcium, niacin, thiamin, và phosphorus. Một cup broccoli cung cấp 45 calories.

Nhóm trái cây, bao gồm nhiều loại khác nhau, đa số đều có chứa nhiều vitamin, như vitamin C, và chất khoáng.

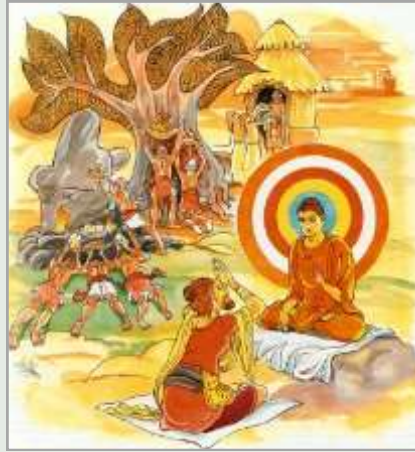
Hạt (nuts and seeds) không được sắp vào bốn nhóm thực phẩm trên vì chúng có chứa nhiều chất béo, nên chỉ được xem là thức ăn chơi, ngoại trừ hạt Flaxseed và Chia Seed chứa một số chất phytochemicals có khả năng ngừa các mầm mống ung thư, và có tác dụng antioxidants, đồng thời nó cũng có chất béo tốt loại Omega-3 fatty acids, có hiệu năng làm giảm cholesterol xấu LDL và gia tăng cholesterol tốt HDL.

Tâm Diệu

CHO DÙ BIÊN BIỆT SƠN KHÊ NHƯNG TÂM TƯ VẤN VỌNG VỀ CỐ HƯƠNG

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng thiên thần Hoa Man, Ma-la-ba-ri (Garland-Wearer, Mālabhāri) một hôm vào lạc viên ở tầng trời thứ Ba mươi ba với một ngàn tiên nữ. 500 tiên nữ trèo lên cây hái hoa, thả xuống; 500 tiên nữ nhặt hoa, kết thành từng tràng và trang điểm cho thiên thần. Một tiên nữ ngồi trên cành cây cao bỗng dưng đầu thai vào một gia đình vọng tộc ở Xá-vệ. Vừa mở mắt chào đời cô đã nhớ rõ kiếp trước của cô là vợ của thiên thần Hoa Man. Do đó, khi lớn lên, cô thường hái nhiều loại hoa khác nhau, kết thành từng tràng cúng dường Đức Thế Tôn và Tăng đoàn với ước nguyện sẽ được tái sinh với người chồng cũ.



Khi lên mười sáu tuổi, cô được cha mẹ gả cho một thanh niên khỏe mạnh, nhanh nhẹn thuộc gia đình thâm tín Tam bảo. Nhờ thế, cô thường viếng chùa, lễ Phật, cúng dường lương thực, y phục và những vật dụng cần thiết khác cho Thế Tôn và đại chúng với lời khẩn nguyện:

- Nguyện cầu Thế Tôn và hiện tiền chúng Tăng chứng minh công đức, giúp con được tái sinh với người chồng cũ.

Mỗi khi cúng dường, lễ Phật cô đều dâng lời ước nguyện duy nhất như thế. Tăng chúng thấy vậy nhìn nhau, thắc mắc:

- Cô này lạ thật! Coi bộ nết na thùy mị, lễ Phật cúng dường như vậy mà vẫn đa sầu, đa cảm. Chồng ngồi bên cạnh trợ vợ, đang tâm tư tưởng chồng hờ kiếp nao! Đúng là: sông ái ân nước dâng ngàn thước, biển khổ đau sóng đập muôn trùng.

Các sư không ngần ngại tặng cho cô biệt hiệu là Trọng Phu, Pa-ti-pu-ji-ka (Husband-Honorer, Patipūjikā) Cô thường xuyên chăm sóc tăng đường được thiết lập giữa một ngôi làng hiền hòa, vắng vẻ. Cô ngày ngày quét dọn phòng xá sạch sẽ, chuẩn bị nước nôi và bần ghế tươm tất cho Tăng chúng. Cô cẩn trọng tích lũy công đức, nuôi dưỡng thiện nghiệp; và niềm vui đã đến với gia đình nhà chồng, cô có thai và sanh được một cháu trai

bụ bẫm, dễ thương sau mười tháng tinh chuyên chăm lo âm thực cho Tăng đoàn. Khi cháu vừa biết đi, cô sanh thêm đứa thứ hai, rồi đứa thứ ba, đứa thứ tư; và trong vòng sáu năm, cô sanh được bốn cháu trai khỏe mạnh, lanh lợi, thông minh.

Một buổi sớm mai, tiết trời dịu mát, cô dâng lễ vật cúng dường Đức Thế Tôn, nghe Ngài thuyết pháp, thọ tri giới luật, và đến cuối ngày thì cô lặng lẽ qua đời sau một chút choáng váng. Cô được tái sinh với người chồng trước theo ước nguyện thiết tha của mình.

Trong khoảng thời gian cô làm dâu, làm vợ, sanh con, lễ Phật, cúng dường, giúp chùa, công quả và già từ dương thế thì các tiên nữ vẫn còn đang trang điểm hương hoa cho thiên thần. Vừa chợt thấy cô, thiên thần Hoa Man hỏi:

- Từ sáng tới giờ ta không thấy thiếp. Phu nhân đi đâu về đó?

- Thiếp đã đầu thai một kiếp, thưa phu quân.

- Phu nhân nói sao?

- Đúng thế, thưa phu quân! Thiếp đã đầu thai một kiếp.

- Phu nhân đầu thai vào cõi nào?

- Trong một gia đình khá giả ở Xá-vệ.

- Phu nhân ở đó được bao lâu?

- Cuối tháng thứ mười thì

thiếp được mẹ thiếp cho ra đời. Khi lên mười sáu tuổi, thiếp phải theo chồng về một gia đình khác. Thiếp đã sanh được bốn người con trai. Rồi thiếp lo việc nhà, việc chùa quần quật suốt ngày. Chẳng hạn như lễ Phật, cúng dường, tụng kinh, bái sám, bửa củi, nấu ăn, giặt giũ, rửa ráy v.v... nhưng thiếp lúc nào cũng cầu nguyện sao cho được tái hợp với phu quân.

- Hay lắm! Thế... thọ mạng của người đời được bao lâu?

- Chỉ vòn vẹn một trăm năm!

- Ngắn ngủi vậy sao?

- Đúng vậy, thưa phu quân!

- Nếu thọ mạng người đời ngắn như vậy thì họ chỉ biết ăn chơi, ngủ nghỉ hay lễ Phật, cúng dường?

- Dạ... họ vốn thích buông lung phóng dật, tận hưởng khoái lạc, sống thác theo đời; cho dù sống đến muôn kiếp họ vẫn thế, chả có chủ đề hay định hướng gì cho chu trình sanh - lão - bệnh - tử.

Vô cùng ái ngại, thiên thần Hoa Man cất tiếng hỏi:

- Nếu như phu nhân nói người đời chỉ sống trăm năm, và nếu như họ thường phóng ngôn lộng ngữ, cầu thả buông lung, ăn ngủ vô độ thì làm sao trong thời gian ngắn ngủi ấy họ có thể liễu sanh thoát tử, tận khử khổ đau?

- Phu quân hỏi nhiều quá! Hạ giới một chuyện thì biết. Thiếp thấy sao nói vậy.

- Ha! Ha!... Thôi được rồi. Cảm ơn phu nhân đã cho ta biết đôi điều ở dương thế.

Sáng sớm hôm sau, các sư vào làng khất thực, đến tăng đường, thấy nước nôi không có, bần ghế ngổn ngang, trên thềm dưới sân lá dòn chồng chất, bèn vui miệng nói:

- Ua, cô Trọng Phu nay sao giải đãi thế! Nhớ đức lang quân năm xưa đến nỗi quên cả nghĩa vụ thiện môn sao? Thưa bà Trọng Phu kính mến!

Một Phật tử từ trong nhà chạy ra, chấp tay xá xá và nói lấp bắp:

- Bạch chư sư, cô ấy mất tội hôm qua rồi. Tội nghiệp! Suốt

ngày lễ Phật, cúng dường, bòn mót công quả; tối về tắm rửa, cơm nước xong, lên giường nằm là đi luôn. Tôi nghiệp quá!

Các sư đã chứng quả A-la-hán thì thần nhiên trước sự vận hành của các pháp hữu vi, còn các sư chưa thành đạt thì ngậm ngùi, liếc nhìn nhau và đưa tay lau nước mắt.

Sau thời thiền hành, khất thực, các sư đến tu viện, đánh lễ Đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, Phật tử Trọng Phu mất rồi. Cô ấy cần trọng, chăm chỉ, góp nhiều công sức cho chùa, nhưng vẫn một lòng nguyện tác hợp với người chồng cũ. Bạch Thế Tôn, cô ấy đâu thai về đâu? Liệu cô ấy có gặp lại người chồng cũ không?

- Này các thầy Tỳ-kheo, người chồng cũ mà cô ấy nguyện tác hợp không giống như ý nghĩ suy diễn của các thầy. Đó là thiên thần Hoa Man ở tầng trời thứ Ba mươi ba. Cô ấy đâu thai trong khi đang trang điểm hoa hương cho thiên thần đó. Nay cô ấy đã về quê cũ, gặp lại người xưa trong bầu không khí phu thê hạnh phúc.

- Đúng vậy sao, bạch Thế Tôn?

- Như Lai chơn ngữ giả, thật ngữ giả, bất cống ngữ giả.

- A Di Đà Phật! Bạch Thế Tôn, thọ mạng của chúng sanh trên cõi đời này sao ngắn ngủi quá! Buổi sáng lễ Phật tụng kinh, tối về già từ dương thế!

- Này các thầy Tỳ-kheo, thọ mạng của con người trên cõi đời này quả thật mong manh, cho nên họ bỏ công tìm kiếm và hưởng thụ dục lạc. Nhưng tiếc thay, ý dục lạc chưa thỏa thì đã bị tử thần lôi họ ra đi với những lời khốc than ai oán.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn mỉm cười, đưa mắt nhìn đại chúng một lượt, xong Ngài đọc kệ:

*Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Dục vọng, ý chưa vửa,
Đã bị tử thần kéo.
(PC. 48)*



The Story of Patipujika Kumari Verses 48 - Dhammapada

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (48) of this book, with reference to Patipujika Kumari.

Patipujika Kumari was a lady from Savatthi. She married at the age of sixteen and had four sons. She was a virtuous as well as a generous lady, who loved to make offerings of food and other requisites to the Bhikkhus. She would often go to the monastery and clean up the premises, fill the pots and jars with water and perform other services. Patipujika also possessed Jatissara Knowledge through which she remembered that in her previous existence she was one of the numerous wives of Malabhari, in the deva world of Tavatimsa. She also remembered that she had passed away from there when all of them were out in the garden enjoying themselves, plucking and picking flowers. So, every time she made offerings to the Bhikkhus or performed any other meritorious act, she would pray that she might be reborn in the Tavatimsa realm as a wife of Malabhari, her previous husband.

One day, Patipujika fell ill and passed away that same evening. As she had so ardently wished, she was reborn in Tavatimsa deva world as a wife of Malabhari. As one hundred years in the human world is equivalent to just one day in Tavatimsa world, Malabhari and his other wives were still in the garden enjoying themselves and Patipujika was barely missed by them. So, when she rejoined them, Malabhari asked her where she had been the whole morning. She then told him about her passing away from Tavatimsa, her rebirth in the human world, her marriage to a man and also about how she had given birth to four sons, her passing away from there and finally her return to Tavatimsa.

When the Bhikkhus learned about the death of Patipujika, they were stricken with grief.

They went to the Buddha and reported that Patipujika, who was offering alms-food to them early in the morning, had passed away in the evening. To them the Buddha replied that the life of beings was very brief; and that before they could hardly be satiated in their sensual pleasures, they were overpowered by Death.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 48. Like one who picks and chooses flowers, a man who has his mind attached to sensual pleasures and is insatiate in them is over powered by Death.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.